

Đánh giá về VCA có sự tham gia và phân tích so sánh với CBDRA

BÁO CÁO CUỐI CÙNG



Người báo cáo: Nguyễn Thị Phúc Hòa
Melanie Miltenburg

Ngày 19 tháng 10 năm 2015



 International Federation
of Red Cross and Red Crescent Societies

 German
Red
Cross

 Spanish Red Cross
Cruz Roja Española

 Humanitarian Aid
and Civil Protection

Mục lục

Mục lục	2
Danh mục những từ viết tắt.....	3
Tóm tắt nội dung.....	4
1. Giới thiệu	8
1.1 Bối cảnh của việc đánh giá	8
1.2 Mục tiêu	8
1.3 Phương pháp	9
2 VCA do CTĐ VN thực hiện	14
2.1 Tài liệu, phương pháp và công cụ.....	14
2.2 Lồng ghép nhóm đặc thù.....	15
2.3 Lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu.....	18
2.4 Sự phù hợp trong bối cảnh đô thị.....	19
2.5 Báo cáo VCA.....	20
2.6 Kỹ năng thúc đẩy và tập huấn.....	20
2.7 Hiệu quả của VCA cho việc lập kế hoạch ở cấp cao hơn.....	22
3 So sánh VCA với CBDRA	26
3.1 CBDRA	26
3.2 Những điểm tương đồng và khác biệt.....	27
3.3 Những điểm so sánh lợi thế và bất lợi	28
4 Kết luận và Đề xuất.....	33
4.1 Kết luận	33
4.2 Đề xuất	34
4.3 Tiếp nối kết quả VCA	36
PHỤ LỤC 1: Chi tiết điều khoản tham chiếu (TOR)	39
PHỤ LỤC 2: Kế hoạch đánh giá thực địa	45
PHỤ LỤC 3: So sánh chi tiết giữa Sổ tay hướng dẫn VCA và tài liệu CBDRA	54
PHỤ LỤC 4: Danh sách những người đã phỏng vấn	61
PHỤ LỤC 5: Gợi ý tài liệu bổ sung cho Sổ tay hướng dẫn VCA	68
Phần bổ sung 1: Làm thế nào để đảm bảo tốt việc lồng ghép các nhóm dễ bị tổn thương trong VCA	69
Phần bổ sung 2: Chương trình thực hiện đánh giá VCA.....	72
Phần bổ sung 3: Biểu mẫu bổ sung cho công cụ VCA.....	75
Phụ lục của Phần bổ sung 3: Gợi ý cho việc thu thập thông tin	97
Phần bổ sung 4: Mẫu báo cáo VCA.....	100

Lời cảm ơn

Việc rà soát đánh giá về việc Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng được hoàn thành với sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên tham gia: Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, Chữ Thập Đỏ Đức, Hiệp Hội Chữ Thập Đỏ, Trăng lưỡi liềm Đỏ Quốc Tế, Chữ Thập Đỏ Pháp, Tổ chức Malteser, Oxfam và cộng đồng Chữ Thập Đỏ, Tổ chức Phi Chính Phủ ở Việt Nam, Tổ chức Liên Hiệp Quốc (UNDP), Chính phủ, Chính quyền địa phương và người dân ở cộng đồng được đánh giá. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp cho đánh giá này.

Chúng tôi xin được chân thành cảm ơn sự hỗ trợ tích cực và sự hợp tác của những đồng nghiệp ở Chữ Thập Đỏ Đức tại Việt Nam trong suốt thời gian chúng tôi thực hiện công việc

Danh mục những từ viết tắt

AIT	Học viện Công nghệ Châu Á
AmRC	Chữ thập đỏ Mỹ
AuRC	Chữ thập đỏ Úc
CBDRA	Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (do DMC thực hiện)
CBDRM	Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng
CCA	Thích ứng với Biến đổi Khí hậu
CNDPC	Ban Phòng chống Thiên tai
CPC	Ủy Ban Nhân dân xã
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
DMC	Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ Thiên tai
DONRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DPC	Ủy ban nhân dân huyện
DPP	Kế hoạch phòng ngừa thiên tai
DRR	Giảm Rủi ro Thiên tai
FGD	Thảo luận nhóm đặc thù
GRC	Chữ Thập Đỏ Đức
IFRC	Hiệp Hội Chữ Thập Đỏ Trắng lưới liềm Đỏ Quốc tế
MARD	Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
NGO	Tổ chức Phi Chính Phủ
NRC	Chữ Thập Đỏ Na Uy
PC	Ủy ban Nhân dân
PWD	Người khuyết tật
SEDP	Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội
SWOT	Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức
TOR	Tham chiếu công việc
VCA	Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương, Khả năng (do CTĐ VN thực hiện)
VNRC	Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam

Tóm tắt nội dung

Phần giới thiệu

Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam (CTĐ VN) đã thực hiện việc đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng ở Việt Nam (gọi tắt bằng Tiếng Anh là VCA) trong một thời gian dài, như một phần của chương trình giảm rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Năng lực thực hiện Đánh giá VCA của Hội CTĐ đã được các bên tham gia của Hội CTĐ đánh giá cao, mặc dù vậy ngay buổi đầu nghiên cứu và thực hiện đánh giá này cũng cho thấy một vài điểm cần được cải tiến để việc đánh giá VCA được tốt hơn.

Song song với việc đánh giá VCA, vào tháng 7 năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt đề án 'Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng' theo Quyết định 1002/QĐ-TTg. Trong khuôn khổ đề án này, vào tháng 5 năm 2014 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (viết tắt Tiếng Anh là MARD) đã quyết định thực hiện Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (viết tắt Tiếng Anh là CBDRA) để đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Năng lực cho 6,000 xã ở vùng trọng điểm thiên tai của Việt Nam cho đến năm 2020.

Mục tiêu của đánh giá: Trong bối cảnh trên, công việc đánh giá của nhóm tư vấn tập trung vào hai phần chính sau:

1. VCA: Trọng tâm chính của VCA, và lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương là Người khuyết tật (PWD), người già, phụ nữ, trẻ em như thế nào trong VCA, đồng thời điều chỉnh đối với việc gắn Biến đổi khí hậu và đô thị hóa. Việc đánh giá cũng đồng thời xem xét đến hiệu quả của VCA đối với việc lập kế hoạch giảm rủi ro thiên tai của địa phương.
2. So sánh VCA với CBDRA: Việc đánh giá này cũng đồng thời nghiên cứu nhìn vào sự khác biệt và so sánh lợi thế và bất lợi của CBDRA với mục tiêu học hỏi từ kết quả so sánh đó để thực hiện VCA của VNRC và vai trò hỗ trợ cho CBDRA của Chính phủ của Hội.

Việc đánh giá nhằm mục đích để có được cái nhìn sâu sắc hơn về những hạn chế, đề xuất các khuyến nghị cụ thể và tiếp nối thông qua việc phát triển tài liệu bổ sung cho VCA.

VCA do VNRC thực hiện

Sử dụng Tài liệu hướng dẫn: CTĐ VN đã chọn VCA là một phần của Chiến lược Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM), và nó cũng đã là một công cụ giúp cho việc lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai được tốt hơn. Từ năm 2010, CTĐ VN đã phát triển Sổ tay dành cho hướng dẫn viên đánh giá VCA của Hội gồm có 2 cuốn với đầy đủ thông tin và là bộ tài liệu tham khảo tốt, trong đó cuốn 1 gồm các Khái niệm và Nguyên tắc tiến hành VCA, và cuốn thứ 2 là Hướng dẫn thực hiện VCA.

Mặc dù, Sổ tay hướng dẫn rất chi tiết với nhiều thông tin bổ ích, kết quả nghiên cứu có được từ việc rà soát các Báo cáo VCA và kết quả đánh giá thực địa đã cho thấy các hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN không sử dụng hết tiềm năng của Sổ tay hướng dẫn được cung cấp. Cũng vì thiếu đi những bảng biểu và hướng dẫn cụ thể, nên Sổ tay hướng dẫn có thể xem là tài liệu tham khảo tốt mà chưa phải là Sổ tay hướng dẫn thực hiện theo đúng nghĩa. Vì vậy, Sổ tay hướng dẫn chưa thực sự giúp cho hướng dẫn viên mới được đào tạo, những người còn lệ thuộc vào hướng dẫn thực hiện các bước một cách cụ thể, mà tài liệu chỉ phù hợp với những hướng dẫn viên đã có nhiều kinh nghiệm về VCA mới có thể hiểu những hướng dẫn và thực hiện tốt được. Với Hội CTĐ VN, thì số lượng hướng dẫn viên có khả năng như vậy vẫn chưa nhiều.

Lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương: Sổ tay hướng dẫn đã nêu những lưu ý khi làm việc với nhóm đặc thù và các hướng dẫn viên VCA khi được phỏng vấn cũng cho biết họ hiểu những

lưu ý khi thực hiện VCA với nhóm đặc thù. Tuy vậy, trong các báo cáo VCA chưa thể hiện được đề xuất nhu cầu đặc thù nào của Người khuyết tật, Trẻ em, Người già v.v... Việc lồng ghép giới trong VCA cũng chưa thể hiện rõ, trong một số báo cáo VCA có đề cập đến sự khác biệt giữa các hoạt động sinh kế của nam và nữ, nhưng lại thiếu sự phân tích và đưa ra giải pháp theo giới. Tuy là đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương, nhưng có rất ít NKT được mời tham gia vào quá trình đánh giá VCA. Các kỹ năng của hướng dẫn viên để khắc phục những rào cản của NKT vẫn còn nhiều hạn chế như hậu cần và xã hội, vì thế mà NKT tham gia chưa được nhiều. Mặc dù, trẻ em có nhiều hứng thú và ý tưởng nhưng cũng không được tham gia nhiều vào VCA. Thông tin khi làm với nhóm đặc thù đa phần là một chiều. Hướng dẫn viên CTĐ cung cấp thông tin cho trẻ em (để nâng cao nhận thức), nhưng thiếu cân nhắc đến những mối quan tâm hoặc ý kiến chia sẻ của các em để đưa vào kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai. Người già đã tích cực tham gia vào đánh giá VCA và đã được hướng dẫn viên sắp xếp tham gia vào thảo luận nhóm. Tuy vậy, thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng phòng ngừa ứng phó của người già cũng chưa được thể hiện trong các báo cáo VCA.

Thích ứng với Biến đổi Khí hậu: Do tính bất định của chủ đề này nên ít báo cáo VCA đã được rà soát đưa vào trong nội dung báo cáo thông tin tác động của BĐKH (dựa theo số liệu thứ cấp) hoặc dựa vào ý kiến cảm nhận sự thay đổi khí hậu của người dân, và cũng không có báo cáo nào phân tích để đưa ra những đề xuất phù hợp cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro. Chữ Thập Đỏ Đức (GRC) cũng đã phát triển một tài liệu tham khảo hướng dẫn đưa BĐKH vào VCA¹. Tài liệu đưa ra những lời khuyên: không nên dùng những từ ngữ khoa học mang tính chuyên môn khi nói đến BĐKH với cấp xã và với cộng đồng hoặc quá nhấn mạnh các đối tượng trong VCA. Thay vào đó, nên tham khảo những lời khuyên trong tài liệu hướng dẫn để tập trung chú ý đến xu hướng và thay đổi của thời tiết do BĐKH gây nên hoặc các yếu tố liên quan khác như là cơ sở cho việc đưa ra giải pháp 'khí hậu thông minh'.

VCA ở bối cảnh đô thị: Trong xu thế ngày càng nhiều người đến đô thị sinh sống và làm việc, CTĐ VN vừa thí điểm Đánh giá rủi ro ở khu vực đô thị với sự hỗ trợ của CTĐ Mỹ (AmRC). Kết quả của các đánh giá thí điểm cho thấy: một số vấn đề quan trọng mang tính đặc thù của đô thị bị bỏ lỡ (ví dụ: Khó khăn tư nhân, vấn đề người nhập cư, điều chỉnh kế hoạch theo thông tin thực tế của thành phố đó), vì thế nên báo cáo VCA và những đề xuất giải pháp giảm rủi ro không mang tính đặc thù của vùng đô thị so với các VCA khác ở vùng nông thôn. Chữ Thập Đỏ Mỹ hy vọng: với những đánh giá thí điểm này, thời gian tới sẽ có thể đưa ra được phương pháp đánh giá chú trọng đến nhu cầu đặc thù của vùng đô thị.

Báo cáo VCA: Có tất cả 69 báo cáo VCA đã được rà soát trong quá trình thực hiện việc đánh giá này. Hạn chế lớn nhất của các báo cáo là phần phân tích thông tin, dữ liệu thu được. Các Báo cáo VCA đều viết chung chung và dài dòng. Hầu hết trong số đó chỉ tập hợp được nhiều thông tin chung hơn là hữu ích cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro cụ thể.

Việc thúc đẩy: Đội ngũ hướng dẫn viên VCA nòng cốt của CTĐ VN đang giảm dần theo thời gian. Cơ hội nâng cao năng lực cho nhóm chưa có nhiều kinh nghiệm cũng bị hạn chế đã cản trở việc tăng cường đội ngũ hướng dẫn viên. Trong quá trình đánh giá ở các địa phương: phản hồi tích cực từ cộng đồng cho thấy họ đánh giá cao kỹ năng tập huấn của hướng dẫn viên CTĐ VN. Các Tổ chức Phi Chính phủ, Tổ chức Liên Hiệp Quốc (UNDP) tại Việt Nam và Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ Thiên tai (DMC) có một số quan tâm về kỹ năng huy động và làm việc với nhóm đặc thù.

Tiếp nối sau VCA: Mặc dù Chính quyền các địa phương có nhận xét tích cực về lợi ích (tiềm năng) của VCA, trên thực tế các báo cáo VCA sau khi hoàn thiện cũng chưa thực sự được sử dụng tốt. CTĐ VN không giám sát việc tiếp nối sau VCA và thường cũng không có được thông

¹ Những kiến nghị với tài liệu hướng dẫn Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng (VCA)

tin về kết quả sử dụng báo cáo cho việc lập kế hoạch tại các địa phương. Trừ khi VCA là một phần của dự án tài trợ, thì những đề xuất trong báo cáo VCA được thực hiện.

So sánh VCA với CBDRA

Vào thời điểm đánh giá, việc thực hiện CBDRA vừa mới bắt đầu và cũng đã có đến 51 CBDRA được thực hiện và tất cả 20 tỉnh trọng điểm đã được tập huấn (đối tượng chủ yếu đến từ BPCTT và Tổ chức xã hội). Sự đóng góp của Hội CTĐ VN trong việc thực hiện tập huấn cho các tỉnh được đánh rất giá cao. Tuy những CBDRA đầu tiên cho thấy về chất lượng phương pháp này vẫn còn một số hạn chế, UNDP vẫn coi đó là một khởi đầu tốt đẹp và là một bước tiến lớn của Chính phủ Việt Nam để đạt được sự tham gia của nhiều địa phương trong Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM).

Những điểm tương đồng và khác biệt: Phương pháp đánh giá VCA và CBDRA có nhiều điểm tương đồng và điểm khác biệt. Mục đích và kết quả mong đợi của hai phương pháp cơ bản như nhau, tuy vậy, điểm khác biệt cơ bản giữa hai phương pháp đó là: VCA bao gồm cả thiên tai và nhân tai, trong khi CBDRA chỉ tập trung vào thiên tai mà thôi. VCA được thực hiện bởi các chuyên gia là những cán bộ của CTĐ VN đã có quá trình được đào tạo về VCA một cách bài bản, trong khi CBDRA được biên soạn cho cấp xã (Tổ công tác cấp xã với sự giúp đỡ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật). Tài liệu CBDRA dùng ngôn ngữ và có nội dung đơn giản, thiết thực hơn VCA. Số lượng công cụ đánh giá sử dụng cho CBDRA ít hơn, chỉ có 9 công cụ chính, trong khi VCA sử dụng đến 14 công cụ đánh giá. Sổ tay hướng dẫn VCA có nhiều thông tin về nhóm đặc thù hơn tài liệu về CBDRA, nhưng cả hai tài liệu đều thiếu hướng dẫn cụ thể cho việc thu thập, phân tích thông tin thu thập được.

Những thuận lợi và bất lợi: Tuy chưa thực sự có nhiều kinh nghiệm với tài liệu CBDRA, những tập huấn viên chính của CTĐ VN khi được phỏng vấn đều cho biết họ thích sử dụng các công cụ của CBDRA, nếu kết hợp thêm một số điểm tốt từ phương pháp VCA của CTĐ VN. Lãnh đạo Hội Chữ Thập Đỏ, tuy vậy cũng chưa quyết định sẽ theo công cụ đánh giá VCA hay áp dụng CBDRA như hầu hết các tổ chức NGO đã quyết định. Cả hai phương pháp đều có ưu và nhược điểm, nhưng CBDRA sẽ hỗ trợ tốt hơn cho chính quyền địa phương, và các biện pháp giảm thiểu rủi ro có nhiều khả năng được kết nối và lồng ghép trong quá trình lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai (DPP). Một trong những quan ngại mà các đối tác của CTĐ đưa ra là báo cáo CBDRA ngắn gọn quá không có sức thuyết phục các nhà tài trợ bên ngoài hỗ trợ cho các biện pháp giảm thiểu, và bởi vì các báo cáo VCA cũng chưa sâu. Các Tổ chức NGO nhấn mạnh đến vấn đề đó bằng cách dùng CBDRA là công cụ chính mà có thể phối hợp với một vài bổ sung cần thiết để đáp ứng được mục tiêu cụ thể của Tổ chức.

Kết luận, Đề xuất và công việc tiếp nối sau VCA:

Nhiều bên tham gia, trong đó có cả Tổ chức Phi Chính phủ và Chính phủ đánh giá cao khả năng sử dụng đội ngũ hướng dẫn viên của CTĐ VN. Mặc dù vậy, kết quả đánh giá cũng cho thấy khả năng của đội ngũ hướng dẫn viên cũng cần được củng cố và nâng cao. Để đảm bảo rằng kết quả đánh giá VCA có ý nghĩa và hữu ích cho việc lập kế hoạch giảm rủi ro của các địa phương, một số quan tâm đặc biệt đó là: ý nghĩa của việc lồng ghép nhóm đặc thù thông qua quá trình thúc đẩy; phân tích tốt hơn thông tin, dữ liệu thu được; và tiếp nối tốt hơn kết quả VCA ở các cấp. Thêm nữa, CTĐ VN cần có hệ thống duy trì và đào tạo thêm đội ngũ tập huấn viên của Hội.

CTĐ VN cũng cần nhận ra rằng ngay cả nếu Hội quyết định áp dụng CBDRA, thì cũng nên giữ vai trò là một đơn vị chủ chốt trong việc thực hiện đánh giá tại các cộng đồng trong cả nước, vì sự hỗ trợ của CTĐ trong việc thực hiện CBDRA của Chính phủ là không thể thiếu được. Vì vậy mà việc nâng cao năng lực đối với các lĩnh vực cần quan tâm nói trên đối với CTĐ VN là rất cần thiết.

Dựa vào những ý kiến đóng góp từ phía CTĐ VN, các đối tác khác trong hệ thống CTĐ, Tổ chức Phi Chính phủ, Chính phủ và cộng đồng, nhiều kiến nghị đã đưa ra nhằm cải thiện cách thực hiện đánh giá VCA hiện tại. Rất nhiều trong số kiến nghị được đưa vào tài liệu bổ sung cho Sổ tay hướng dẫn VCA và đã được thử nghiệm tại 4 địa phương, các bổ sung bao gồm:

- Phần bổ sung 1: Gợi ý cho việc lồng ghép tốt hơn nhóm đặc thù vào VCA;
- Phần bổ sung 2: Lịch trình chuẩn để tổ chức thực hiện một VCA;
- Phần bổ sung 3: Bảng biểu bổ sung cho các công cụ đánh giá;
- Phần bổ sung 4: Mẫu báo cáo VCA.

Những khuyến nghị khác, đặc biệt là những khuyến nghị liên quan đến những yếu điểm về năng lực của CTĐ VN cần tiếp tục nghiên cứu thêm.

1. Giới thiệu

1.1 Bối cảnh của việc đánh giá

Chữ Thập Đò Đức (GRC) phối hợp với Hội Chữ Thập Đò Việt Nam (CTĐ VN) thực hiện chương trình '*Nâng cao năng lực cho cán bộ tham gia trong lĩnh vực giảm thiểu rủi ro thảm họa ở Việt Nam thông qua việc tổng hợp các thực tiễn tốt nhất và bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng, đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng, và cơ chế ứng phó thảm họa*' do Cộng đồng Châu Âu tài trợ (DIPECHO). Một phần của chương trình này là để tiến hành một đánh giá có sự tham gia của các bên tham gia và nhóm đặc thù về việc đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng (VCA) mà CTĐ VN đã và đang sử dụng và phân tích so sánh với Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRA) của Chính phủ Việt Nam.

CTĐ VN đã từng có một lịch sử dài thực hiện đánh giá VCA ở Việt Nam như một phần của Chương trình Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng. Từ năm 2000 đến nay, CTĐ VN đã thực hiện khoảng 300 VCA với sự hỗ trợ của Hiệp Hội Chữ Thập Đò Trắng Lưỡi Liềm Đò Quốc Tế (IFRC) và một số đối tác của Hội Chữ Thập Đò làm việc tại Việt Nam cũng như các Tổ chức Phi Chính Phủ địa phương và Tổ chức Phi Chính Phủ Quốc tế. Việc đánh giá VCA đã từng cung cấp những thông tin có giá trị về tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của các cộng đồng giúp cho việc lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai được tốt hơn. Vào năm 2010, với sự hỗ trợ tài chính từ Dự án DIPECHO 6 và với những đóng góp ý kiến của nhiều Tổ chức khác, CTĐ VN đã biên soạn được Sổ tay hướng dẫn VCA cho Hội. Trước đây, CTĐ VN đánh giá chú trọng đến thiên tai, nhưng với tài liệu mới theo cách tiếp cận toàn diện hơn của IFRC (ký tự 'H' chỉ định thiên tai trước đây để đánh giá 'HCVA' của CTĐ VN đã được lược bỏ và chỉ còn VCA).

Qua một số nghiên cứu trước đây cũng đã thừa nhận rằng có một số khía cạnh trong việc thực hiện VCA vẫn cần cải tiến bổ sung thêm. Đặc biệt là lồng ghép giới, lồng ghép hòa nhập Người khuyết tật và Biến đổi khí hậu, một số báo cáo của Chữ Thập Đò Hà Lan (NLRC), CECI, Malteser và Chữ Thập Đò Đức (GRC) cũng đã chỉ ra điểm thiếu hụt này. Khi đánh giá về VCA, Chữ Thập Đò Mỹ đã nêu vấn đề quan tâm đến tính hiệu quả của VCA về lâu dài, sau khi VCA được hoàn thiện.

Song song với việc đánh giá VCA được biên soạn vào tháng 7 năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt đề án '*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng*' theo Quyết định 1002/QĐ-TTg. Trong khuôn khổ chương trình này, vào tháng 5 năm 2014 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (viết tắt Tiếng Anh là MARD) đã quyết định thực hiện Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (viết tắt Tiếng Anh là CBDRA) để đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Năng lực cho 6,000 xã ở vùng trọng điểm thiên tai của Việt Nam cho đến năm 2020. CTĐ VN đã đóng vai trò là đối tác quan trọng của MARD trong việc phát triển phương pháp đánh giá, tổ chức tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ cấp tỉnh và các địa phương thực hiện CBDRA của Chính phủ.

1.2 Mục tiêu

Với các vấn đề và yêu cầu nêu ở mục 1.1, việc đánh giá này tập trung vào hai phần chính sau:

1. VCA: Trọng tâm chính của VCA, và lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương như nhóm Người khuyết tật (PWD), người già, phụ nữ, trẻ em như thế nào trong VCA, đồng thời điều chỉnh đối với việc gắn Biến đổi khí hậu và đô thị hóa. Việc đánh giá cũng đồng thời xem xét đến hiệu quả của VCA đối với việc lập kế hoạch giảm rủi ro thiên tai của địa phương. Việc đánh giá này chú trọng đến thực chất của những hạn chế, đưa ra những đề xuất cụ thể và tiếp nối thông qua phát triển tài liệu bổ sung cho VCA.

2. So sánh VCA với CBDRA: Việc đánh giá này cũng đồng thời nghiên cứu nhìn vào sự khác biệt và so sánh lợi thế và bất lợi của CBDRA với mục tiêu học hỏi từ kết quả so sánh đó để thực hiện VCA của VNRC và vai trò hỗ trợ của Hội cho CBDRA của Chính phủ.

1.3 Phương pháp

Việc đánh giá do nhóm tư vấn thực hiện, gồm một tư vấn Quốc tế và một tư vấn quốc gia thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với nhóm cán bộ của CTĐ Đức tại Việt Nam và CTĐ VN.

Quá trình đánh giá được thực hiện qua 6 giai đoạn, mỗi một giai đoạn hướng đến kết quả đầu ra khác nhau:

Giai đoạn	Kết quả mong đợi
1. Chuẩn bị ban đầu	a) Tham chiếu công việc chi tiết (TOR)
2. Đánh giá qua tài liệu thứ cấp	b) Báo cáo tóm tắt tổng hợp, sự khác biệt và giá trị gia tăng của hai phương pháp VCA và CBDRA c) Báo cáo tóm tắt về lỗ hổng về kỹ năng, kiến thức của hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN tập trung vào giới, Người khuyết tật và Biến đổi khí hậu.
3. Đánh giá tại thực địa	d) Báo cáo tóm tắt của mỗi xã đến đánh giá e) Báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá f) Trình bày trên powerpoint về kết quả sơ bộ
4. Tư liệu hóa	g) Bản thảo về tài liệu bổ sung (phụ lục bổ sung) cho Sổ tay hướng dẫn VCA hiện hành h) Kế hoạch tập huấn theo kết quả sơ bộ cho hướng dẫn viên và tập huấn viên VCA của CTĐ VN. i) Đề cương cho Hội thảo đánh giá
5. Thử nghiệm tại thực địa	j) Đánh giá 3 lần thử nghiệm tại thực địa
6. Thẩm định	k) Đề cương của Hội thảo rút kinh nghiệm l) Tài liệu bổ sung chính thức (phụ lục bổ sung) cho Sổ tay hướng dẫn VCA m) Báo cáo đánh giá cuối cùng n) Đề cương tập huấn cho hướng dẫn viên và tập huấn viên về kết quả đánh giá của tư vấn

Giai đoạn chuẩn bị và đánh giá qua đọc tài liệu

Giai đoạn chuẩn bị và một phần của đánh giá qua đọc tài liệu được kết hợp thực hiện đồng thời. Nhóm tư vấn đã trao đổi với nhiều cá nhân và Tổ chức khác nhau, trong số đó có:

- 24 người từ Hội CTĐ VN (Trung ương Hội, Hội CTĐ tỉnh, tập huấn viên chính của CTĐ VN), IFRC và các đối tác CTĐ khác đang làm việc ở Việt Nam;
- 8 Tổ chức Phi chính phủ;
- 7 cán bộ của DMC (Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ Thiên tai) và UNDP.

Tổng số báo cáo VCA đã được đọc và rà soát là 69 báo cáo và tất cả các báo cáo đó đều do CTĐ VN thực hiện với sự hỗ trợ của CTĐ Đức, IFRC, CTĐ Mỹ (AmRC) và một số ít là của CTĐ Nauy (NRC). Trong số các báo cáo VCA đã được rà soát, có 57 báo cáo theo phương

pháp VCA và thực hiện ở khu vực nông thôn. 12 báo cáo còn lại đánh giá theo phương pháp CBDRA và thực hiện ở khu vực đô thị.

Thêm vào đó là một số tài liệu nghiên cứu của NGOs và CTĐ. Trong số các tài liệu đó có nghiên cứu gần đây của IFRC (về thông điệp vận động chính sách liên quan đến VCA) và của CTĐ Mỹ (về tiêu chí thành công cho việc đánh giá VCA).

Kết quả của giai đoạn chuẩn bị và đánh giá qua đọc tài liệu gồm:

- Điều khoản tham chiếu được thống nhất với CTĐ VN và CTĐ Đức – xem Phụ lục 1. Bản tham chiếu công việc này bao gồm cả kế hoạch thực địa chi tiết;
- Báo cáo về nghiên cứu qua đọc tài liệu bao gồm cả nhận xét tổng quan và những điểm khác nhau cùng các giá trị gia tăng của phương pháp VCA và CBDRA; Phân tích lỗ hổng về kỹ năng và kiến thức của tập huấn viên, hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN tập trung vào vấn đề giới, NKT và Biến đổi khí (báo cáo lưu hành nội bộ đã được nộp cho CTĐ Đức vào tháng 2 năm 2015).

Đánh giá tại thực địa

Việc đánh giá tại các địa phương được thực hiện đúng theo kế hoạch mà nhóm tư vấn đã đề xuất và được CTĐ VN và CTĐ Đức chấp thuận – xem Phụ lục 2. Đoàn thực hiện đánh giá được chia thành hai nhóm do hai tư vấn dẫn đầu với sự tham gia của các thành viên là cán bộ của CTĐ VN và CTĐ Đức. Việc đánh giá được thực hiện tại 6 xã của 6 huyện tại 3 tỉnh (xem bảng sau) đã áp dụng phương pháp CBDRA thay vì VCA và có một xã áp dụng hỗn hợp phương pháp VCA/CBDRA.

Tỉnh	Huyện	Xã	Ghi chú
Phú Yên	Tuy Hòa	Phường 6	Hỗ trợ VCA/CBDRA do CTĐ Đức hỗ trợ vào tháng 10 năm 2014 cho khu vực đô thị.
	Đồng Xuân	Xuân Quang 2	CBDRA vào tháng 12 năm 2014
An Giang	Tri Tôn	Tân Tuyến	VCA do CTĐ Đức hỗ trợ vào năm 2013
	Tịnh Biên	Vĩnh Trung	VCA do CTĐ Đức hỗ trợ vào năm 2013
Thái Bình	Đồng Hưng	Hoa Nam	VCA do IFRC hỗ trợ vào năm 2011, là một phần của dự án rừng ngập mặn chú trọng đến BĐKH.
	Thái Thụy	Thụy Xuân	VCA do IFRC hỗ trợ vào năm 2014, là một phần của dự án rừng ngập mặn chú trọng đến BĐKH.

Các xã được lựa chọn thực hiện đánh giá đều cân bằng về:

- VCA do CTĐ VN thực hiện hoàn toàn theo phương pháp VCA của CTĐ VN;
- VCA do CTĐ VN thực hiện áp dụng phương pháp thay thế (kết hợp với CBDRA);
- Một CBDRA (do CTĐ VN hỗ trợ); với lý do so sánh với VCA (không phải để đánh giá CBDRA);
- VCA với sự tham gia của các Tổ chức NGO (VD: Malteser International, CARE..v.v...);
- VCA ở cả khu vực nông thôn và (bán) đô thị;
- VCA với thực hành tốt có lồng ghép NKT, giới và BĐKH.

Một tiêu chí nữa là các xã được chọn không phải là xã vừa mới thực hiện đánh giá mới đây để tránh nhầm lẫn và "mệt mỏi vì đánh giá".

Tại các xã được chọn, các cuộc họp và thảo luận nhóm đã được tổ chức và thực hiện, nhóm đánh giá đã gặp và làm việc với trên 300 người thông qua các cuộc họp và thảo luận nhóm với các bên tham gia gồm:

Hình thức gặp và thảo luận nhóm	Các bên tham gia
1. Chính quyền cấp tỉnh	Ban phòng chống thiên tai (BPCTT); Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (DARD); Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE)
2. Chính quyền cấp huyện	Ủy Ban Nhân dân huyện (DPC); Ban phòng chống thiên tai; Phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (DARD); Phòng Tài nguyên và Môi trường (DONRE)
3. Chính quyền cấp xã	Ủy Ban Nhân dân xã (CPC); Ban phòng chống thiên tai; DARD; DONRE
4. Cán bộ CTĐ VN	Cán bộ CTĐ tỉnh, huyện, xã và phường
5. Hướng dẫn viên của CTĐ VN	
6. Nhóm công tác cấp xã	Chỉ có các xã thực hiện CBDRA hoặc hỗn hợp VCA/CBDRA
7. Tổ chức NGOs và đối tác của CTĐ tại địa phương	
8. Người khuyết tật	<p>Thăm tới đa 3-4 hộ dân ở mỗi xã. Tổng số 20 hộ được phỏng vấn kể cả hộ có NKT với các dạng tật sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyết tật vận động (hoàn toàn không đi được hoặc đi được nhưng gặp khó khăn (khoảng 5 nữ và 12 nam); - Khiếm thị (2 nữ); - Khiếm thính (2 nữ); - Thần kinh và thể chất suy yếu (3 người). <p>Từ những cuộc phỏng vấn với NKT, chỉ có 3 người cho biết đã từng được tham gia VCA.</p>
9. Trẻ em	<p>Khoảng 5 em ở mỗi xã là học sinh lớp 6 (ở độ tuổi 11) đến lớp 9 (ở độ tuổi 16).</p> <p>Từ những cuộc phỏng vấn trẻ em có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trẻ em ở Xuân Quang 2 (Phú Yên) là còn nhớ trận lũ lụt năm 2009 đã gây thiệt hại lớn nơi thôn các em sống; - Nhóm trẻ em ở Xuân Thủy (Thái Bình) đã từng tham gia vẽ sơ đồ hiểm họa; - Nhóm trẻ em ở An Giang có tham gia mô hình Trường học an toàn của CTĐ VN. <p>Các nhóm trẻ em còn lại, không rõ là đã tham gia VCA hay chưa hoặc tham gia vào các hoạt động phòng ngừa ứng phó thiên tai hay chưa.</p>
10. Người già, phụ nữ, hộ nghèo, người dân tộc	<p>Nhóm nam nữ gồm có 2 người già (tuổi từ 50-80), 2 nữ và 2 đại diện hộ nghèo và 2 người dân tộc.</p> <p>Không phải tất cả những người được phỏng vấn đều đã được tham gia VCA, nhưng nhìn chung đa số trong họ đều có dịp tham gia. Ở Hoa Nam (Thái Bình) chỉ có 2 người tham gia VCA.</p>
11. Đại diện cộng đồng	<p>Nhóm tổng hợp gồm 6-8 người ở mỗi xã.</p> <p>Ở xã Vĩnh Trung (An Giang) không có cuộc họp nào được tổ chức với đại diện cộng đồng. Ở xã Hoa Nam (Thái Bình) nhóm hỗn hợp có thêm người già tham gia.</p>
12. Tham vấn với chính quyền địa phương	

Tất cả các cuộc gặp làm việc đều sử dụng phỏng vấn bán cấu trúc, theo phương pháp này tư vấn chuẩn bị một danh mục các câu hỏi cần dùng cho từng nhóm đối tượng tham gia họp và thảo luận (chú trọng đến phân tích dữ liệu định tính).

Kết quả của Giai đoạn đánh giá tại thực địa (đã nộp toàn bộ kết quả cho CTĐ Đức) gồm:

- Thông tin chi tiết ghi chép lại của mỗi cuộc họp;
- Dự thảo Báo cáo về kết quả đánh giá ban đầu;
- Trình bày trên Powerpoint kết quả đánh giá ban đầu.

Theo dự định ban đầu thì tư vấn sẽ cung cấp một báo cáo ngắn gọn cho mỗi xã nhưng xét thấy không cần thiết vì đã có kết quả nêu trên rồi nên việc này tư vấn được cho phép không thực hiện.

Tài liệu hóa

Dựa vào kết quả đánh giá qua đọc tài liệu và đánh giá thực địa, một tài liệu bổ sung VCA đã được soạn thảo.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2015 một Hội thảo đã được tổ chức để chia sẻ kết quả đánh giá sơ bộ và lấy ý kiến thẩm định thông tin (kết quả của giai đoạn đánh giá qua đọc tài liệu và đánh giá tại thực địa), và để thu nhận phản hồi từ người tham gia về hoạt động tiếp nối. Tại Hội thảo, bản phác thảo tài liệu bổ sung cũng đã được trình bày. Tổng số người tham gia là 45 người từ CTĐ VN (Tập huấn viên chính và cán bộ Trung ương Hội), đại diện đến từ IFRC, các đối tác của CTĐ đang hoạt động ở Việt Nam (CTĐ Đức; CTĐ Mỹ; CTĐ Thụy Sĩ; CTĐ Tây Ban Nha, và CTĐ Pháp), đại diện cơ quan nhà nước Việt Nam (DMC, Bộ Nông nghiệp phát triển Nông thôn), UNDP và các Tổ chức Phi Chính Phủ (Oxfam, Care, Plan, Malteser International, Live and Learn và Tầm nhìn Thế giới).

Những phản hồi được tổng hợp lại từ Hội thảo đã được sử dụng để phát triển tài liệu bổ sung và sau đó đưa ra thẩm định trước Hội thảo tập huấn vào ngày 19-22 tháng 5 năm 2015. Hội thảo tập trung vào những vấn đề liên quan đến nhu cầu cần củng cố sau:

- Phương pháp nghiên cứu định tính và những lưu ý đối với việc thực hiện VCA (do CTĐ VN thúc đẩy)
- Kế hoạch tổng thể của VCA – Bước chuẩn bị và tiếp nối sau VCA (do tư vấn thúc đẩy);
- Lòng ghép giới trong VCA (do CTĐ Pháp thúc đẩy);
- Kỹ năng thúc đẩy (do AIT - Viện Công nghệ Châu Á thúc đẩy);
- Lòng ghép thích ứng Biến đổi khí hậu (do CTĐ Đức thúc đẩy);
- Lòng ghép hòa nhập Người khuyết tật (do Malteser International thúc đẩy);
- Phân tích dữ liệu và viết báo cáo – thực hành sử dụng bảng biểu bổ sung (do tư vấn quốc gia thúc đẩy).

Có 24 tập huấn viên và hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN tham dự Hội thảo tập huấn.

Kết quả của giai đoạn này gồm có:

- Dự thảo tài liệu bổ sung cho VCA;
- Biên bản ghi lại những chia sẻ tại Hội thảo tập huấn (do CTĐ Đức thực hiện);
- Biên bản ghi lại kết quả tập huấn và hội thảo chuẩn bị cho thử nghiệm tài liệu bổ sung (do CTĐ Đức thực hiện).

Thử nghiệm và thẩm định tài liệu bổ sung

Tài liệu bổ sung được thử nghiệm qua 3 đợt đánh giá VCA có sử dụng tài liệu bổ sung tại thực địa do tập huấn viên VCA của CTĐ VN thực hiện với sự hỗ trợ của CTĐ Đức và tư vấn quốc

gia. Thử nghiệm được thực hiện ở xã Bảo Ninh và xã Mai Hóa của tỉnh Quảng Bình từ ngày 27-31 tháng 5 năm 2015 và từ ngày 21-29 tháng 7 năm 2015.

Kết quả của Giai đoạn thử nghiệm thực tế này gồm có:

- Báo cáo giám sát (của CTĐ Đức và tư vấn quốc gia)²;
- Điều chỉnh dự thảo tài liệu bổ sung VCA.

Sau khi hoàn thành thử nghiệm tại thực địa, dự thảo tài liệu bổ sung được đưa ra lấy ý kiến thẩm định tại Hội thảo cuối cùng tổ chức vào ngày 5 tháng 9 năm 2015 với sự tham gia của 34 đại biểu: 9 đại biểu đến từ văn phòng Trung ương Hội CTĐ VN, 11 hướng dẫn viên và tập huấn viên của CTĐ VN, 10 đại biểu đến từ các đối tác thành viên của CTĐ và 4 đại biểu đến từ DMC. Sau khi nhận được kết quả thẩm định, nhóm tư vấn hoàn thiện tài liệu bổ sung và đã gửi nộp cho CTĐ Đức vào tháng 8 năm 2015.

Do có sự thay đổi về lịch tổ chức Hội thảo, tập huấn và các lần thử nghiệm tại thực nên giai đoạn thẩm định cũng phải lùi lại chậm hơn gần 5 tháng so với kế hoạch ban đầu. Chính vì thế mà ở giai đoạn cuối của quá trình đánh giá, sự tham gia của tư vấn cũng ít chuyên sâu hơn và dành lại cho CTĐ Đức. Do CTĐ VN cần có nhiều thời gian quyết định làm thế nào để tiếp tục đào tạo thêm tập huấn viên, hướng dẫn viên, vì vậy mà tư vấn không còn yêu cầu đưa ra 'Đề cương tập huấn cho tập huấn viên của CTĐ VN về những phát hiện qua đánh giá của tư vấn' như kết quả mong đợi ban đầu trong tham chiếu công việc của tư vấn nữa.



Ảnh 1: Thảo luận với các em học sinh ở Vĩnh Trung về rủi ro trong nhà, cộng đồng và ở trường học

² Kết quả đầu ra này được hỗ trợ tài chính từ dự án của CTĐ Đức về 'Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM) ở nông thôn và thành thị'.

2 VCA do CTĐ VN thực hiện

Từ thập niên 1990, Hiệp hội Chữ Thập Đỏ, Trăng Lưỡi Liềm Đỏ đã sử dụng phương pháp đánh giá VCA sử dụng những công cụ đánh giá có sự tham gia hỗ trợ cho tình nguyện viên và cán bộ Hội cùng cộng đồng để xác định tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro, khả năng và đưa ra những ưu tiên của cộng đồng. Kết quả đánh giá VCA cung cấp thông tin đầu vào cho việc lập kế hoạch với những giải pháp dựa vào cộng đồng và nâng cao nhận thức, hiểu biết về nhu cầu và nguồn lực của cộng đồng để có thể sử dụng giảm rủi ro và kêu gọi sự hỗ trợ của cộng đồng trong nước cho việc nâng cao khả năng chống chịu. Nói cách khác, VCA giúp cộng đồng có được cách đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng của cộng đồng để giảm rủi ro hướng đến hành động do cộng đồng³.

Để phù hợp với xu hướng tiếp cận này, CTĐ VN đã đưa VCA thành một phần của Chiến lược Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM) và là công cụ để làm tốt hơn kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai. Từ năm 2000 CTĐ VN đã tổ chức thực hiện nhiều cuộc đánh giá VCA do đội ngũ tập huấn viên, thúc đẩy viện đá được đào tạo thông qua hệ thống Hội trong toàn quốc⁴. Đội ngũ tập huấn viên và hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN cũng đã được mời tham gia hoặc hỗ trợ thực hiện VCA cho nhiều Tổ chức khác đang làm việc ở Việt Nam. Đến năm 2010, CTĐ VN đã có Sổ tay hướng dẫn VCA của Hội.

Phần này sẽ cung cấp tổng quan những kết quả chính của đánh giá về việc thực hiện VCA của CTĐ VN dựa vào tài liệu thứ cấp và kết quả đánh giá thực địa tại các địa phương.

2.1 Tài liệu, phương pháp và công cụ

Sổ tay hướng dẫn VCA được biên soạn năm 2010 là một tài liệu tham khảo hoàn hảo chứa đựng nhiều thông tin bổ ích. Bộ tài liệu hướng dẫn VCA gồm có 2 cuốn, trong đó một cuốn giới thiệu về những khái niệm và nguyên tắc của VCA, và một cuốn đưa ra những hướng dẫn tổ chức thực hiện VCA. CTĐ VN sử dụng 9 công cụ thu thập thông tin và 5 công cụ phân tích thông tin cho cả đánh giá về thiên tai và nhân tai. Mỗi công cụ đánh giá đều có lưu ý đến các chủ đề lồng ghép nhóm đặc thù như Người khuyết tật, giới và BDKH hay lưu ý đến bối cảnh đô thị hóa.

Mặc dù, tài liệu được biên soạn công phu chứa đựng nhiều thông tin bổ ích, qua việc rà soát các báo cáo VCA của CTĐ VN và kết quả đánh giá tại các địa phương cho thấy hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN chưa thực sự sử dụng hết tiềm năng của tài liệu họ có. Điều này liên quan đến những điểm yếu mà các hướng dẫn viên và những người có sử dụng tài liệu cho biết:

- Một số thông tin quan trọng (như lồng ghép NKT, BDKH..v.v...) chỉ được cung cấp dưới hình thức lưu ý mà không có được các biểu mẫu để thu thập thông tin và phân tích tốt hơn để báo cáo. Vì vậy mà hướng dẫn viên chỉ nêu được những đề xuất giải pháp giảm rủi ro chung chung thiếu giải pháp đặc thù của nhóm dễ bị tổn thương.
- Hướng dẫn phân tích dữ liệu không được kỹ càng bằng hướng dẫn thu thập thông tin (Tài liệu dùng 9 công cụ thu thập thông tin so với chỉ có 5 công cụ phân tích thông tin). Thêm nữa, mối liên kết giữa các công cụ không thể hiện rõ trong tài liệu. Điều này dẫn đến việc báo cáo viết dài với tất cả thông tin thu thập được, nhưng thiếu liên kết giữa kết quả đánh giá và giải pháp đề xuất.

“Sổ tay hướng dẫn VCA là tài liệu rất hữu ích cho hướng dẫn viên của CTĐ VN. Tuy vậy, tài liệu còn thiếu một số hướng dẫn chi tiết để tổng hợp thông tin thu thập được sau mỗi công cụ. Vì vậy mà báo cáo viết dài nhưng phần phân tích thì yếu.”

A VNRC Master trainer

³ IFRC; 2014

⁴ TOR; Phụ lục 1

- Thứ tự sắp xếp các cộng cụ và thông tin thu thập được chưa hợp lý và logic theo tình tự thực hiện VCA (ví dụ: Thông tin lịch sử xếp sau sơ đồ hiểm họa).
- Cách giải thích một số khái niệm hơi dài dòng khó hiểu đối với người dân (ví dụ: giải thích về khái niệm sinh kế).
- Hướng dẫn viên thấy tài liệu quá dài nên có nhiều phần hướng dẫn viên bỏ qua không đọc hết.

Về phương diện nào đó, Sổ tay hướng dẫn VCA đã được công nhận là tài liệu tham khảo hay nhưng chưa phải là tài liệu hướng dẫn thực hành tốt. Điều này cũng đã được nhiều tập huấn viên của CTĐ VN khi được phỏng vấn đã có chung nhận xét như vậy. Sổ tay hướng dẫn này cũng chưa phù hợp với những hướng dẫn viên ít kinh nghiệm thường phải lệ thuộc vào hướng dẫn cụ thể của các bước thực hiện VCA mà chỉ phù hợp với những hướng dẫn viên dày dặn kinh nghiệm và có kiến thức về nhiều lĩnh vực thì mới có thể dùng mà thực hiện tốt VCA. Rất đáng tiếc, CTĐ VN chưa có nhiều người như vậy (xem thêm ở phần 2.6).

2.2 Lồng ghép nhóm đặc thù

Như đã nêu ở trên (phần 2.1), Sổ tay hướng dẫn VCA đã cung cấp những lưu ý đối với nhóm đặc thù khi thực hiện VCA. Mặc dù, tất cả các hướng dẫn viên khi được phỏng vấn đều cho biết họ hiểu rất rõ những lưu ý đó, nhưng trong báo cáo VCA mà nhóm tư vấn đã rà soát trong quá trình đánh giá thì báo cáo không có những đề xuất đáp ứng nhu cầu của NKT, người già, trẻ em... Kết quả phỏng vấn cho thấy hầu hết các hướng dẫn viên VCA đều cảm thấy chưa tự tin với vấn đề lồng ghép nhóm đặc thù và họ cảm thấy thiếu thời gian để thực hiện vấn đề này. Đa số cho biết đại diện NKT được mời tham gia thảo luận chung với cộng đồng (nhóm hỗn hợp). Người huyết tật thường e ngại không phát biểu ý kiến khi tham gia chung với nhóm hỗn hợp, nên nhu cầu của họ bị bỏ lỡ không được biết đến. Một số hướng dẫn viên tổ chức thảo luận nhóm đặc thù hoặc đến nhà NKT gặp trao đổi, thì những hướng dẫn viên này thu được nhiều thông tin cụ thể về nhu cầu của nhóm đặc thù, nhưng trong báo cáo VCA vẫn chung chung và không có những giải pháp cụ thể cho NKT hay phụ nữ... Một vài báo cáo có phần thông tin của nhóm đặc thù, tuy nhiên lại không liên kết với phần phân tích.

Giới

Tất cả những tập huấn viên của CTĐ VN được phỏng vấn đều đồng ý rằng lồng ghép giới trong VCA là rất quan trọng, vì tác động của thiên tai đến với nam và nữ khác nhau và khả năng giảm rủi ro cũng như nhu cầu giảm tình trạng dễ bị tổn thương của họ cũng khác nhau. Mặc dù vậy, trong báo cáo VCA cũng không phân tích được những rủi ro và giải pháp giảm thiểu rủi ro đặc thù theo giới. Những nguyên nhân sau đây dường như là cơ sở của những thiếu sót đó:

- Thảo luận nhóm theo giới chưa được chú trọng và phụ nữ thường miễn cưỡng không lên tiếng khi tham gia trong nhóm hỗn hợp nam nữ. Tuy nhiên, đây không phải là trường hợp phổ biến và có thể còn tùy thuộc vào văn hóa vùng miền hay nhóm dân tộc khác nhau. Một trong số tập huấn viên được phỏng vấn đã chia sẻ là so với một vài nhóm đặc thù khác, thì phụ nữ tích cực tham gia thảo luận hơn và họ cũng mạnh dạn chia sẻ hơn. Theo tập huấn viên đó thì phụ nữ thậm chí để huy động tham gia VCA hơn nam giới vì nam giới thường đi làm ăn xa mà phụ nữ thường xuyên có mặt ở nhà.
- Thường thì yếu tố giới được hiểu theo cách là mời được đủ số lượng nữ để tham gia VCA. Một số báo cáo VCA có nhắc đến các hoạt động sinh kế khác nhau của nam và nữ hoặc dành một phần trong báo cáo nói về vấn đề này, nhưng không phân tích để đưa ra giải pháp.
- Mặc dù thực tế cho thấy Sổ tay hướng dẫn VCA nhấn mạnh vấn đề

“Những khía cạnh về giới là rất quan trọng trong VCA, vì vậy hướng dẫn viên cần thảo luận sâu về vấn đề lồng ghép giới. Hướng dẫn viên cũng cần phải thực sự hiểu về vai trò và trách nhiệm của cả nam và nữ trong việc phòng ngừa ứng phó thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng thực hiện các giải pháp giảm rủi ro thiên tai”.

Một tập huấn viên chính của CTĐ VN

giới ở mọi công cụ, nhưng một số tập huấn viên thấy hướng dẫn sử dụng công cụ vẫn còn thiếu cụ thể cho việc lồng ghép giới. Theo họ thì thực hiện được việc lồng ghép giới hay không, hoàn toàn phụ thuộc vào kiến thức và kỹ năng của mỗi hướng dẫn viên.

Người khuyết tật

Tất cả những hướng dẫn viên VCA đã được phỏng vấn đều khẳng định là việc lồng ghép hòa nhập NKT trong VCA rất quan trọng, vì họ là đối tượng dễ bị tổn thương nhất khi có thảm họa xảy ra. Hơn ai hết, NKT biết rõ làm thế nào để giảm được tình trạng dễ bị tổn thương cho họ, nhưng trên thực tế, rất ít NKT được mời tham gia VCA. Theo một số tập huấn viên thì Sổ tay hướng dẫn VCA đã có những hướng dẫn khá đầy đủ. Mặc dù, cán bộ CTĐ đã có rất nhiều kinh nghiệm tiếp xúc làm việc và hỗ trợ NKT, nhưng họ chưa bao giờ được tham gia một chương trình tập huấn đặc biệt nào về hòa nhập lồng ghép NKT trong VCA. Đặc biệt là nhóm hướng dẫn viên mới được đào tạo đều nhận thấy họ gặp nhiều khó khăn trong vấn đề này.

Kết quả phỏng vấn NKT trong quá trình đánh giá tại các địa phương cho thấy hướng dẫn viên của CTĐ thường cảm thấy lúng túng khi đề cập đến vấn đề của NKT. Cũng có thể tình trạng chung về sự kỳ thị của NKT nên việc trao đổi với người thân dễ dàng hơn trực tiếp với NKT. Ví dụ, một số trường hợp do người chăm sóc NKT quá chăm lo bảo vệ NKT và đánh giá thấp khả năng tự chia sẻ ý kiến của NKT, cũng có khi chính NKT cảm thấy tự ti vì nghĩ mình không có giá trị gì đối với xã hội và là gánh nặng của gia đình nên tham gia nhưng không phát biểu ý kiến.

“Tôi được mời tham dự cuộc họp đánh giá VCA, nhưng tôi không thể tham gia được vì tôi còn phải chăm sóc con nhỏ. Vì vậy, Mẹ tôi đã đi họp thay cho tôi. Lần đó, tôi không biết họp thảo luận về việc gì vì khi họp về Bà cũng không nói lại gì với tôi. Tôi nhất định sẽ đi dự họp nếu lần sau tôi cũng được mời lại”.

Mẹ của hai trẻ sinh đôi khuyết tật ở Phú Yên

Để đảm bảo NKT tham gia được, hướng dẫn viên VCA cần chú ý đến công tác hậu cần ví dụ như chỗ ngồi cho các dạng tật đặc biệt, thuận lợi cho việc đến nơi họp hay khi viết phải viết chữ to. Tuy vậy, không phải lúc nào hướng dẫn viên CTĐ cũng có thể chủ động làm được những việc này. Có rất nhiều ví dụ cho thấy khi thực hiện đánh giá ở thực địa, Chính quyền địa phương và cán bộ CTĐ không nhận ra được hoặc tạo điều kiện cho NKT khắc phục những thách thức về thể chất để tham gia. Một ví dụ cụ thể khác là ở một trong những xã thực hiện việc đánh giá này có tổ chức một cuộc thảo luận nhóm người già ở tầng hai (người già yếu không trèo cao được lại phải lần theo cầu thang để tham gia họp), trong khi đó cuộc họp với đại diện Ủy ban Nhân dân lại tổ chức ở tầng trệt.

Ở Việt Nam, Tổ chức Malteser International là một Tổ chức Phi Chính Phủ có nhiều kinh nghiệm trong việc huy động NKT vào Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM). Tổ chức này đã phát triển được tài liệu đặc biệt về lồng ghép hòa nhập NKT vào Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRA) và có thể áp dụng được cho VCA. Một trong những tập huấn viên VCA của CTĐ Quảng Nam cũng đã được tham gia với chương trình thí điểm của Tổ chức Malteser International. Mặc dù thấy được những kết quả khả quan từ thực hiện phương pháp của Malteser International, Tập huấn viên đó cũng không áp dụng vào các lần đánh giá VCA bởi lẽ theo Ông việc thực hiện còn phụ thuộc vào yêu cầu của nhà tài trợ có chú trọng đến lồng ghép NKT hay không.

Phương pháp lồng ghép hòa nhập NKT trong CBDRA/VCA⁵ của Malteser International

Theo Malteser International, không phải tất cả các công cụ đánh giá đều phù hợp với đánh giá có lồng ghép NKT. Trong tài liệu của Malteser International chỉ tập trung vào 4 công cụ, đó là: Sơ đồ hiểm họa, Sơ đồ Venn, Phỏng vấn hộ có NKT và thảo luận nhóm NKT. Tuy sử

⁵ Malteser; 2013

dụng ít công cụ, nhưng Malteser International còn có thêm các bước thực hiện phương pháp CBDRA (hay VCA) đảm bảo cho việc lồng ghép NKT. Trước hết cần có bước khảo sát số NKT và các dạng tật tại xã. Tiếp theo là tiếp xúc với NKT, lắng nghe họ và cố gắng động viên khích lệ họ tham gia CBDRA. Cả NKT và người thân của họ đều được tập huấn về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH, trước khi tham gia VCA cùng với cộng đồng. Điều này giúp họ tự tin hơn. Không phải tất cả NKT đều tham gia VCA mà NKT chọn một số người có khả năng đại diện chia sẻ ý kiến cho họ để tham gia (hơn là để chính quyền hay CTĐ thay họ chọn người tham gia). Kết quả VCA với sự tham gia tích cực của NKT sẽ thu được những thông tin thiết thực cụ thể như NKT nào cần đi sơ tán, ai chịu trách nhiệm hỗ trợ cho NKT nào và xác định đường đi sơ tán phù hợp..v.v...



Ảnh 2: Tư vấn đến thăm và phỏng vấn NKT tại nhà ở Phú Yên

"Tôi không sợ lụt bão. Điều làm tôi sợ nhất là thiếu ăn. Tôi không biết làm sao để cuộc sống của tôi được an toàn hơn. Tôi đã già rồi và tôi cũng chấp nhận số phận của mình. Tuy vậy, nếu có được trợ giúp về tài chính hay vật chất thì quá tốt cho tôi".

Một người đàn ông 65 bị khuyết tật vận động và vợ ông phải nằm liệt giường ở An Giang.

Mặc dù, ít NKT được có cơ hội tham gia VCA, nhưng tất cả những người đã được tham gia khi phỏng vấn đều cho biết họ đánh giá cao cơ hội tham gia VCA mà họ có được. Nhiều người chia sẻ họ mong được có dịp tham gia nếu nay mai có tổ chức đánh giá VCA, tuy vậy cũng có nhiều người lại không có mong muốn đó vì họ thấy chẳng có gì để chia sẻ (do suy nghĩ tiêu cực tự ti như đã nêu ở phần trên). Riêng về vấn đề này cho thấy giảm thiểu rủi ro thiên tai chưa phải lúc nào

cũng là ưu tiên hàng đầu của NKT. Rất nhiều hộ gia đình có NKT là hộ gia đình quá nghèo, trong điều kiện nhà ở tồi tàn. Đối với họ, chạy bữa qua ngày đã là gánh nặng rồi. Nhiều người cho biết khi có thiên tai họ đều được láng giềng, địa phương quan tâm giúp đỡ và đưa đi sơ tán sớm, như vậy cũng đủ để họ yên tâm rồi.

Trẻ em

Giảm thiểu rủi ro thiên tai không phải là chủ đề xa lạ, trừu tượng đối với trẻ em. Khi phỏng vấn nhóm trẻ em ở xã Xuân Quang 2, các em đều nhớ rõ trận lũ năm 2009 gây thiệt hại lớn như thế nào đến thôn xóm của các em. Tuy vậy, vấn đề giảm thiểu rủi ro không chỉ tính đến những thảm họa lớn mà là rủi ro hàng ngày xung quanh các em. Đa số các em được phỏng vấn đều hào hứng đưa ra những ví dụ cụ thể mà các em cho là mối nguy hiểm hay lo sợ của các em. Mối hiểm họa mà các em nhắc đến nhiều đó là: tai nạn giao thông (trên đường đến trường); đuối nước, tai nạn do bị điện giật và sét. Khi được khuyến khích, các em đưa ra những ví dụ về cách giảm nhẹ rủi ro như khi có sấm sét thì phải ở trong nhà không được ra ngoài, hoặc học bơi để tránh đuối nước. Vấn đề ô nhiễm môi trường cũng là chủ đề thảo luận sôi nổi của các em ở xã Thủy Xuân.

Mặc dù trẻ em rất háo hức và có nhiều ý tưởng hay, nhưng các em cũng chưa được tham gia sâu vào VCA. Khi quan sát thì thấy việc trao đổi hình như chỉ tập trung chủ yếu được một chiều: CTĐ đưa cho các em những thông tin (nâng cao nhận thức cho các em) nhưng thiếu thu thập ý kiến và thông tin từ phía các em để nắm rõ hơn về tình hình hiểm họa ở địa phương và đưa ra giải pháp phù hợp. Tất cả các báo cáo VCA đã được rà soát trong quá trình đánh giá đều không có thông tin về những rủi ro mà trẻ em quan tâm (và làm sao để giảm nhẹ những rủi ro đó). Ở An Giang học sinh có tham gia 'Mô hình trường học an toàn', tuy vậy mô hình này chỉ tập trung an toàn tại trường học mà không đề cập đến môi trường sống, đường đến trường hay những nơi các em thường vui chơi mà những nơi đó có thể tiềm ẩn những hiểm họa đối với các em.

Người già

Thật không dễ dàng để tìm hiểu về sự tham gia VCA của người cao tuổi, bởi vì họ khó có thể nhớ về VCA họ đã được tham gia (hầu như VCA đều đã được thực hiện từ các năm 2013 và 2014), nhưng khi thảo luận thì dần dần họ cũng nhớ ra ít nhiều. Nhìn chung họ đều có thể hiểu và không gặp khó khăn gì khi tham gia VCA. Chỉ có một vấn đề mà người già ở Vinh Trung-An Giang chia sẻ là vấn đề ngôn ngữ (giọng nói) khác nhau khó nghe, nhưng hướng dẫn viên CTĐ luôn cố gắng động viên để họ hiểu và tham gia ý kiến.

Mặc dù có nhiều ý kiến phản hồi tích cực từ người già về sự tham gia của họ vào VCA, nhưng không có báo cáo VCA nào có những phân tích liên quan đến rủi ro và giải pháp giảm thiểu rủi ro của người già.

2.3 Lòng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là một vấn đề phổ biến nhưng khó hiểu đối với hầu hết mọi người được phỏng vấn trong quá trình đánh giá. Khi trao đổi có không ít người (đặc biệt là cán bộ Chính quyền địa phương) cho biết BĐKH đang diễn ra và địa phương rất quan tâm đến vấn đề này. Một số tập huấn viên chú ý đến xu hướng thay đổi của thiên tai qua thảo luận dùng công cụ Thông tin lịch sử, nhưng cũng có người tránh không thảo luận về chủ đề này vì họ cảm thấy không chắc chắn. Sở tay hướng dẫn VCA có phần nói về BĐKH và nó cũng đã giúp được ít nhiều cho hướng dẫn viên. Sở tay hướng dẫn đã nêu những lưu ý liên quan đến BĐKH, nhưng

“Lòng ghép Biến đổi Khí hậu cần được chú ý trong từng hợp phần của quá trình đánh giá VCA: Sinh kế, Sức khỏe, Môi trường, Nhà ở ..v.v....”

Một tập huấn viên chính của CTĐ VN

“Chúng tôi chú trọng đến việc nâng cao nhận thức về BĐKH trong cộng đồng. Kế hoạch thích ứng với BĐKH (CCAP) cũng tập trung vào các hoạt động truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức qua hệ thống truyền thanh, loa đài. Tuy vậy các chủ đề cũng mới chỉ tập trung vào khái niệm liên quan. Trong khi người dân lại muốn cụ thể thực tế hơn”.

Sở TNMT, An Giang

chưa đưa ra được bảng biểu thu thập và phân tích thông tin về BĐKH một cách cụ thể để báo cáo tốt hơn. Vì vậy mà có rất ít báo cáo VCA có thông tin dự đoán về tác động của BĐKH (dựa vào thông tin thứ cấp) hoặc cảm nhận thực tế của người dân địa phương và cũng không có báo cáo nào sử dụng thông tin đó để phân tích đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro.

Cũng đã có nhiều tài liệu của các Tổ chức khác hướng dẫn lưu ý về vấn đề BĐKH trong Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM) và đánh giá dựa vào cộng đồng, ví dụ như Báo cáo về 'Hướng dẫn lồng ghép Giảm rủi ro và Thích ứng với BĐKH và Chương trình phát triển cộng đồng' của Nhóm công tác về BĐKH (CCWG), Nhóm công tác về Giảm thiên tai (DMWG) và JANI, và Báo cáo về 'Lồng ghép BĐKH vào đánh giá VCA ở khu vực thành thị' của Hiệp hội Chữ Thập Đỏ Trắng Lưỡi Liềm Đỏ Quốc Tế (IFRC). Mặc dù tại thời điểm thực hiện đánh giá này các tài liệu của các Tổ chức cũng chưa được kiểm chứng, nhưng tài liệu của CTĐ Đức biên soạn có tham khảo tài liệu của CARE, IFRC là tài liệu cung cấp những thông tin cụ thể, đơn giản dễ hiểu dễ sử dụng. Như đã trao đổi với nhóm tư vấn, CTĐ Đức không ép phải nhất thiết thảo luận với người dân về chủ đề BĐKH, vì nó có thể dẫn đến kết quả tiêu cực đổ lỗi cho BĐKH. CTĐ Đức chỉ lưu ý với hướng dẫn viên về vấn đề BĐKH và yêu cầu họ không đề cập đến BĐKH ngay từ khi bắt đầu VCA hoặc hoàn toàn không đề cập đến. Thay vào đó, thảo luận tập trung vào xu hướng thiên tai có thể giúp tìm ra được các giải pháp 'thích ứng thông minh'. Ví dụ như, các mô hình sinh kế thích ứng sáng tạo thông qua Chương trình hỗ trợ của CTĐ Đức về Sản xuất thông minh giảm thiểu rủi ro dựa vào cộng đồng ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.

2.4 Sự phù hợp trong bối cảnh đô thị

Ngày càng có nhiều người Việt Nam đến làm ăn sinh sống ở đô thị, đánh giá rủi ro ở khu vực này cũng đang được chú trọng. Mặc dù vậy, bối cảnh đô thị có nhiều điểm đặc thù khác với khu vực nông thôn, ví dụ như mật độ dân cư, không tách bạch rõ ranh giới cộng đồng, chung sống trong môi trường có nhiều văn hóa, ngôn ngữ khác nhau, đa dạng hoạt động kiếm sống hay vấn đề của di dân. Hướng dẫn viên CTĐ VN có nhiều kinh nghiệm thực hiện VCA ở khu vực nông thôn mà chưa có kinh nghiệm VCA ở khu vực đô thị. Vào thời điểm thực hiện đánh giá này, họ mới chỉ bắt đầu tham gia đánh giá VCA thí điểm ở khu vực đô thị ở Hà Nội, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Hà Tĩnh với sự hỗ trợ của CTĐ Mỹ. Tài liệu tham khảo sử dụng dựa hoàn toàn vào tài liệu về Đánh giá Rủi ro ở đô thị của IFRC và ISET (Viện Nghiên cứu xã hội và Môi trường của Mỹ có văn phòng tại Việt Nam). Theo CTĐ Mỹ, kết quả đánh giá VCA thí điểm ở đô thị bộc lộ một số thiếu sót về những vấn đề đặc thù của khu vực đô thị, ví dụ như vấn đề của khối tư nhân, vấn đề của người di cư đến đô thị và vì vậy mà phải điều chỉnh phương pháp đánh giá, lên kế hoạch theo thực tế vì người đô thị kém nhiệt tình và làm việc khác giờ nên việc huy động họ tham gia đầy đủ là rất khó khăn (đặc biệt là vào giờ làm việc trong ngày).

CTĐ Mỹ cho biết, do tính chất phức tạp của đô thị nên CTĐ VN có xu hướng chọn vùng đô thị mới, mang tính chất nông thôn nhiều hơn để thực hiện đánh giá VCA. Phường 6 ở Tuy Hòa (một thành phố chỉ có hơn 200,000 dân), là địa phương được CTĐ Đức hỗ trợ chương trình giảm thiểu rủi ro, đây là một thành phố mới (bán đô thị). Vì thế mà báo cáo VCA/CBDRA của Phú Yên cũng như các địa điểm bán đô thị khác (12 báo cáo) đã được nhóm tư vấn rà soát thì không có gì khác biệt đáng kể với những báo cáo VCA thực hiện ở khu vực nông thôn. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro cũng giống như các giải pháp đề xuất cho khu vực nông thôn.

Có nên điều chỉnh VCA để phù hợp với bối cảnh đô thị (kết hợp với đào tạo hỗ trợ), hay điều chỉnh phương pháp để đối phó với những thách thức của môi trường đô thị phức tạp hay không, thì trong khuôn khổ đánh giá này với thời gian hạn hẹp chưa có được câu trả lời cho câu hỏi này. CTĐ Mỹ cũng nhấn mạnh rằng đây cũng là vấn đề của chương trình thí điểm của Hội. Hy vọng, vài năm tới họ sẽ có thể phát triển được một phương pháp khả thi để giải quyết nhu cầu đánh giá rủi ro của các khu vực đô thị.

2.5 Báo cáo VCA

Với tổng số 69 báo cáo VCA đã được đọc và rà soát trong quá trình thực hiện đánh giá này và những phát hiện chính từ việc quan sát cho thấy:

Cấu trúc của các Báo cáo

Mặc dù Sổ tay hướng dẫn cũng đã đưa ra mẫu báo cáo VCA, nhưng hướng dẫn viên CTĐ VN báo cáo kết quả VCA theo nhiều cách trình bày và cách tổng hợp khác nhau. Cấu trúc báo cáo khác nhau tùy thuộc vào các hướng dẫn viên khác nhau, tuy vậy cũng có những báo cáo do cùng hướng dẫn viên thực hiện nhưng vẫn trình bày khác nhau. Một số Báo cáo của Phú Yên trình bày kết quả đánh giá theo dạng bảng biểu. Hầu hết các báo cáo không có phần phụ lục về kết quả đầu ra của các công cụ (chỉ 6/68 báo cáo có phụ lục).

Nhiều hướng dẫn viên kết hợp cách viết báo cáo của VCA và CBDRA. Trường hợp phổ biến là phân tích vấn đề của VCA được trình bày theo công cụ cây vấn đề (công cụ phân tích của VCA), thay vì cách trình bày là dùng bảng biểu theo CBDRA. Có khoảng 24 báo cáo VCA của CTĐ VN và 3 Báo cáo VCA của CTĐ Naury sử dụng mẫu thu thập thông tin chung theo tài liệu CBDRA. Đây là điểm thuận lợi, vì theo mẫu thông tin chung này thì thông tin được sắp xếp rõ ràng để sử dụng cho nhiều mục đích, như lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai (DPP) hay kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (SEDP), và nếu hàng năm cần cập nhật bổ sung thêm thông tin thì cũng dễ dàng.

Phân tích dữ liệu

Trong các báo cáo VCA đã được rà soát thì phần phân tích dữ liệu còn hạn chế:

- Hầu hết các báo cáo VCA có rất nhiều thông tin, nhưng lại thiếu phần phân tích cụ thể và thiếu đi sự liên kết cần thiết giữa các phần của Báo cáo. Ví dụ: các giải pháp giảm thiểu rủi ro không gắn với phân tích xác định rủi ro.
- Nhiều thông tin có giá trị đã thu thập được lại không đưa vào phần phân tích. Ví dụ: có khoảng 10 Báo cáo VCA của CTĐ VN thực hiện ở các cộng đồng phía Nam có phần trình bày kết quả khảo sát hộ gia đình. Và chỉ có một báo cáo dùng kết quả khảo sát đó để đưa vào phần phân tích. Hầu hết các báo cáo đều đưa toàn bộ phần thông tin từ công cụ SWOT (Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức) vào trong báo cáo như một phần tách biệt mà không gắn với các phần phân tích đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng.
- Phân tích và tóm lược nội dung chính bị lẫn lộn: Hướng dẫn viên của CTĐ VN VNRC hầu như chú ý đến bức tranh tổng thể về thực trạng của vùng đánh giá hơn là xác định những điểm khác biệt của từng vùng, từng nhóm dân cư (nhóm xã hội) trong một địa phương. Kết quả đánh giá, vì vậy mà còn rất chung chung và các giải pháp giảm thiểu rủi ro có thể đề xuất cho xã nào cũng được.

Vì những điểm yếu nói trên, Báo cáo VCA thường rất dài và còn chung chung. Hầu như tất cả các báo cáo VCA chứa đựng nhiều thông tin mà chưa thực sự hữu ích cho việc lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai của các địa phương cụ thể.

2.6 Kỹ năng thúc đẩy và tập huấn

VCA do đa số tập huấn viên của CTĐ VN thực hiện, nhóm này được gọi là nhóm tập huấn viên chính của Hội (được đào tạo bài bản để trở thành tập huấn viên nòng cốt). Số tập huấn viên chính thường xuyên được điều động tham gia thực hiện VCA và vì vậy mà họ đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm (có khoảng 8 tập huấn viên dày dặn kinh nghiệm) theo như lời nhận xét của một số người trong quá trình đánh giá. Số tập huấn viên giàu kinh nghiệm cũng giảm dần do chuyển công tác khỏi CTĐ VN hay nghỉ hưu vì tuổi già. Cơ hội để đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ tập huấn viên và hướng dẫn viên ít kinh nghiệm hơn cũng hạn chế làm

cản trở việc phát triển đội ngũ tập huấn viên VCA cho Hội. Điều đó cũng một phần do các lý do sau:

- Hội CTĐ VN có Trung tâm huấn luyện, nhưng chưa có chương trình đào tạo mới hoặc đào tạo lại đội ngũ tập huấn viên và hướng dẫn viên cho Hội CTĐ VN, vì thế mà lệ thuộc vào sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ bên ngoài và các đối tác trong hệ thống Hội. Đội ngũ tập huấn viên chính được đào tạo và nâng cao năng lực qua nhiều Chương trình hỗ trợ của DIPECHO (từ DIPECHO V đến VIII). Cơ hội tiếp nối của những năm gần đây cũng bị giảm nhiều. Nhiều người trong hệ thống Hội hay ngoài hệ thống Hội có nhận xét không chính thức rằng Hội CTĐ có hai thế hệ tập huấn viên chính: “Thế hệ 1 và Thế hệ 2”. Thế hệ 1 được tập huấn (có khoảng 8-9 khóa VCA) nhiều hơn Thế hệ 2 (thế hệ này chỉ có 2 khóa trong 16 ngày). Đa số họ còn được tham gia thêm các đợt tập huấn khác do đối tác của Hội và các Tổ chức Phi Chính phủ thông qua các dự án cụ thể (ví dụ: dự án Đánh giá VCA khu vực đô thị của CTĐ Mỹ và Lồng ghép hòa nhập NKT của Malteser International).
- Triển khai chương trình Quốc gia còn thiếu tập huấn viên. Không có danh sách cập nhật về các tập huấn viên có kinh nghiệm, kỹ năng để huy động sử dụng. Việc huy động cán bộ do Hội quản lý và được cấp Trung ương phê duyệt. Tuy vậy, trên thực tế nếu Tổ chức nào cần sử dụng tập huấn viên hay hướng dẫn viên VCA thì họ đều có thể liên lạc trực tiếp với cá nhân cần mời tham gia (kể cả trong CTĐ hay ngoài CTĐ). Vì nhóm tập huấn viên có kinh nghiệm ít, nhưng yêu cầu thực hiện VCA lại nhiều, nên dẫn đến việc đội ngũ này bị quá tải vì công việc.

Tập huấn viên chính của CTĐ VN có nhiều kiến thức về quản lý thiên tai đã tạo thuận lợi cho họ thúc đẩy VCA tốt, nhưng lĩnh vực khác như rủi ro về sinh kế thì họ còn thiếu kinh nghiệm.

Trong quá trình đánh giá tại các địa phương, nhóm tư vấn nhận được nhiều nhận xét hết sức tích cực từ phía cộng đồng về kỹ năng tập huấn và thúc đẩy của đội ngũ tập huấn viên của CTĐ VN. Người dân địa phương thấy VCA cung cấp cho họ nhiều thông tin, họ cảm thấy thoải mái khi tham gia vì hướng dẫn viên CTĐ rất dễ gần và thân thiện. Kết quả phỏng vấn với các Tổ chức Phi Chính phủ (NGO) UNDP và DMC cho thấy các tổ chức đánh giá cao năng lực và kỹ năng tập huấn của đội ngũ tập huấn viên của CTĐ VN. Đối với kỹ năng thúc đẩy, còn có những ý kiến cần phải xem xét. Hướng dẫn viên còn thiếu kỹ năng huy động nhóm đặc thù tham gia hoặc khích lệ họ mạnh dạn phát biểu tham gia thảo luận. Điểm yếu này được xác nhận qua quá trình đánh giá thực địa, như trong phần 2.2.

Ngoài ra rất nhiều người dân địa phương tham gia chia sẻ trong quá trình thực hiện đánh giá này rằng họ tham gia vào các buổi họp thu nhận thông tin, chứ không phải trong các buổi chia sẻ kinh nghiệm và ý kiến. Điều này có thể nhận thấy trong nhiều Báo cáo VCA các biện pháp giảm thiểu rủi ro tương tự như nhau cho các xã khác nhau. Nếu hướng dẫn viên CTĐ VN bỏ lỡ cơ hội khai thác ý kiến từ người dân, thì VCA chỉ là cơ hội để nâng cao nhận thức cho cộng đồng mà không tận dụng được ý kiến của người dân địa phương cho việc xác định giải pháp giảm rủi ro phù hợp cho việc lập kế hoạch.



Ảnh 3: Thử nghiệm tài liệu bổ sung cho VCA tại xã Mai Hóa, Quảng Bình.

2.7 Hiệu quả của VCA cho việc lập kế hoạch ở cấp cao hơn

Cán bộ CTĐ VN và tập huấn viên được phỏng vấn đều đánh giá cao tầm quan trọng của VCA. Lợi thế của VCA được nhiều người nhắc đến đó là:

- VCA giúp người dân địa phương nhận thấy được những rủi ro mà họ đang đối mặt và cùng nhau đưa ra giải pháp để giảm những rủi ro đó;
- Quy trình đánh giá VCA đóng góp không nhỏ cho việc nâng cao hiểu biết giữa cộng đồng và Chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương biết được tình trạng dễ bị tổn thương của các thôn/bản khác nhau trong xã/phường và trở nên chú ý hơn về những ý kiến và đề xuất của cộng đồng. VCA cũng đồng thời giúp mọi người năng động, tích cực và trách nhiệm hơn trong việc chấp hành hướng dẫn của Chính quyền về phòng ngừa ứng phó thảm họa (như việc tuân thủ lệnh sơ tán sớm);
- VCA làm cho cộng đồng thấy rõ hơn giá trị công việc và năng lực của CTĐ VN;
- VCA cung cấp thông tin đầu vào hữu ích cho việc lập kế hoạch Phòng ngừa ứng phó Thiên tai (DPP) và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (SEDP) của địa phương.

“Trước khi có đánh giá VCA, việc lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai thường đi từ cấp trên xuống: Huyện lập kế hoạch và đưa về cho các xã biết cần phải làm gì, mà không hề nắm nhu cầu từ cơ sở. Với phương pháp đánh giá VCA, kế hoạch sẽ được lập từ cấp xã dựa trên nhu cầu của địa phương rồi đưa lên huyện. Việc thay đổi quy trình lập kế hoạch từ trên xuống thành từ cơ sở lên như vậy, không thể thành công ngay được. Nhưng nếu việc lập kế hoạch theo quy trình này được làm thường xuyên và được vận động chính sách cho nó thì nhất định sẽ được.”

VNRC, An Giang

Theo ý kiến của những tập huấn viên VCA của CTĐ VN đã được phỏng vấn, kết quả VCA được cộng đồng đánh giá cao và lôi cuốn được sự tham gia của Chính quyền. Khi hỏi về nhận xét này, cán bộ Chính quyền cho biết VCA thực sự hữu ích đối với địa phương vì:

- Giải pháp giảm thiểu rủi ro sẽ thực tế hơn vì VCA cung cấp nhiều thông tin chính xác hơn về rủi ro ở địa phương;
- Hiểu sâu hơn nhu cầu của nhóm đặc thù để có được các giải pháp phù hợp hơn;
- Nhận thức và trách nhiệm của người dân được nâng cao (trái ngược với ý thức dựa hoàn toàn vào Chính quyền).

Tuy có nhiều nhận xét tích cực của Chính quyền địa phương về VCA, nhưng giá trị gia tăng của VCA đóng góp cho việc lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai của địa phương chưa nhận thấy rõ nét. Như đã giải thích ở phần 2.5, Báo cáo VCA nhìn chung là chưa có được những giải pháp thiết thực và thích nghi phù hợp. Cả CTĐ VN và Chính quyền địa phương thừa nhận trên thực tế các Báo cáo VCA chưa được địa phương sử dụng. Sau đây là một số lý do giải thích cho việc này:

“VCA đưa ra được: nhu cầu thực tế và giải pháp giảm rủi ro của người dân. Trước đây địa phương cũng lập kế hoạch phòng chống thiên tai, nhưng với VCA vùng dễ bị tổn thương nhất trong địa phương được xác định rõ ràng”.

Cán bộ Chính quyền của Tân Tuyên

- CTĐ VN thường không giám sát việc Kết nối kết quả VCA nếu như đó không phải là một phần của Dự án mà Nhà tài trợ yêu cầu. Hướng dẫn viên CTĐ VN cũng không coi đó là nhiệm vụ của họ nên cán bộ CTĐ cấp tỉnh, huyện và xã cũng không giám sát. Không có sự hỗ trợ của CTĐ thì Chính quyền địa phương cũng ít có khả năng sử dụng kết quả VCA.
- Báo cáo VCA cũng không dễ để Chính quyền địa phương sử dụng. Báo cáo quá dài với nhiều thông tin chung chung (địa phương đã quá biết những thông tin đó), mà thiếu đi những giải pháp cụ thể hoặc quy mô giải pháp vượt quá khả năng thực hiện của địa phương.

- Đối với chính quyền địa phương để có thể dùng kết quả VCA cho lập kế hoạch ở cấp cao hơn, họ cần phải nhận được báo cáo mà kết quả có thể dễ dàng dùng như đầu vào cho lập kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội hay Kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai.

Thời điểm cần đến Báo cáo VCA cũng rất quan trọng, nếu VCA thực hiện muộn quá, thì kết quả VCA hoàn toàn không thể đưa vào quy trình lập kế hoạch được. Nếu quá sớm so với thời gian lập kế hoạch DPP hay SEDP thì dễ bị bỏ quên (đặc biệt khi không có sự giám sát của CTĐ, xem giải thích ở điểm đầu tiên trên). UNDP và một số Tổ chức NGOs cho biết quy trình lập kế hoạch ở cấp cơ sở/cấp tỉnh ở Việt Nam có phần phức tạp vì có nhiều loại kế hoạch như Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội (SEDP), Kế hoạch Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM), kế hoạch phòng ngừa thiên tai (DPP), kế hoạch thích ứng với BĐKH (CAP)..v.v.. Điều tốt nhất là CTĐ VN mời được Chính quyền tham gia xuyên suốt quá trình đánh giá VCA (thay vì chỉ gửi họ báo cáo VCA), tuy vậy không phải lúc nào cũng làm được điều này. Thường thì CTĐ VN chỉ cung cấp một bản Báo cáo cho xã và vì thế mà xã hay quận không chia sẻ kết quả đó với huyện hay tỉnh.

Thiếu việc giám sát việc tiếp nối kết quả VCA cho việc lập kế hoạch của địa phương là kết luận quan trọng nêu trong báo cáo đánh giá về VCA gần đây nhất của CTĐ Mỹ⁶. Trên thực tế, nếu VCA không phải là một phần của dự án của Nhà tài trợ thì những giải pháp đề xuất nêu trong Báo cáo sẽ không thực hiện được.

“Việc lập kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai sẽ thực tế hơn khi có VCA. Tuy vậy, nếu VCA không có kinh phí cho việc tiếp nối thì VCA cũng không sử dụng được.”

Chính quyền của xã Thủy Xuân

Ví dụ tốt về việc sử dụng kết quả VCA cho việc lập kế hoạch

Ủy Ban Nhân dân xã Hoa Nam (huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình) đã sử dụng kết quả VCA cho việc lập kế hoạch của địa phương. Kế hoạch Phòng ngừa ứng phó thiên tai (DPP) và kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội (SEDP) của xã cho giai đoạn 2012 đến 2014. Mặc dù báo cáo VCA của xã không phải tốt lắm (Báo cáo dài có nhiều thông tin nhưng lại thiếu phần phân tích và thiếu sự nhất quán về phát hiện và kết luận), những giải pháp đề xuất có thể tìm thấy trong Kế hoạch Phòng ngừa ứng phó thiên tai và kế hoạch PTKTXH. Có thể nói, chất lượng của kế hoạch DPP của năm 2014 tốt hơn nhiều hơn kế hoạch của một số xã khác, kể cả về hình thức lẫn nội dung (rõ ràng, chi tiết chỉ rõ ai thực hiện, nguồn lực cần huy động cho trước, trong và sau thảm họa (nguồn nhân lực và vật lực)).⁷

⁶ Duong Van; 2014

⁷ Nhóm đánh giá nhận được kế hoạch DPP và SEDP rất muộn ở cuối đợt đi thực địa, nên rất đáng tiếc là không thể quay lại để lấy thêm thông tin vì sao xã này lại có những ý kiến tích cực hơn các xã khác.



Ảnh 4: Cuộc họp với Chính quyền địa phương xã Vĩnh Trung, An Giang

Một quan điểm khác nhau về phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia

SNV (Tổ chức phát triển Hà Lan) sử dụng những phương pháp để người dân tham gia vào quá trình lập kế hoạch (thích ứng với ĐKHH liên quan đến sinh kế và sản xuất nông nghiệp). Một trong những phương pháp đó là công cụ đánh giá dựa theo cách tiếp cận đánh giá rủi ro có sự tham gia và VCA và sử dụng đánh giá rủi ro liên quan đến sản xuất nông nghiệp. Kết quả đánh giá được đưa vào kế hoạch sản xuất và SEDP mà không cần có một báo cáo riêng.

Theo SNV, Chính quyền địa phương cho VCA là phương pháp có phần phức tạp mà họ nhằm lẫn về cách tổ chức thực hiện. Vì vậy mà SNV chọn cách quay lại cách tổ chức họp dân ở dưới thôn mà Chính quyền địa phương thường làm và có được đông đảo người dân tham gia. Theo lý giải của họ thì, không cần phải giảm số người tham gia vì người dân địa phương đã quen với cách họp dân như thế nên họ cảm thấy thoải mái khi tham gia.

Ngoài việc thiếu sự kết nối kết quả VCA ở cấp cao hơn một cách đầy đủ, thì khi việc tham gia VCA của cộng đồng cũng không còn tiếp tục nữa. Nguyên nhân của việc thiếu tiếp nối sau VCA đó là:

- Do thiếu sự tiếp nối và giám sát của Chính quyền địa phương hoặc CTĐ VN mà người dân dễ dàng quên VCA một cách nhanh chóng. Không còn chứng cứ gì lưu lại ở xã về VCA (sơ đồ hiểm họa, Lịch mùa vụ và thiên tai v.v... thường được cất ở văn phòng CTĐ mà không lưu lại ở xã).
- Như đã giải thích ở phần 2.6, hướng dẫn viên VCA thường thông tin một chiều nhiều hơn là tranh thủ lấy ý kiến của người dân địa phương qua các buổi thảo luận đánh giá VCA. Trong trường hợp này thì các giải pháp giảm thiểu rủi ro không phải từ người dân đề xuất mà từ hướng dẫn viên, nên thiếu đi tính chủ động và tính sở hữu của người dân.
- Hầu hết mọi người khi được phỏng vấn đều nói không biết kết quả đánh giá VCA đã được sử dụng như thế nào. Họ cũng không được

“Chính quyền địa phương nghĩ kết quả VCA là của CTĐ, không phải của họ, nên địa phương luôn trông chờ vào sự hỗ trợ từ CTĐ hơn là trách nhiệm của địa phương phải sử dụng kết quả VCA đó”.

Một tập huấn viên chính của CTĐ VN

thông tin gì về kết quả, mặc dù họ có tham gia vào một phần trong quá trình VCA. Theo ý kiến của Chính quyền địa phương thì thường kết quả VCA được thông báo qua hệ thống truyền thanh của xã, nhưng cũng không thường xuyên và hệ thống truyền thanh cũng không đến được hết tất cả mọi người.

- Giải pháp đề xuất quá chung chung và thường là các giải pháp quy mô lớn không nằm trong khả năng thực hiện của người dân địa phương.

Một ví dụ tốt về sự phối hợp giữa CTĐ VN và Chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện VCA

Tại Tân Tuyên, An Giang, CTĐ VN đã tổ chức buổi vận động chính sách với đại diện UBND xã và huyện trước khi thực hiện VCA. Đại diện Chính quyền được mời tham gia phân tích Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức (SWOT) của địa phương. Sau khi hoàn tất báo cáo VCA, CTĐ gửi Báo cáo cho UBND xã và tổ chức cuộc họp với Chính quyền địa phương trình bày, giải thích về kết quả đánh giá và lấy ý kiến thẩm định góp ý.

Ngoài ra, sau khi hoàn tất VCA, CTĐ VN lại tiếp tục giữ vai trò thúc và cử đại diện cán bộ CTĐ xã tham dự các cuộc họp định kỳ của BPCLB và UBND xã. Qua các cuộc họp đó cán bộ CTĐ luôn có ý kiến cập nhật những vấn đề đã được nêu trong Báo cáo VCA.

Mặc dù, xã Tân Tuyên chưa thành công trong việc kêu gọi sự hỗ trợ thêm ngân sách từ phía huyện cho xã, nhưng xã đã thực sự sử dụng tốt Báo cáo VCA và phân bổ ngân sách xã để thực hiện một số giải pháp đề xuất trong báo cáo.

3 So sánh VCA với CBDRA

3.1 CBDRA

Tháng 7 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định 1002/QĐ-TTg đã phê duyệt đề án ‘Nâng cao nhận thức và Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng’ (‘Đề án 1002’). Với Đề án này, Chính Phủ Việt Nam quyết định thực hiện Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRA) ở 6,000 xã⁸, chiếm ½ số xã của Việt Nam⁹. Mặc dù, có rất nhiều tài liệu và phương pháp đánh giá mà các Tổ chức NGOs khác nhau đã và đang áp dụng ở Việt Nam, nhưng theo DMC thì những tài liệu đó có phần phức tạp để cấp xã sử dụng được. Vì vậy, DMC đã quyết định phát triển tài liệu hướng dẫn Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRA) và đã được phê duyệt đưa vào sử dụng từ tháng 5 năm 2014.

“Cần phải công nhận rằng thành công của những lần Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRA) là nhờ có sự đóng góp về kỹ năng, kiến thức của hướng dẫn viên CTĐ VN tham gia”
IFRC

Tài liệu do Tổ chức Live and Learn và một tư vấn Quốc gia phối hợp với DMC biên soạn. UNDP¹⁰ là đơn vị hỗ trợ cho quy trình Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM) và các đối tác chính là Trung ương Hội Phụ Nữ, Oxfam và Trung ương Hội CTĐ Việt Nam. Đội ngũ tập huấn viên chính của CTĐ VN cũng đã tham gia sâu về chuyên môn vào quá trình biên soạn tài liệu này. Kết quả là công cụ chủ yếu có nguồn gốc từ các VCA. Một số người khi được phỏng vấn gọi đó là ‘VCA-light’ – một công cụ rất giống với VCA, nhưng đó là tích hợp tốt hơn trong việc lập kế hoạch của Nhà nước¹¹. CTĐ VN đã tham gia tích cực vào các đợt tập huấn về CBDRA. Đội ngũ tập huấn viên chính của CTĐ VN cũng đã tham gia thúc đẩy các đợt tập huấn cho cấp tỉnh (có phối hợp với các Tổ chức khác). Đã có nhiều cán bộ CTĐ cấp tỉnh được đào tạo và sẽ thực hiện tập huấn lại cho cấp xã. Ở cấp xã, CTĐ VN đóng vai trò làm cố vấn thúc đẩy thực hiện CBDRA.

UNDP cho biết, họ rất hài lòng với cách CTĐ VN đào tạo các tỉnh và nhận xét rằng điều này có được là nhờ có một thời gian đầu tư lớn cho VNRC. DMC cũng thấy họ cần CTĐ VN hỗ trợ để thực hiện tập huấn và thúc đẩy CBDRA, tuy vậy DMC cũng lưu ý là chưa phải tất cả tập huấn viên CTĐ VN đều đã qua tập huấn về CBDRA, vì vậy mà quá trình tập huấn cho cấp tỉnh một số tập huấn viên vẫn đưa các yếu tố của VCA vào. Điều này dường như cũng đã xảy ra với các trường hợp thực hiện đánh giá tại các địa phương (được CTĐ cố vấn). Một số tập huấn dùng VCA mà không điều chỉnh theo ngôn ngữ và nội dung của CBDRA.

Vào thời điểm thực hiện đánh giá này, đã có 51 CBDRA được thực hiện và có khoảng 20 tỉnh thành được tập huấn (thành viên tham gia tập huấn chủ yếu đến từ CNDPC và Tổ chức xã hội). Một số Tổ chức NGOs quan ngại về chất lượng đào tạo, vì có nhiều học viên tham gia tập huấn, có sự thay đổi đáng kể các học viên trong cùng thời gian đào (dẫn đến việc nhiều học viên chỉ tiếp thu được một phần của chương trình đào tạo), và như vậy sẽ thiếu hụt kiến thức từ chương trình tập huấn cho tập huấn viên (TOT) cấp tỉnh cho đến cấp xã. Cấp huyện lại chưa được tham gia đào tạo TOT. Ấn tượng của UNDP về CBDRA là rất tích cực và theo UNDP, có vẻ như đã có được sự tham gia của cộng đồng một cách thực chất; nâng cao được nhận thức về rủi ro, và nhận thức về giới. Theo ý kiến nhận xét của UNDP thì các giải pháp tập

⁸ Vào thời điểm thực hiện đánh giá này vẫn chưa chọn được các xã.

⁹ Theo ý kiến của DMC tất cả các xã trong cả nước đều cần đánh giá CBDRA. Tuy nhiên, điều này vượt quá (tài chính) năng lực của quốc gia.

¹⁰ Trong khuôn khổ chương trình SCDM-II của UNDP (Tăng cường năng lực thể chế về Quản lý Thiên tai ở Việt Nam, cân nhắc đến giảm rủi ro do tác động của BĐKH – Giai đoạn II).

¹¹ Nguồn: UNDP

trung nhiều về công trình nhiều hơn giải pháp mềm/phi công trình (tuy có nhưng còn rất ít). Tuy vậy, UNDP cho đây là một sự khởi đầu tốt.

UNDP nhìn vào sự chấp thuận của CBDRA như là một bước tiến lớn của Chính phủ Việt Nam tiến tới có nhiều sự tham gia của địa phương trong CBDRM. Tiếp sau phê duyệt tài liệu CBDRA vào năm 2014, Tài liệu về Giám sát và Đánh giá (M&E) cũng được phê duyệt và xuất bản, và vẫn còn một số chỉnh sửa nhỏ về phương pháp để khắc phục những nhược điểm tồn tại¹². Vào năm 2015 một thông tư hướng dẫn dự kiến sẽ được công bố về lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (SEDP).

“CBDRA giúp VN lập kế hoạch theo cách tiếp cận có sự tham gia và cộng đồng học thêm được nhiều điều và VCA đã mang lại tiếng nói cho họ”.

3.2 Những điểm tương đồng và khác biệt

Phần trình bày sau đây là những điểm khác biệt và tương đồng quan trọng của VCA và CBDRA (xem chi tiết ở Phụ lục 3 về kết quả so sánh giữa tài liệu VCA và CBDRA).

Mục tiêu và kết quả mong đợi

Mục tiêu và kết quả mong đợi của cả VCA và CBDRA được nêu trong tài liệu hướng dẫn cơ bản giống nhau. Cả hai tài liệu đều đề cập đến nâng cao nhận thức và xác định được những hiểm họa tiềm ẩn, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng để đưa ra những giải pháp giảm thiểu rủi ro đó là những mục tiêu và kết quả mong đợi chính. Sự cần thiết phải gắn với quá trình lập kế hoạch phát triển của địa phương các cấp cũng đã được cả hai tài liệu chú trọng đến. Tuy vậy, có một điểm khác biệt quan trọng là VCA bao gồm cả thiên tai và nhân tai, trong khi CBDRA chỉ tập trung vào thiên tai (sử dụng định nghĩa về thiên tai có trong Luật Phòng chống Thiên tai của Việt Nam¹³).

Phương pháp

- Tài liệu VCA là công cụ đánh giá giành cho các chuyên gia, chủ yếu là chuyên gia thực hành của CTĐ VN, trong khi CBDRA là tài liệu dùng cho Chính quyền cấp cơ sở và cán bộ cấp xã (Tổ công tác cấp xã với sự giúp đỡ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật).
- Tuy trong tài liệu của VCA và CBDRA có khác nhau về số lượng công đoạn thực hiện (VCA có 8 bước và CBDRA có 5 bước, nhưng thực chất các bước thực hiện đều giống nhau. Điểm khác nhau cơ bản ở đây là VCA chú trọng đến bước vận động chính sách, trong khi CBDRA không đề cập đến bước này.
- Cả hai tài liệu đều nêu cần cập nhật đánh giá VCA hàng năm, tuy nhiên không tài liệu nào có hướng dẫn cụ thể để thực hiện.
- Cả VCA và CBDRA đều thực hiện trong 5 ngày.

Công cụ

- Hầu hết các công cụ dùng trong tài liệu CBDRA đều giống các công cụ ở Tài liệu hướng dẫn VCA, tuy vậy số lượng công cụ ít hơn. Số lượng công cụ dùng trong tài liệu CBDRA là 9 công cụ ít hơn nhiều so với tài liệu hướng dẫn VCA (có đến 14 công cụ).
- Tài liệu CBDRA không có thảo luận nhóm đặc thù. Tài liệu VCA có công cụ tốt để phân tích sinh kế.
- Thứ tự sắp xếp các công cụ đánh giá và mối liên kết giữa các công cụ thì ở tài liệu CBDRA rõ ràng hơn VCA.

¹² Cần làm rõ hơn cách sử dụng hợp lý của một số công cụ, một số từ ngữ và tham khảo phù hợp với phần phụ lục (nguồn: UNDP)

¹³ Luật Phòng chống thiên tai; Số 33/2013/QH13, Ngày 19/06/2013; Có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2014; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc

- Trong tài liệu CBDRA phân tích vấn đề được trình bày theo hình thức dùng bảng biểu thay cho dùng hình tượng cây vấn đề (VCA).
- Tài liệu CBDRA có thêm những ví dụ cụ thể để hoàn thiện công cụ đánh giá ở phần phụ lục.
- Hướng dẫn sử dụng công cụ ở Tài liệu CBDRA cụ thể chi tiết hơn giúp thu thập thông tin ở từng công cụ tốt hơn.

Tài liệu

- Xét về nhiều phương diện thì tài liệu VCA là tài liệu biên soạn cho những người chuyên nghiệp và tài liệu CBDRA được biên soạn để sử dụng cho cấp xã. Điều này có thể thấy rõ qua ngôn ngữ, cách giải thích các khái niệm cũng như cách hướng dẫn sử dụng trong tài liệu.
- Số trang của hai tập tài liệu bằng nhau, nhưng Tài liệu VCA đã dành trọn Phần I cho các Khái niệm liên quan, Nguyên tắc và Phương pháp VCA, nhưng tài liệu CBDRA lại dành nhiều trang cho phần hướng dẫn chi tiết cách sử dụng các công cụ.
- Cách trình bày và định nghĩa các khái niệm trong Tài liệu VCA theo cách sử dụng của Hội CTĐ quốc tế, Tài liệu CBDRA giải thích và định nghĩa các Khái niệm theo Luật Phòng chống Thiên tai của Việt Nam.
- Vận động chính sách cho VCA và tiếp nối kết quả VCA được đặc biệt chú trọng trong Tài liệu VCA, nhưng Tài liệu CBDRA không đề cập đến vấn đề này.
- Phần Phụ lục của Tài liệu CBDRA có hướng dẫn về Giám sát và Đánh giá (M&E), nhưng ở Tài liệu VCA lại không có phần này.

Tính toàn diện

- Việc lồng ghép đối tượng đặc thù, thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng dụng trong bối cảnh đô thị được chú trọng hơn trong Tài liệu VCA. Ví dụ: những lưu ý và hướng dẫn khi làm việc với NKT, nhóm đặc thù ở các trang 35 đến 36 ở Phần II. Tuy vậy, kết quả không có bảng biểu để tổng hợp và cũng không có hướng dẫn nào để sử dụng dữ liệu về nhóm đặc thù. Điều này lại khác với CBDRA. Thông tin về lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương và biến đổi khí hậu không có nhiều. Nhóm dễ bị tổn thương được xác định và được nêu một cách nhất quán trong tài liệu này (liên quan chính đến phụ nữ, nam giới, thanh niên). Trong một vài công cụ, nhóm dễ bị tổn thương được đưa vào bảng biểu thu thập hoặc phân tích thông tin.
- Tài liệu VCA và CBDRA có hầu như cùng các bảng tổng quan cung cấp những gợi ý và những điểm cần lưu ý liên quan đến nhóm đặc thù như: trẻ em, phụ nữ, NKT, người già, người nghèo và dân tộc ít người (ở Phần I của Tài liệu VCA, Phần Phụ lục của tài liệu CBDRA).
- Tài liệu CBDRA không đề cập đến đánh giá ở bối cảnh đô thị.

Báo cáo (cấu trúc)

- Tài liệu CBDRA có mẫu thu thập thông tin chung ở Phụ lục 5.
- Cả hai mẫu báo cáo của tài liệu VCA và CBDRA đều không nhắc đến nhóm đặc thù.
- Trong báo cáo của tài liệu CBDRA có một điểm đặc biệt là phần (D) về những đề xuất và ưu tiên dành cho chính quyền các cấp.

Tài liệu hóa (khả năng tiếp cận các kết quả)

- Cả hai tài liệu VCA và CBDRA đều không đưa ra gợi ý cần làm gì với kết quả thu được trực tiếp sau mỗi công cụ (những Sơ đồ đã vẽ được, kết quả ghi lại trên A0...v.v...).

3.3 Những điểm so sánh lợi thế và bất lợi

Phân trình bày sau đây, sẽ cung cấp ý kiến về những điểm bất lợi và lợi thế của tài liệu CBDRA so với tài liệu VCA của các bên tham gia. Tuy vậy, sự so sánh này chỉ mới dựa vào

những kinh nghiệm ít ỏi về CBDRA vì tài liệu vừa mới được đưa vào sử dụng thí điểm và đang ở trong giai đoạn rà soát chỉnh lý.

Ý kiến của CTĐ VN

Trong thời gian thực hiện đánh giá này, lãnh đạo CTĐ VN bận công tác khác nên không tham gia chia sẻ ý kiến so sánh CBDRA với VCA, hoặc giải thích cho việc CTĐ VN chọn phương pháp nào để sử dụng cho công tác Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRM) trong tương lai. Cũng có thể còn quá sớm để CTĐ đưa ra ý kiến về vấn đề này. Tuy nhiên, cán bộ CTĐ cũng rất cởi mở và quan tâm đến việc so sánh CBDRA với VCA để thấy được những ưu điểm và nhược điểm của cả hai tài liệu.

Tất cả những tập huấn viên chính của CTĐ VN đã được phỏng vấn đều là những tập huấn viên có kinh nghiệm thực hiện cả VCA và CBDRA. Khi hỏi về công cụ của hai tài liệu thì họ đều thích sử dụng công cụ của CBDRA (Ví dụ: mẫu thu thập thông tin chung, Thông tin lịch sử và Lịch mùa vụ), nếu có bổ sung thêm một số điểm tốt của tài liệu VCA của CTĐ VN. Theo họ:

- Tài liệu CBDRA thiết thực hơn VCA vì nó dùng ít công cụ hơn, nhưng rất thiết thực và toàn diện hơn (nhiều thông tin thu thập được qua một công cụ).
- Với 3 hợp phần (An toàn cộng đồng, Sức khỏe/vệ sinh, Môi trường, Sản xuất, kinh doanh), phân biệt tình trạng dễ bị tổn thương, hiểm họa phù hợp với bối cảnh Việt Nam hơn là 5 Hợp phần như trong Tài liệu VCA (Sinh kế, Điều kiện sống cơ bản, Tự bảo vệ, bảo vệ của xã hội, Quản trị).
- CBDRA dẫn dắt đến việc lựa chọn giải pháp giảm rủi ro rõ ràng, nên địa phương có thể sử dụng để cải thiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai (DPP) và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (SEDP).
- Tài liệu VCA của CTĐ VN là một tài liệu được biên soạn công phu, nhưng dài, dày và có phần hơi lý thuyết vì vậy mà chỉ có những hướng dẫn viên chuyên nghiệp có kinh nghiệm mới sử dụng tốt tài liệu này. Nó không được thiết thực như CBDRA là tài liệu mà hướng dẫn viên cơ sở cũng có thể dùng được (tài liệu VCA cần đơn giản hóa).
- Tài liệu VCA không có bảng biểu tổng hợp thông tin cho mỗi công cụ để tổng hợp được kết quả thảo luận giống như tài liệu CBDRA. Vì vậy, việc tổng hợp thông tin cho việc viết báo cáo theo Tài liệu VCA khó hơn CBDRA.
- Báo cáo VCA thường thiếu việc tiếp nối, trong khi Báo cáo CBDRA theo Đề án 1002 của Chính Phủ, nên được Chính quyền địa phương sử dụng (Tuy vậy, chưa có minh chứng nào thu được qua việc đánh giá này).

Tập huấn viên của CTĐ VN nhắc đến những bất lợi của CBDRA như sau:

- Hướng dẫn viên phải thực hiện CBDRA ngay sau khi kết thúc tập huấn. Vì vậy mà họ còn thiếu kinh nghiệm và thiếu thời gian để chuẩn bị cho việc đánh giá.
- Thời gian tập huấn về VCA cho hướng dẫn viên là 10 ngày (được chia làm 2 đợt), trong khi đó tập huấn về CBDRA cho hướng dẫn viên chỉ vỏn vẹn trong 7 ngày (chủ đề CBDRM, Phương pháp và kỹ năng tập huấn đều bao gồm trong chương trình tập huấn 7 ngày).
- Các đối tác khác nhau có nhận xét về các điểm mạnh của VCA khác nhau mà họ muốn bổ sung cho CBDRA. Những ý kiến đó xoay quanh những công cụ như Xếp hạng, Phân tích nguyên nhân hậu quả (cây vấn đề như trong tài liệu VCA và bảng tổng hợp như trong Tài liệu CBDRA). Một số công cụ cần bổ sung thêm vào tài liệu CBDRA đó là công cụ Quan sát, Sơ đồ Venn. Liên quan đến việc chỉ tập trung vào thiên tai như CBDRA hoặc vừa thiên tai vừa nhân tai như Tài liệu VCA thì tập huấn viên có ý kiến khác nhau. Một số tập huấn viên đã được phỏng vấn nghĩ rằng chỉ tập trung vào thiên tai không thôi cũng tốt vì mục tiêu của CBDRA là cung cấp thông tin đầu vào cho kế hoạch phòng ngừa ứng phó thiên tai (là kế hoạch theo Bộ NNPTNT và vì thế mà chỉ cần tập trung

“Bao gồm tất cả các loại hình hiểm họa, kể cả thiên tai và nhân tai đều hữu ích cho việc hiểu rõ hơn nguyên nhân và hậu quả giữa các hiểm họa”.

Một tập huấn viên chính của
CTĐ VN

vào thiên tai thời). Một số khác lại ủng hộ việc đánh giá cả thiên tai và nhân tai, vì có rất nhiều hiểm họa do con người gây ra là mối quan tâm của cộng đồng.

Nói đến lợi thế và bất lợi đối với hướng dẫn viên của địa phương (CBDRA) so với hướng dẫn viên chuyên nghiệp (VCA), ý kiến giữa các tập huấn viên của CTĐ VN cũng khác nhau. Hướng dẫn viên CBDRA địa phương hiểu rõ thực tế của địa phương mình, đó là một lợi thế. Tuy vậy việc thúc đẩy của họ có thể thiếu khách quan và người địa phương khi tham gia có thể không cảm thấy thoải mái để chia sẻ ý kiến.

Ý kiến của các bên tham gia khác

Tất cả các Tổ chức NGOs được phỏng vấn, trừ Tổ chức ISET, Malteser International và SNV, đã và đang sử dụng song song hai tài liệu VCA của CTĐ VN và tài liệu VCA của chính tổ chức mình có điều chỉnh để tập trung vào nhóm đối tượng chính của Tổ chức (như trẻ em hay thanh niên hoặc phụ nữ..v.v...). Tuy vậy, họ đều dần dần tiến đến sử dụng CBDRA, vì theo họ CBDRA là công cụ đã được nhà nước phê chuẩn và sử dụng nó là ủng hộ chính sách của nhà nước để tiến tới nhất quán trong việc đánh giá trên toàn quốc. Một lợi thế khác mà nhiều tổ chức nói đến đó là CBDRA đơn giản hơn nhiều và ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu ít kỹ thuật hơn nên cộng đồng dễ hiểu và dễ nhớ. Tuy nhiên, tất cả những tổ chức phi chính phủ này đều quan ngại đến chất lượng của CBDRA. Mặc dù vậy, họ thấy nên hoàn thiện CBDRA hơn là tiếp tục sử dụng các công cụ của riêng họ. Những tổ chức này cũng có góp ý là CTĐ VN nên sử dụng CBDRA vì những lý do như họ đã nêu.

“Chúng ta nên theo CBDRA và không cần giữ mãi các phương pháp riêng của mình. Chúng ta cần hướng tới sức mạnh tổng hợp mà không cần đi tìm sự khác biệt”

Tầm nhìn Thế giới

UNDP thấy CTĐ VN không cần thiết phải hoàn toàn từ bỏ VCA của Hội. UNDP thừa nhận rằng, VCA mà thực hiện tốt thì sẽ chuyên sâu hơn CBDRA. Chính vì vậy, theo UNDP, không cần bản khoản rằng Chính phủ Việt Nam có thể đưa VCA vào Đề án 1002 để thực hiện mục tiêu thực hiện đánh giá CBDRA ở 6 000 xã trong cả nước (tuy nhiên, sau đó CTĐ VN sẽ phải báo cáo cho DMC, điều mà cho đến nay vẫn chưa được thực hiện). Nếu CTĐ VN vẫn giữ VCA theo cách của Hội, thì cần làm sao để tăng tính sở hữu của địa phương, như có thêm thời gian để ngồi cùng Chính quyền lồng ghép kết quả đánh giá vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Các đối tác trong hệ thống CTĐ đang hoạt động tại Việt Nam lại có nhiều ý kiến khác nhau về CBDRA. Một số cho là chất lượng của CBDRA kém hơn nhiều so với VCA. Điều họ quan tâm chính là sự tập chỉ vào thiên tai của CBDRA so với VCA tập trung cả về thiên tai và nhân tai. Chấp nhận sử dụng CBDRA đồng nghĩa với việc quay lại với phương pháp đánh giá HCVA (Đánh giá Hiểm họa, Tình trạng dễ bị tổn thương, Khả năng) trước đây của CTĐ. Mặc dù thừa nhận rằng CBDRA vẫn đang được phát triển, mối quan tâm được đặt ra là tính hữu ích của các báo cáo CBDRA nếu nội dung của nó không mang tính thuyết phục. Mối quan tâm này là chia sẻ của những người tham gia thực hiện VCA cho các dự án qua nguồn tài trợ bên ngoài. Họ cũng quan ngại báo cáo CBDRA quá ngắn gọn, không thuyết phục được nhà tài trợ hỗ trợ tài chính cho các giải pháp giảm thiểu.

Một số đối tác khác của CTĐ lại nhận thấy có những ưu điểm khác biệt của CBDRA: kết nối với chương trình nhà nước tốt hơn và sử dụng kinh nghiệm bản địa tốt hơn (thông qua chính quyền địa phương). Biện pháp giảm thiểu rủi ro có nhiều khả năng được theo dõi bởi được lồng ghép vào việc lập kế hoạch phòng ngừa thiên tai (DPP). Một số lại chọn sử dụng cả hai: thực hiện CBDRA để lập kế hoạch theo yêu cầu của nhà nước và thực hiện VCA khi nhà tài trợ có những yêu cầu nghiêm ngặt về nghiên cứu sâu hơn. Cũng không ít tổ chức NGO khi được phỏng vấn cũng chia sẻ là họ coi CBDRA là công cụ làm trụ (cốt lõi), mà họ vẫn có thể xây dựng với mô-đun bổ sung thêm thời gian cho những tập trung cụ thể của tổ chức mình. Họ

cũng thấy cần nhiều cơ hội để mở rộng quy mô đánh giá CBDRA bao gồm cả hiểm họa do con người gây ra. DMC không phản đối điều này, mặc dù các biện pháp giảm thiểu rủi ro liên quan đến những hiểm họa sẽ không phù hợp với các chương trình của chính phủ được tài trợ bởi Bộ NN & PTNT

Một vài đối tác của Hội CTĐ quan ngại đến mức độ tham gia trong CBDRA. Do hướng dẫn viên là người địa phương, người tham gia có thể cảm thấy e ngại không nói ra ý kiến của mình và như vậy, sự tham gia vào CBDRA kém thua VCA. Nhiều Tổ chức NGOs có trải nghiệm với cả VCA và CBDRA lại phản đối ý kiến quan ngại đó, theo họ thì kỹ năng thúc đẩy của hướng dẫn viên là vấn đề quan trọng quyết định đến thành công của việc có được sự tham gia đích thực hơn là phương pháp nào.

“Chỉ vì bạn thực hiện CBDRA và với mục đích là chính quyền địa phương sẽ thúc đẩy quá trình này, không có nghĩa là bạn đóng góp cho SEDP. Điểm mấu chốt là, cách đặt vấn đề với chính quyền địa phương như thế nào để chọn cách thực hiện tốt”.

IFRC

Theo lý thuyết thì việc thực hiện CBDRA nên ít phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Nhà tài trợ hơn VCAs, một phần của Đề án 1002 của Chính phủ, Tuy nhiên, vào thời điểm thực hiện đánh giá này, trên thực tế CBDRA đã và đang được UNDP hỗ trợ tài chính (và một phần từ CTĐ Úc), Theo UNDP, trong tương lai các Nhà tài trợ khác như Ngân Hàng Thế Giới (WB), Ngân Hàng Phát triển Châu Á (ADB) và JICA, cũng như các Tổ chức NGOs sẽ đưa CBDRA vào trong các chương trình dự án của Tổ chức. Chính phủ Việt Nam, cũng chưa hỗ trợ tài chính cho bất kỳ CBDRA nào.

Trải nghiệm của hướng dẫn viên và chính quyền địa phương về CBDRA

Trong quá trình thực hiện việc đánh giá này, chỉ chọn thực hiện ở một xã đã thực hiện CBDRA (đó là Xuân Quang 2) và một nơi có thực hiện CBDRA nhưng kết hợp với VCA (hay tạm gọi là hỗn hợp cả hai phương pháp) đó là Phường 6 ở Phú Yên. Thêm nữa, CBDRA cũng còn đang rất mới đối với các địa phương đó, nên thông tin thu nhận được qua đợt đánh giá còn rất hạn chế để có thể đưa ra được kết luận xác đáng về việc thực hiện CBDRA. Tuy hướng dẫn viên của hai xã/phường đó cũng thể hiện sự tự tin khi nói đến việc thực hiện CBDRA của họ, nhưng sự hỗ trợ của CTĐ cũng rất cần thiết đối với họ. Nhu cầu mà các địa phương cần CTĐ hỗ trợ khác nhau (công tác chuẩn bị cho CBDRA, hoặc tổng hợp phân tích thông tin dữ liệu và viết báo cáo). Phường 6 cho biết họ thiếu thời gian để làm VCA và làm báo cáo kết quả đánh giá và họ đều đánh giá cao sự hỗ trợ của phía CTĐ, đặc biệt là những hỗ trợ chân thành của CTĐ làm cho họ cảm thấy thoải mái khi thực hiện CBDRA.

“Tôi thích CBDRA hơn, vì chính quyền địa phương được tham gia sâu vào quá trình đánh giá. VCA do CTĐ thực hiện thì chính quyền chỉ được chia sẻ kết quả đánh giá thôi. Mặc dù vậy, nếu vận động chính sách trước VCA tốt thì VCA hay CBDRA đều tốt như nhau trong việc lồng ghép kết quả đánh giá vào lập kế hoạch của địa phương”.

Ban Phòng, chống thiên tai của Xuân Quang 2

Cũng còn quá sớm để nói đến hiệu quả của việc lồng ghép kết quả CBDRA vào quá trình lập kế hoạch ở các địa phương. Tuy vậy, chính quyền địa phương đều cho rằng một khi CBDRA được tất cả xác xâ thực hiện và sử dụng chung mẫu báo cáo về các giải pháp giảm thiểu rủi ro, thì việc lồng ghép vào quá trình lập kế hoạch của chính phủ sẽ dễ dàng và thuận lợi hơn.

Trải nghiệm tích cực với cách tiếp cận CBDRA

Ở Phường 6 (Tỉnh Phú Yên) Chính quyền Phường xem xét kỹ lưỡng các nguồn nhân lực tham gia vào các CBDRA. Những cán bộ của các phòng ban chủ chốt của phường có năng lực và kiến thức về dự án được mời tham gia. Tất cả cán bộ đã được giải thích về mục tiêu và các hoạt động của dự án. Sau đó tiếp tục chọn cán bộ để tham gia tập huấn và sẽ tham gia vào Nhóm hỗ trợ Kỹ thuật làm việc với cộng đồng.

Khi dự án kết thúc, nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật này lại tiếp tục tư vấn về các hoạt động của Ban Phòng chống Thiên tai Phường, đặc biệt là việc lập kế hoạch. Trong khi có thiên tai xảy ra, họ cũng là lực lượng hỗ trợ cho công tác ứng phó của phường.

CBDRA là cách tiếp cận mới đối với phường, nhưng Chính quyền Phường và người dân địa phương sẵn sàng tham gia và cùng nhau thực hiện tốt dự án.

Nguồn: Chính quyền Phường 6



Ảnh 5: Làm việc với người dân địa phương tại Tân Tuyên- An Giang

4 Kết luận và Đề xuất

4.1 Kết luận

Trong suốt những năm qua, dưới sự trợ giúp của các đối tác, CTĐ VN đã rất nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên VCA và trở thành đơn vị hàng đầu về VCA trong cả nước. Các bên tham gia, bao gồm các tổ chức phi chính phủ và chính quyền địa phương, đều đánh giá cao lực lượng hướng dẫn viên của CTĐ VN và huy động sử dụng tối đa đội ngũ này. Tuy nhiên, kết quả đánh giá cho thấy nguồn nhân lực VCA của VNRC thật sự cần được cải thiện thêm để VCA có thể đóng góp tốt hơn cho việc lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro ở cộng đồng, đặc biệt là cần được lưu ý thêm về: thúc đẩy để lồng ghép tốt hơn các nhóm dễ bị tổn thương, phân tích dữ liệu để báo cáo tốt hơn và tiếp nối kết quả VCA ở các cấp khác nhau. Ngoài ra, CTĐ VN cũng cần xây dựng một hệ thống tốt hơn để duy trì và phát triển đội ngũ tập huấn viên cho Hội.

Do việc đánh giá có sự tham gia trong đó có sự tham gia của Hội chữ thập đỏ, các đối tác của Hội Chữ thập đỏ, các tổ chức phi chính phủ, chính quyền và cộng đồng địa phương, nhiều kiến nghị đã được đưa ra nhằm để cải tiến việc thực hiện VCA hiện tại, xem phần 4.2. Những kiến nghị chú trọng đến chức năng của các công cụ VCA cũng đã được cân nhắc đưa vào các công cụ thực hành nhằm hỗ trợ cho CTĐ VN – xem phần 4.3. Những kiến nghị khác đặc biệt liên quan đến những hạn chế về năng lực của Hội CTĐ VN mà không nằm trong phạm vi của nghiên cứu này cần xem xét nghiên cứu thêm.

Mặc dù VNRC có lịch sử thực hiện VCA đã lâu, nhưng việc duy trì công cụ đánh giá này thì không còn phù hợp nữa, hiện tại Chính phủ Việt Nam đang tiến hành CBDRA tại 6.000 xã trong cả nước. Điều quan trọng lúc này là VNRC phải quyết định xem họ sẽ tiếp tục như thế nào: vẫn duy trì VCA hay chuyển qua CBDRA. Đây cũng là vấn đề chung mà các tổ chức khác tại Việt Nam hiện cũng đang gặp phải. Đa số các tổ chức đã được phỏng vấn đều cho biết họ đã quyết định sẽ chuyển sang sử dụng tài liệu hướng dẫn CBDRA mà đã được Chính phủ phê duyệt. Việc chuyển sang sử dụng CBDRA có ưu và nhược điểm riêng, và nhiều người cho rằng có khả năng vẫn có thể sử dụng cùng lúc hai tài liệu này. Nếu VNRC chuyển sang sử dụng CBDRA, thì cần phải lưu ý đến những vấn đề đã đề cập ở phần trên. Và việc kết nối kết quả đánh giá với kế hoạch phòng ngừa thiên tai của các địa phương sẽ thuận lợi hơn khi sử dụng CBDRA. Cần nâng cao chất lượng của đội ngũ hướng dẫn viên trong việc hướng dẫn CBDRA và phân tích dữ liệu, viết báo cáo.

CTĐ VN nên nhận thức rằng thậm chí nếu họ có quyết định sẽ làm theo các tổ chức khác là chuyển qua sử dụng CBDRA, thì điều này không có nghĩa là đội ngũ hướng dẫn viên VCA mà họ xây dựng trong nhiều năm qua sẽ không có tác dụng nữa, hoặc VNRC sẽ đánh mất giá trị của mình với tư cách là người đi đầu trong việc đánh giá rủi ro và lập kế hoạch tại cộng đồng. Việc Chính phủ Việt Nam chọn áp dụng CBDRA là một bước tiến quan trọng trong việc huy động sự tham gia của cộng đồng địa phương vào lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai và phát triển cộng đồng. Có được bề dày kinh nghiệm về VCA, CTĐ VN đã đóng góp rất tích cực vào quá trình biên soạn tài liệu CBDRA này của Chính phủ và đây được xem là một công nhận đáng kể về những thành tựu về VCA của CTĐ VN đóng góp cho chương trình Quốc gia.

Là đơn vị hỗ trợ cho Chính phủ, CTĐ VN có thể giữ vai trò lâu dài trong việc trợ giúp Chính phủ Việt Nam thực hiện CBDRA. CTĐ VN đã mất nhiều năm xây dựng nhân lực để có được năng lực đánh giá VCA như hiện tại, do vậy, sự hỗ trợ của CTĐ cho Chính quyền các địa phương còn mới mẻ với CBDRA cũng như chưa được tập huấn nhiều trong những năm tới là rất cần thiết. Chính phủ Việt Nam đánh giá rất cao sự tiếp tục hỗ trợ của CTĐ VN cho việc thực hiện CBDRA của chương trình Quốc gia.

Ở Việt Nam, việc thực hiện được CBDRA vẫn còn lệ thuộc vào nguồn tài chính của các nhà tài trợ bên ngoài kể cả nguồn bên ngoài của Hội CTĐ VN.



Ảnh 6: Thiếu điều kiện tiếp cận vào hội trường tham dự họp cho NKT tại xã Hoa Nam, Thái Bình

4.2 Đề xuất

Đề xuất sau đây nhằm khắc phục những thiếu sót và trở ngại được mà quá trình đánh giá thu được. Mặc dù chúng tập trung vào VCA của VNRC như đã được đề cập trong phần 4.1 ở trên, phần lớn vẫn cần áp dụng kể cả khi VNRC quyết định sẽ chuyển sang sử dụng CBDRA.

Tài liệu, phương pháp và công cụ

- VCA nên dành thêm thời gian cho việc thu thập và phân tích dữ liệu. Ví dụ như cần chọn lựa kĩ lưỡng hơn các công cụ thu thập thông tin (giảm số lượng công cụ được sử dụng) vì chất lượng thông tin quan trọng hơn số lượng thông tin.
- Hướng dẫn viên của CTĐ VN cần được tập huấn kĩ hơn về phương pháp VCA, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến phân tích dữ liệu.
- Điều phối viên nên tận dụng tốt hơn các thông tin được cung cấp trong các cuốn cẩm nang hướng dẫn VCA của VNRC.
- Một quy trình VCA sẽ không dừng lại khi viết xong báo cáo. Nếu CTĐ VN không thấy được tầm quan trọng của việc tiếp tục giám sát việc tiếp nối kết quả VCA, thì cần nghiêm túc xem lại tính hiệu quả của việc thực hiện VCA, đặc biệt là việc thiếu liên kết với chính quyền địa phương.
- Quy trình CBDRA có thể là hình mẫu mà VCA cần làm sao để phù hợp hơn để các cấp địa phương có thể tham gia được vào suốt quy trình VCA từ đầu cho đến cuối, và cùng họ xác định thời gian nào thuận lợi nhất để có thể lồng ghép kết quả VCA vào quy trình lập kế hoạch của địa phương.
- Lý tưởng nhất là nên điều chỉnh VCA phù hợp với yêu cầu để khắc phục các thiếu sót đang tồn tại đóng góp cho việc cải thiện quy trình lập kế hoạch thay vì bỏ VCA. Do vậy, việc hợp tác tốt với chính quyền địa phương và thu thập, nghiên cứu thông tin thứ cấp một

cách đầy đủ là điều hết sức quan trọng. Thay vì làm lại những điều đã làm, VNRC nên tập trung giải quyết các yếu kém của việc lập kế hoạch phòng ngừa thiên tai ở địa phương (ví dụ đưa các nhóm dễ bị tổn thương vào chương trình đánh giá).

- Người dân địa phương cần được thông báo đầy đủ các kết quả VCA. Ngoài ra, cần tạo mọi điều kiện để các kết quả này luôn hữu ích cho các phường xã kể cả sau khi VCA kết thúc. Thông thường, người dân địa phương ít khi đọc báo cáo VCA nên cần sáng tạo hơn cách trình bày kết quả VCA, ví dụ các ấn phẩm cần có nhiều hình ảnh, công bố quy trình trên các bảng thông báo phường, xã...

Lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương

- Hướng dẫn viên của CTĐ VN nên đọc các hướng dẫn thực hành trong cẩm nang hướng dẫn VCA của Hội về lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương trong VCA. Trên thực tế, nhiều hướng dẫn viên đã không biết hoặc bỏ qua các thông tin quan trọng này.
- Điều phối viên cần được tập huấn để ứng xử với các trở ngại về tinh thần và sức khỏe của người khuyết tật nhằm thuyết phục họ tham gia và đóng góp ý kiến cho VCA. Điều này bao gồm việc phát triển kỹ năng mềm cho tập huấn viên để họ có thể thuyết phục người khuyết tật, và giúp tập huấn viên nhận thức được những cải thiện về mặt hậu cần cần thiết giúp giảm thiểu những rào cản khiến người khuyết tật không tham gia được.
- Hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN nên khuyến khích trẻ em tham gia theo cách phù hợp với các em. Nghĩa là mời trẻ em thảo luận những rủi ro mà các em hay gặp trong môi trường sống thực tế của mình (không chỉ ở trường, mà còn tại nhà, từ nhà đến trường, và ở các khu vực mà các em hay chơi đùa). Thông tin và những đề xuất giảm rủi ro mà các em đưa ra này nên được đưa vào phần phân tích và đề xuất giải pháp ở báo cáo VCA.
- Hướng dẫn viên cần có thêm hiểu biết về lồng ghép giới. Họ phải hiểu rõ về việc thảm họa sẽ ảnh hưởng khác nhau như thế nào lên nam và nữ để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp với từng giới.
- Thay vì trình bày những thông tin về các nhóm dễ bị tổn thương tách biệt với các nguồn thông tin khác (hoặc bỏ luôn phần thông tin này) thì cần phải xem đây là phần thông tin quan trọng cho việc phân tích tổng quát để đưa ra những giải pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Các bảng biểu VCA cần nên cung cấp đầy đủ hướng dẫn cho vấn đề này.

Lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đơn giản hoá vấn đề này vì thông tin về biến đổi khí hậu thường dễ gây rối rắm (cho cả hướng dẫn viên lẫn người tham gia). Thông tin này có thể không chính xác hoặc gây sự chú ý không đúng rằng đây là một trong những nguyên nhân chính gây ra các rủi ro trong khi thực tế nguyên nhân chủ đạo lại do con người gây nên (như sự suy thoái môi trường). Thảo luận về biến đổi khí hậu ở cấp xã có thể được miễn bỏ hoàn toàn, thay vào đó nên thảo luận về sự giảm thiểu rủi ro và nhấn mạnh vào các xu hướng của thiên tai (dù biến đổi khí hậu có hay không có liên quan đến). Các bảng biểu của VCA cần có hướng dẫn thiết thực.
- Hướng dẫn viên CTĐ VN cần được tập huấn thêm về biến đổi của khí hậu, dựa trên những tài liệu hiện có ví dụ như tài liệu của Hội chữ thập đỏ Đức (GRC).

Báo cáo VCA

- Mẫu báo cáo tốt sẽ giúp cho hướng dẫn viên viết được báo cáo VCA toàn diện và hữu ích hơn.
- Hướng dẫn viên viết báo cáo cần đảm bảo thông tin trong báo cáo luôn nhất quán với nhau. Nghĩa là các giải pháp giảm thiểu rủi ro được đề xuất phải đi kèm với các phân tích về rủi ro, tình trạng dễ bị tổn thương.
- Hướng dẫn viên VCA của CTĐ VN nên tránh tóm tắt thông tin để viết cho vừa đủ độ dài thông thường của một báo cáo. Sự khác biệt của rủi ro cũng như các biện pháp giảm thiểu rủi ro được đề xuất ở các khu vực, phường xã, hay nhóm xã hội khác nhau sẽ giúp cho việc tiếp nối kết quả VCA và thực hiện các giải pháp hiệu quả hơn.
- Khi đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro, CTĐ VN cần khuyến khích người tham gia VCA đưa ra những biện pháp có thể thực hiện ngay trong điều kiện phường xã mình thay

vì tập trung quá nhiều vào những giải pháp phụ thuộc nhiều vào sự thực hiện của Nhà nước. Điều này sẽ giúp các xã chủ động hơn trong việc tiếp nối kết quả VCA tốt hơn.

Tính phù hợp với bối cảnh đô thị

- Việc phát triển các công cụ phù hợp để đánh giá rủi ro tại khu vực đô thị ở Việt Nam là điều cần thiết và đòi hỏi một quy trình kỹ lưỡng dựa trên các công cụ đánh giá hiện có (ở Việt Nam và ở các nước khác) cũng như việc kiểm nghiệm và tập huấn sử dụng công cụ. Đây là một quá trình dài hạn và đã được một số Tổ chức bắt đầu (trong số những tổ chức đó) có Hội chữ thập đỏ Mỹ và có thể được hỗ trợ bởi các đối tác khác của Hội CTĐ.

Kỹ năng tập huấn và thúc đẩy

- Nếu VNRC muốn giữ vị trí hàng đầu tại Việt Nam trong việc hỗ trợ thúc đẩy VCA và CBDRA, thì CTĐ VN phải bắt tay ngay vào việc thiết lập một hệ thống để phát triển, làm mới và duy trì đội ngũ tập huấn viên chính (chuyên gia VCA) của họ. Điều này gồm việc xây dựng một đội ngũ tập huấn viên mới và trẻ, cung cấp các chương trình đào tạo lại thường xuyên với đội ngũ đang có, đảm bảo có cơ hội thực hành đầy đủ cho mọi tập huấn viên cũng như xây dựng một hệ thống đào tạo ở môi trường làm việc hằng ngày cho các tập huấn viên còn ít kinh nghiệm. Để hỗ trợ cho việc này cần có hệ thống của quốc gia về quản lý đào tạo và phát triển đội ngũ tập huấn viên tốt.
- Nếu việc sở hữu một đội ngũ tập huấn viên là yếu tố quan trọng hàng đầu đối với CTĐ VN, thì họ cần đảm bảo sẽ không phụ thuộc hoàn toàn vào các nhà tài trợ bên ngoài để duy trì đội ngũ đó.
- CTĐ VN cần cân nhắc việc đảm bảo sự đa dạng về các lĩnh vực kỹ thuật cho đội ngũ tập huấn viên (ví dụ không chỉ về quản lý thảm họa mà còn về các lĩnh vực Sinh kế, Sức khỏe, và CBDRM ở đô thị...) để có thể đảm bảo một VCA cân bằng/hoặc năng lực tốt hơn đáp ứng yêu cầu của nhà tài trợ. Một lựa chọn khác là tăng cường hợp tác với các tổ chức chuyên sâu về những lĩnh vực này.
- Hướng dẫn viên của CTĐ VN cần liên tục cải thiện kỹ năng thúc đẩy của mình. Họ nên hiểu rõ sự khác biệt giữa kỹ năng tập huấn và kỹ năng thúc đẩy, và có khả năng áp dụng các kỹ năng đó trong các tình huống khác nhau. Điều này không chỉ quan trọng đối với những tập huấn viên mới còn thiếu kinh nghiệm mà còn là điểm cần lưu ý cho các tập huấn viên có kinh nghiệm.

CBDRA

- Đề án 1002 và CBDRA cần được thông báo đến các Hội Chữ Thập Đỏ để họ có đầy đủ thông tin khi làm việc với chính quyền địa phương.
- Thúc đẩy viện CTĐ VN cần được tham gia vào CBDRA, hay tốt hơn là được đào tạo về phương pháp CBDRA và vai trò cụ thể của họ là cố vấn kỹ thuật. Việc nhằm lẫn giữa VCA và CBDRA cần được loại bỏ. Kỹ năng tập huấn cũng cần được tăng cường thêm để có thể làm tốt vai trò cố vấn kỹ thuật của họ.

4.3 Tiếp nối kết quả VCA

Từ những lưu ý và các đề xuất đã nêu trên, vấn đề cấp bách nhất đã được khắc phục thông qua việc phát triển một tài liệu bổ sung nhằm cung cấp cho VNRC những công cụ thực hành trên các lĩnh vực sau:

- Làm thế nào để đảm bảo được việc lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương BĐKH tốt hơn
- Làm thế nào để lồng ghép thông tin về BĐKH
- Làm thế nào để phân tích dữ liệu thu thập được
- Làm thế nào để viết được một báo cáo VCA ngắn gọn nhưng toàn diện

Một số hướng dẫn viên của CTĐ VN đã được chọn tham gia khóa tập huấn về Tài liệu bổ sung của Trung ương Hội Chữ Thập Đỏ Việt Nam, Tổ chức Malteser International và CTĐ Đức. Sau tập huấn, các hướng dẫn viên lại tiếp tục tham gia thử nghiệm tài liệu bổ sung qua việc thực hiện đánh giá VCA ở xã Mai Hóa (Tuyên Hóa) và xã Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới). Từ kết

quả kiểm chứng ở thực địa cùng với các ghi nhận và phản ánh từ các hướng dẫn viên CTĐ VN, tài liệu bổ sung tập trung vào bốn điều sau:

Phần bổ sung 1: Gợi ý cho việc lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương vào VCA: Trong Sổ tay hướng dẫn VCA, các nhóm được xác định là nhóm dễ bị tổn thương nhất gồm: trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật (PWD), người già, người nghèo và các nhóm dân tộc thiểu số. Bổ sung 1 đã đưa ra các đề xuất để lồng ghép phụ nữ và người khuyết tật ngoài những gợi ý đã có trong Sổ tay hướng dẫn VCA.

Bổ sung 2: Lịch thực hiện VCA chuẩn để tổ chức một VCA: Phần bổ sung 2 đưa ra một lịch trình thực hiện VCA chuẩn để đảm bảo:

- Có đủ thời gian và sự lưu ý cần thiết cho việc thu thập thông tin thứ cấp;
- Duy trì thảo luận nhóm nhỏ để có những trao đổi sâu hơn;
- Có các nhóm đặc thù để đảm bảo rằng các nhóm khác nhau (về mặt xã hội) trong cộng đồng đều có cơ hội phát biểu và được lắng nghe;
- Tránh sự tổng quát hoá tại một xã bằng cách tổ chức các buổi đánh giá riêng cho từng thôn khác nhau (thay vì gộp chung lại với nhau trong một kết quả đánh giá về xã đó).

Phần bổ sung này còn có những gợi ý về việc chọn người tham gia và có sự tham gia của đại diện Chính quyền địa phương.

Phần bổ sung 3: Các bảng biểu và công cụ sử dụng trong VCA: Những bảng biểu này khác so với những bảng biểu có trong Sổ tay hướng dẫn VCA như sau:

- Ít công cụ hơn (12 công cụ được đề xuất thay vì 14 như ở VCA) để mỗi công cụ có được nhiều thời gian hơn;
- Bảng biểu tốt hơn cho việc tổng hợp và phân tích dữ liệu: Mỗi công cụ có một bảng biểu thu thập thông tin và một bảng biểu phân tích dữ liệu. Trong các bảng biểu đó có hướng dẫn cụ thể để lồng ghép nhóm dễ bị tổn hại và (các xu hướng) thay đổi khí hậu.

Phần bổ sung 4: Mẫu báo cáo VCA: Phần bổ sung này cung cấp mẫu báo cáo hướng dẫn cho hướng dẫn viên thống nhất cách tổng hợp thông tin thu được từ VCA thành một báo cáo toàn diện VCA. Mẫu báo cáo liên kết rõ ràng với các bảng biểu sau các công cụ đánh giá.

Tài liệu bổ sung này không nhằm mục đích thay thế Sổ tay hướng dẫn VCA do đó không trùng lặp với những thông tin đã có trong Sổ tay hướng dẫn VCA, và nó có thể được xem là ấn phẩm phụ thêm của cẩm nang VCA.



Ảnh 7: Hội thảo chia sẻ kết quả về đánh giá thực địa của tài liệu bổ sung VCA (05/09/2015)

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU (TOR)

Điều khoản tham chiếu này là kết quả đầu ra của giai đoạn 1: sự chuẩn bị ban đầu, giải thích về ý tưởng chính, các phương pháp và kế hoạch thực hiện của nhóm tư vấn với GRC.

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU Tư vấn về Đánh giá VCA DIPECHO 9 – Việt Nam

1. Tóm tắt

Tiêu đề:	Đánh giá có sự tham gia về VCA của CTĐ VN và các phân tích so sánh với Quy trình đánh giá Rủi ro thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRA) với sự tham gia của các đối tác có liên quan và các nhóm dễ bị tổn thương.
Vị trí:	1 Tư vấn Quốc tế (trường nhóm) và một tư vấn Quốc gia
Thời gian:	Tối đa 34 ngày làm việc đối với tư vấn Quốc tế và 25 ngày làm việc đối với tư vấn Quốc gia, bắt đầu từ ngày 24/11 và hoàn thiện báo cáo cuối cùng trước ngày 08/5/2015 (bản phác thảo báo cáo trước ngày 30/04)
Nơi thực hiện:	Hà nội, Việt Nam, kết hợp với các chuyến đi đến những cộng đồng được chọn tại các tỉnh
Báo cáo lên:	Đại diện phụ trách chương trình Giảm thiểu rủi ro thảm họa của Hội Chữ Thập Đỏ Đức.

2. Thông tin chung

Dự án: Tăng cường năng lực cho những thực hành viên về giảm rủi ro thảm họa ở Việt Nam thông qua việc hợp nhất những thực hành tốt và những bài học kinh nghiệm hay về Quản lý Rủi ro Thảm họa dựa vào Cộng đồng, về Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương, Khả năng và Cơ chế ứng phó thảm họa do Quỹ hỗ trợ Nhân đạo của Cộng đồng Châu Âu tài trợ giúp thực hành viên về giảm rủi ro thảm họa (DRR) ở Việt Nam được trang bị và chuẩn bị tốt hơn để thực hiện các chương trình giảm rủi ro thảm họa.

Dự án do Trung ương Hội CTĐ Việt Nam thực hiện với sự hỗ trợ của Hiệp Hội Chữ Thập Đỏ và Trăng Lưỡi Liềm Đỏ Quốc Tế (IFRC), Chữ Thập Đỏ Đức (GRC) và Chữ Thập Đỏ Tây Ban Nha (SRC). Chữ Thập Đỏ Đức là đơn vị trực tiếp hỗ trợ cho Chữ Thập Đỏ Việt Nam (CTĐ VN) thực hiện kết quả 2 của Dự án, đó là: Tổng hợp những kiến thức và kinh nghiệm từ những thực hành, tài liệu hay của VNRC về phương pháp Đánh giá Tình trạng Dễ bị tổn thương và khả năng (VCA) có tính đến vấn đề Giới, Người khuyết tật và thích ứng với BĐKT. Kết quả đầu ra của đánh giá này và kết quả và hợp nhất phương pháp tiếp cận VCA sẽ được chia sẻ rộng rãi với những cán bộ có liên quan đến lĩnh vực giảm rủi ro thảm họa của chính phủ và phi chính phủ.

Ở Việt Nam, hơn nửa thập kỷ qua CTĐ VN đã sử dụng phương pháp đánh giá rủi ro như một phần của công việc quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng¹⁴. Với sự hỗ trợ của Hiệp hội Chữ Thập Đỏ, Trăng Lưỡi Liềm Đỏ Quốc tế và nhiều đối tác thành viên trong hệ thống CTĐ như CTĐ Mỹ (AmRC), CTĐ Úc (AuRC), Đức, Hà Lan (NLRC), và nhiều Tổ chức Phi Chính Phủ địa phương và Quốc tế khác CTĐ VN đã thực hiện được khoảng 300 VCA ở các địa phương trong cả nước. Kể từ ấn phẩm xuất bản năm 2010, VNRC đã thực hiện các quy trình VCA theo Sổ tay hướng dẫn VCA do VNRC và NLRC biên soạn thông qua dự án DIPECHO 6. Lý do chính để biên soạn tài liệu này là nhằm tăng cường sự tham gia của người dân và khuyến khích áp dụng phương pháp lập kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai có sự tham gia. Dựa vào kết quả của Hội thảo kết thúc dự án DIPECHO 8, Tập huấn viên và hướng dẫn viên VCA đã chia sẻ những

¹⁴ Tài liệu về Phòng ngừa Thảm họa của CTĐ VN, Chương II, năm 2000 <http://www.cfsc.gov.vn/KW376B3F/crp/21.aspx> và 'Giới thiệu về Quản lý thảm họa cho cộng đồng cấp xã', CTĐ Việt Nam, 2002 <http://www.cfsc.gov.vn/KW376B3F/crp/20.aspx>.

kinh nghiệm của họ về VCA và cho rằng VCA là một công cụ hiệu quả và có cấu trúc chặt chẽ mà chính quyền địa phương đã đánh giá rất cao. Tuy nhiên, kể từ khi được tiến hành, chưa có một báo cáo toàn diện nào đánh giá VCA như một yếu tố quan trọng của chương trình CBDRM và để đánh giá những kinh nghiệm của các đối tác tham gia vào VCA kể cả các nhóm dễ bị tổn thương. Đặc biệt, về vấn đề lồng ghép giới, nhóm người khuyết tật cũng như việc thay đổi khí hậu, các báo cáo từ nhiều tổ chức như CTĐ Hà Lan (NLRC), Trung tâm Hợp tác và nghiên cứu quốc tế Canada (CECI), Malteser International và Hội chữ thập đỏ Đức đã chỉ ra những điểm chưa làm được liên quan đến 3 chủ đề trên trong quá trình thực hiện VCA. Do đó, việc đánh giá và đề xuất các bước đi thực tế trong việc cải thiện quy trình thực hiện VCA hiện tại là điều hết sức quan trọng, khi mà những thiết hụt đã thấy rõ.

Song song với VCA, vào tháng 7 năm 2009, đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng*” đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1002/QĐ-TTg, chỉ rõ rằng Trung tâm Quản lý Thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) là những đơn vị chủ quản tổ chức thực hiện chương trình. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, MARD đã hợp tác với các bộ, Ngành liên quan, các Tổ chức quốc tế, Tổ chức xã hội có liên quan tại Việt Nam và các tỉnh thành, đồng thời ký thỏa thuận hợp tác với Hội chữ thập đỏ Việt Nam¹⁵ và CTĐ VN sẽ thực hiện VCA cho 1.000 xã (trong số sáu nghìn xã theo quyết định) trong vòng 10 năm. Vào tháng 5 năm 2014, Bộ NNPTNT (MARD) áp dụng một phiên bản ‘cô đọng’ hơn Sổ tay hướng dẫn VCA (Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng-CBDRA), Tập huấn viên chính của CTĐ VN tham gia tập huấn về tài liệu mới của Đề án 1002 của Chính phủ cho cấp tỉnh, trong đánh giá này là nhìn nhận giá trị thêm vào cũng như sự khác nhau giữa hai phương pháp để làm rõ cho cán bộ, tập huấn viên của CTĐ VN cũng như những người tham gia vào CBDRM tại Việt Nam. Do vậy, việc tổ chức đánh giá hai tài liệu này sẽ là động lực thúc đẩy việc giải quyết các vấn đề chung (GIỚI, LỒNG GHÉP NGƯỜI KHUYẾT TẬT) trong các chương trình quản lý rủi ro thảm họa quốc gia.

3. Mục đích

GRC đang tuyển một tư vấn quốc tế và một tư vấn quốc gia để thực hiện một đánh giá có sự tham gia về việc lồng ghép nhiều chủ đề cụ thể trong VCA của CTĐ Việt Nam đồng thời phân tích so sánh với phương pháp Đánh giá Giảm rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRA) với sự tham gia của các bên tham gia liên quan và các nhóm đặc thù. Trọng tâm của đánh giá này là về VCA và cách thức mà VCA lồng ghép các nhóm đặc thù như Người khuyết tật (NKT), các phát triển về thích ứng với Biến đổi khí hậu (BĐKH) và lồng ghép giới và các thực hành đánh giá tốt và những cải thiện hiệu quả cũng sẽ được ghi nhận. Đánh giá cũng đồng thời xem xét đến tính hiệu quả ở cấp xã về việc kết nối với việc lập kế hoạch giảm rủi ro thiên tai, đồng thời, rút ra những điểm cần học hỏi từ những tồn tại và những điểm khác biệt của hai phương pháp này. Do CTĐ VN đã/đang tham gia vào phát triển quy trình CBDRA của chính phủ và có kế hoạch tiếp tục tham gia rà soát điều chỉnh hình thức đánh giá này, vì vậy CTĐ VN có thể sử dụng kết quả đánh giá này để góp ý cho CBDRA.

4. Phạm vi và phương pháp

Các chuyên gia tư vấn sẽ thực hiện một nghiên cứu về những các trở ngại và thành công cho đến nay trong việc sử dụng VCA tại Việt Nam để đưa ra những vấn đề cụ thể và toàn diện về việc sử dụng VCA và CBDRA trong tương lai cho Hướng dẫn viên và Tập huấn viên của CTĐ VN chú ý đến các vấn đề xuyên suốt liên quan đến lồng ghép giới, nhóm đặc thù và thích ứng với BĐKH trong quy trình đánh giá VCA. Đối tượng hướng đến sẽ là Tập huấn viên và Hướng dẫn viên của CTĐ Việt Nam, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, Bộ nông

¹⁵ <http://www.dmc.gov.vn/tabid/97/language/en-US/item/455/Default.aspx>

nghiệp và phát triển nông thôn cùng với các thực hành viên CBDRA khác (Các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế...).

GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ – 4 ngày

Tư vấn quốc tế sẽ:

- Gặp làm việc với Trung ương Hội CTĐ Việt Nam và các đối tác của Hội CTĐ quốc tế về hướng thực hiện nghiên cứu đánh giá này.
- Rà soát lại các dữ liệu thứ cấp sẵn có liên quan đến các thành tựu Giảm rủi ro thiên tai, thực hành tốt và các lĩnh vực cần phát triển thêm, các báo cáo VCA và CBDRA, các Sổ tay hướng dẫn VCA của CTĐ Việt Nam, các nghiên cứu trường hợp cụ thể, Tài liệu VCA của các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Tài liệu CBDRA của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
- Gặp và làm việc với các bên tham gia không thuộc Hội CTĐ (Liên hợp quốc, Plan, Save the Children, Oxfam, Tổ chức Malteser, Trung tâm quản lý thiên tai, ...) tại Hà nội để thu thập thông tin về các phân tích, thứ tự ưu tiên, và việc giáo dục.
- Đưa ra các đề xuất với CTĐ Đức và CTĐ Việt Nam về những thay đổi khả thi, kết quả và các hoạt động để đảm bảo sự thành công cho nghiên cứu

GIAI ĐOẠN NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ TÀI LIỆU – 8 ngày

Tư vấn Quốc tế (8 ngày) và tư vấn Quốc gia (4 ngày) sẽ:

- Nghiên cứu tài liệu và so sánh phương pháp VCA và CBDRA (mục tiêu, kết quả mong đợi, phương pháp, nội dung và hình thức của Sổ tay hướng dẫn,...) với mục đích là tìm ra sự tương đồng và khác biệt cũng như làm rõ các giá trị gia tăng của hai phương pháp này.
- Song song với việc phân tích so sánh đó, qua các phỏng vấn/bảng hỏi và các phiên thảo luận nhóm, đánh giá xem liệu các hướng dẫn viên và tập huấn viên của CTĐ Việt Nam có thực hiện lồng ghép giới, nhóm đặc thù và thích nghi với BDKH vào quy trình đánh giá của họ không và nếu có thì thực hiện như thế nào. Nhận diện các thiếu sót tồn tại và đề ra các tiêu chí (tiêu chuẩn tối thiểu) về kiến thức và kỹ năng thúc đẩy cho các hướng dẫn viên và tập huấn viên của VCA và CBDRA.

GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIÁ THỰC ĐỊA

Tư vấn viên quốc tế và Tư vấn viên quốc gia (14 ngày dành cho cả hai):

- Dựa vào các dữ liệu thứ cấp và thảo luận với các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các hội quốc gia và Hội CTĐ VN, lựa chọn các phường/xã mà trong quá trình thực hiện VCA đã cân nhắc và thực hiện được việc lồng ghép giới, nhóm đặc thù, thích ứng với BDKH. Báo cáo sơ bộ về “Các tiêu chí thành công cho VCA của CTĐ VN và Kế hoạch hành động của cộng đồng” của Hội chữ thập đỏ Mỹ cũng có thể được lấy làm căn cứ để lựa chọn các VCA để nghiên cứu sâu.
 - Một số VCA được chọn sẽ được lấy từ các dự án của CTĐ Việt Nam/ các hội quốc gia
 - Một số VCA được chọn có thể từ các Tổ chức phi chính phủ quốc tế (CARE, Học viện chuyển giao Môi trường và xã hội-ISET, Tổ chức Malteser...)
 - Một số VCA sẽ được lấy từ các khu vực thành thị/bán đô thị
- **Đánh giá này sẽ do 2 chuyên gia tư vấn thực hiện cùng với các chuyên gia về Giảm Rủi ro Thiên tai từ Hội CTĐ (CTĐ Đức, CTĐ Việt Nam và PNS).** Ở giai đoạn này, tham chiếu công việc chi tiết của đánh giá thực địa sẽ bao gồm:
 - Sử dụng công cụ: Công cụ được sử dụng như thế nào, sự khác biệt: ví dụ giữa các tổ chức, bối cảnh (nông thôn-thành thị), kinh nghiệm và kỹ năng thúc đẩy...
 - Kết quả VCA: số lượng của các dự án địa phương, sự đóng góp cho Đề án 1002 của chính phủ, các lĩnh vực chuyển đổi, số lượng các viên chức nhà nước VN nhận thức về VCA.
 - Nhà nước VN sẽ nhận được lợi ích gì từ mô hình hiện tại của VCA.

- Làm thế nào để các kết quả VCA liên kết hiệu quả với việc lập kế hoạch ở cấp cao hơn (SEDP, CBDRA Đánh giá rủi ro quốc gia...) và mở rộng đến các Bộ ngành khác ngoài MARD (như MONRE).
 - Làm thế nào để tăng cường lồng ghép các nhóm DBTT nhất (phụ nữ, trẻ em, và NKT) và tăng hiểu biết về các rủi ro liên quan đến BĐKH từ VCA.
 - Tóm lược những thành tựu và thách thức cũng như các đề xuất: Các thực hành đánh giá tốt tập trung lồng ghép giới, lồng ghép nhóm đặc thù và thích ứng với BĐKH để đưa vào phần phụ lục cho các tài liệu hướng dẫn hiện tại của VCA CTĐ VN và sử dụng trong quy trình đánh giá CBDRA.
- Phương pháp và cách tiếp cận
 - Sử dụng các thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn, họp và phân tích dữ liệu định lượng;
 - Đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan bằng việc sử dụng các công cụ có sự tham gia: thành viên từ các nhóm DBTT, chính quyền từ tối đa 6 xã được chọn, Trung ương Hội CTĐ Việt Nam, đại diện xã/phường, Hướng dẫn viên và Tập huấn viên nòng cốt về VCA, Nhóm điều phối VCA, Các đại diện của cơ quan nhà nước VN tham gia công tác Giảm rủi ro thiên tai và Biến đổi khí hậu thuộc các cấp xã, quận, tỉnh thành và quốc gia (như MARD, MONRE); các Tổ công tác (DMWG, CCWG); Liên hợp quốc, Tổ chức phi chính phủ và Hiệp hội quốc gia đối tác.

Chi tiết về phương pháp thực hiện đánh giá có ở Phụ lục 1.

GIAI ĐOẠN TƯ LIỆU HÓA – 8 ngày (gồm 2 ngày chuẩn bị hội thảo)

Tư vấn quốc tế (6 ngày) và tư vấn quốc gia (2 ngày):

- Dựa vào kết quả đánh giá, các phụ lục bổ sung sẽ được đưa vào các tài liệu VCA hiện hành của CTĐ Việt Nam do trưởng nhóm tư vấn thực hiện. Vì cần tập trung hơn vào các công cụ thực hành để lồng ghép các nhóm dễ bị tổn thương nhất, các phụ lục bổ sung cũng cần nhấn mạnh về lồng ghép giới, lồng ghép nhóm đặc thù, và lồng ghép thích ứng với BĐKH. Bất kỳ những điểm thiếu rõ ràng và trở ngại chưa được giải quyết từ đánh giá này sẽ được làm rõ và khắc phục trong báo cáo tư vấn.
- Tư vấn chính sẽ đề xuất kế hoạch tập huấn phù hợp để nâng cao năng lực của hướng dẫn viên/tập huấn viên về các vấn đề nói trên. Kế hoạch tập huấn sẽ nhằm giúp đội ngũ thực hiện VCA đạt mức tiêu chuẩn tối thiểu về kỹ năng và thực hành đồng thời làm rõ những vấn đề còn chưa rõ của các công cụ và phương pháp VCA và CBDRA.
- Kết thúc đánh giá sẽ tổ chức một hội thảo 1 ngày (25 người tham gia) để chia sẻ kết quả của đánh giá và thu thập các ý kiến đóng góp của các đại diện đến từ các cơ quan nhà nước (DMC), các nhóm làm việc (DMWG/CCWG), cán bộ và tập huấn viên CTĐ Việt Nam ở các cấp. Hội thảo sẽ được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 09/02/2015 và do tư vấn quốc gia, CTĐ Đức và CTĐ Việt Nam thúc đẩy. Các tổ chức đã từng làm về chủ đề lồng ghép giới, nhóm đặc thù và thích ứng với BĐKH như Hội phụ nữ VN, Tổ chức Malteser, Oxfam, Tổ chức CARE, Hiệp hội chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ sẽ được mời tham gia. Các phản hồi từ các thành viên tham gia sẽ được tổng hợp đưa vào chương trình tập huấn nhắc lại cho các hướng dẫn viên, tập huấn viên VCA của CTĐ Việt Nam, báo cáo đánh giá và tài liệu bổ sung cho VCA cũng sẽ được chia sẻ ở hội thảo tập huấn này.

Dựa vào kết quả của đánh giá và hội thảo nhiều sửa đổi bổ sung được đề xuất mà có thể một write-shop sẽ được cân nhắc tổ chức.

GIAI ĐOẠN THỬ NGHIỆM Ở THỰC ĐỊA

- 25 Hướng dẫn viên và Tập huấn viên nòng cốt VCA của CTĐ Việt Nam sẽ được tư vấn quốc gia tập huấn về cách sử dụng tài liệu bổ sung cho VCA (Từ ngày 10-12 tháng 3). Việc lựa chọn tập huấn viên sẽ do CTĐ Việt Nam thực hiện, căn cứ vào các tiêu chí sau:
 - Tập huấn viên giỏi sẵn sàng tham gia thử nghiệm tài liệu bổ sung
 - Có thể huy động vào thời điểm cần và có chuyên môn về các lĩnh vực được chọn cho việc thử nghiệm (xem phần dưới)
- Để thử nghiệm tài liệu bổ sung cho VCA, hướng dẫn viên, tập huấn viên nòng cốt của CTĐ VN sẽ thực hiện 3 đánh giá VCA tại các địa phương có điều kiện khác nhau. Vì VCA được thực hiện bởi chính cộng đồng, VCA sẽ thực hiện theo cách tiếp cận có tham gia, đề cao sự phát triển cộng đồng, xây dựng năng lực và lồng ghép các nhóm đặc thù. Khu vực thử nghiệm sẽ được chọn lựa theo sự đồng ý của CTĐ Việt Nam, CTĐ Đức và tư vấn và sẽ được dựa trên các xem xét thực hành (như có dự án tại địa phương). Nếu được, nên chọn bao gồm cả thành thị và nông thôn.
- Các tư vấn sẽ phát triển một công cụ tự đánh giá và để đảm bảo thu được những kinh nghiệm của các thực hành viên, làm cơ sở cho thẩm định.

GIAI ĐOẠN THẨM ĐỊNH - 4 ngày (bao gồm 1 ngày hội thảo và 1 ngày chuẩn bị)

- Ngày: 14/04/2015
- Hội thảo để lấy thêm ý kiến đóng góp cho tài liệu bổ sung cho VCA. Sau khi hoàn thành VCA tại 3 xã, các thiếu sót và trở ngại trong tài liệu bổ sung cho VCA sẽ được đưa ra thảo luận tại hội thảo rút kinh nghiệm do tư vấn quốc gia thúc đẩy. CTĐ Đức và CTĐ VN (1 ngày). Hội thảo này sẽ được tổ chức tại Hà Nội với sự tham gia của khoảng 25 đại diện đến từ Hội CTĐ, DMC, Tổ chức Malteser, Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam, và Oxfam. Mục tiêu của hội thảo này là tìm hiểu xem tài liệu bổ sung cho VCA có dễ hiểu và dễ ứng dụng vào thực tế không và liệu chúng có thể được sử dụng cho CBDRA được không.
- Kết quả của Hội thảo này sẽ được đưa vào báo cáo của tư vấn quốc gia (2 ngày) và tư vấn quốc tế sẽ hoàn thiện phụ lục của tài liệu bổ sung cho VCA (2 ngày)

5. Kết quả/Sản phẩm

Giai đoạn đầu

- a) Điều khoản tham chiếu chi tiết (đề xuất) giải thích các khái niệm, phương pháp và kế hoạch làm việc giữa nhóm tư vấn và CTĐ Đức (trước ngày 12/01). Ngôn ngữ: Tiếng Anh

Giai đoạn đánh giá rà soát tài liệu

- b) Báo cáo tóm lược dài 5-8 trang về sự tương đồng và khác biệt cũng như các giá trị gia tăng của VCA và CBDRA (trước ngày 15/01). Ngôn ngữ Tiếng Anh. Về cấu trúc (văn bản) của báo cáo, xem phụ lục 2.
- c) Báo cáo tóm lược dài 5-8 về các hạn chế về kiến thức và kỹ năng của hướng dẫn viên và đào tạo viên CTĐ VN với trọng tâm cụ thể về lồng ghép giới, nhóm đặc thù, và biến đổi khí hậu cùng các tiêu chí đề xuất (tiêu chuẩn tối thiểu) về kỹ năng thúc đẩy và kiến thức dành cho hướng dẫn viên và tập huấn viên của VCA và CBDRA (trước ngày 15/01). Ngôn ngữ: Tiếng Anh. Về cấu trúc (văn bản) của báo cáo, xem phụ lục 3.

Giai đoạn đánh giá thực địa

- d) Một báo cáo tóm lược dài 3-4 trang cho từng xã nơi thực hiện đánh giá VCA (trước ngày 05/02). Ngôn ngữ: Tiếng Anh và Tiếng Việt
- e) Phác thảo báo cáo đánh giá (trước ngày 05/02). Ngôn ngữ: Tiếng Anh

- f) Trình bày trên power point về kết quả sơ bộ của đánh giá thực địa (trước ngày 05/02).
Ngôn ngữ: Tiếng Anh và Tiếng Việt

Giai đoạn tư liệu hóa

- g) Phác thảo tài liệu bổ sung (phụ lục phụ) cho tài liệu VCA hiện tại (trước ngày 14/02)
Ngôn ngữ: Tiếng Việt và Tiếng Anh
h) Kế hoạch tập huấn cho hướng dẫn viên và tập huấn viên CTĐ VN về các kết quả đánh giá của tư vấn và cách ứng dụng chúng vào thực tế (14/02). Ngôn ngữ: Tiếng Việt và Tiếng Anh
i) Đề cương Hội thảo đánh giá 1 ngày (trước 05/02). Ngôn ngữ: Tiếng Anh và Tiếng Việt.

Giai đoạn thẩm định

- j) Đề cương cho Hội thảo rút kinh nghiệm (trước ngày 10/04). Ngôn ngữ: Tiếng Anh
k) Sửa đổi cuối cùng (phụ lục phụ) tài liệu bổ sung cho VCA hiện tại (trước ngày 30/04).
Ngôn ngữ: Tiếng Anh và Tiếng Việt
l) Báo cáo/nghiên cứu đánh giá cuối cùng gồm tóm tắt những phát hiện chính (trước ngày 30/04). Ngôn ngữ: Tiếng Anh. Về cấu trúc (văn bản) của báo cáo, xem phụ lục 3.
m) Đề cương tập huấn cho hướng dẫn viên và tập huấn viên VNRC về các kết quả của tư vấn và cách ứng dụng những kết quả này vào thực tế (trước 30/4). Ngôn ngữ: Tiếng Việt và Tiếng Anh

6. Vai trò các đối tác liên quan

Nhằm hỗ trợ tư vấn, CTĐ Đức và CTĐ VN sẽ huy động nhân lực của mình để tham gia thảo luận phương pháp chiến lược cũng như thảo luận nội dung và xem xét các văn bản phác thảo của Bản tham chiếu công việc chi tiết, các phụ lục VCA và báo cáo đánh giá.

7. Quản lý tư vấn

Tư vấn sẽ chính thức báo cáo lên CTĐ Đức. Đại diện chương trình Giảm thiểu rủi ro của CTĐ Đức sẽ chịu trách nhiệm phối hợp với các đối tác có liên quan.

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ THỰC ĐỊA

Kết quả mong đợi

a) Báo cáo tóm lược dài 3-4 trang về kết quả đánh giá ở từng xã

Ngôn ngữ: Tiếng Anh và Tiếng Việt

- Cấu trúc đề xuất:
 - Địa điểm
 - Nhóm đánh giá thực địa
 - Cán bộ nguồn và phương pháp sử dụng
 - Các kết quả chính của một phiên thảo luận với cán bộ
 - Các kết luận sơ bộ

b) Phác thảo báo cáo đánh giá.

- Ngôn ngữ: Tiếng Việt và Tiếng Anh
- Cấu trúc đề xuất: xem phụ lục 3

c) Trình bày trên power point kết quả sơ bộ của đánh giá thực địa

- Tiếng Việt và Tiếng Anh

Lựa chọn khu vực đánh giá

Đánh giá thực địa được thực hiện tại 6 xã/phường và việc lựa chọn xã được CTĐ VN và CTĐ Đức tư vấn, căn cứ trên các tiêu chí sau:

- VCA được thực hiện bởi CTĐ VN, bám sát hoàn toàn theo VCA của CTĐ VN
- VCA được thực hiện bởi CTĐ VN, ứng dụng phương pháp thay thế (phối hợp với CBDRA)
- CBDRA (được hỗ trợ bởi CTĐ VN)
- VCA với sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ khác (như Tổ chức Malteser, CARE,...)
- Cả VCA cho khu vực nông thôn và thành thị
- VCA với việc thực hành hiệu quả lồng ghép giới, người khuyết tật và/hoặc Thích ứng với BĐKH
- Không có đánh giá nào gần đây được thực hiện (để tránh nhầm lẫn và “sự mệt mỏi khi đánh giá”)

Các địa điểm được chọn theo sự đồng ý của CTĐ VN là:

#	Tỉnh	Phường	Xã	Ghi chú
1	Thái Bình	Đông Hưng	Hoa Nam	Dự án Rừng ngập mặn tập trung vào vấn đề về biến đổi khí hậu. CTĐ VN với sự hỗ trợ của Hội chữ thập đỏ Quốc tế.
2		Thái Thủy	Thụy Xuân	
3	Phú Yên	Tuy Hoà	Quận 6,	Dự án do CTĐ Đức hỗ trợ. Mang tính thành thị hơn. Và cũng có thực hiện CBDRA
4		Sông Cầu/ Đông Xuân	Xuân Hải/ Xuân Quang 2	
5	An Giang	Tri Tôn	Tân Tuyên	Thực hiện VCA vào năm 2013. Các tổ chức phi chính phủ khác cũng tích cực tham gia ở đây (Care, Oxfam, SNV)
6		Tịnh Biên	Vĩnh Trung	

Cán bộ nguồn và phương pháp

Thu thập dữ liệu thứ cấp: Các báo cáo VCA của các xã/phường, các kế hoạch phòng ngừa thiên tai/CBDRM (bản mới nhất); Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội- SEDP (ưu tiên kế hoạch trước và sau khi đã thực hiện VCA)

– Thu thập dữ liệu ban đầu:

Tại mỗi xã phường, 11 nhóm cán bộ/tổ chức nguồn sẽ được phỏng vấn. Đánh giá tại mỗi xã sẽ được thực hiện theo phiên mà trong đó kinh nghiệm sẽ được chia sẻ và đánh giá, đồng thời các kết luận sơ bộ ban đầu cũng sẽ được đúc kết chung (Xem bảng dưới đây để biết thêm chi tiết).

	Cán bộ/tổ chức nguồn	Loại dữ liệu thu thập	Thời gian dự kiến cho từng phiên họp	Phương pháp	Ghi chú
1	Cấp tỉnh: BPCTT; DARD và DONRE	1. Lồng ghép kết quả vào Kế hoạch phòng ngừa thiên tai ở địa phương 2. So sánh với CBDRA (nếu họ biết)	1-1,5 giờ	Phỏng vấn	
2	Cấp phường: BPCTT ; DARD; DONRE	1. Lồng ghép kết quả vào kế hoạch phòng ngừa thiên tai ở địa phương 2. So sánh với CBDRA (nếu họ biết)	1-1,5 giờ	Phỏng vấn	
3	Cấp xã/phường: BPCTT và CPC (Ủy ban nhân dân xã)	1. Lồng ghép kết quả vào kế hoạch phòng ngừa thiên tai ở địa phương 2. So sánh với CBDRA (nếu họ biết)	1,5 giờ	Phỏng vấn nhóm	

4	CTĐ VN tại các cấp (tỉnh, xã, phường)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp tục theo dõi sử dụng các kết quả VCA 2. So sánh với CBDRA (nếu họ biết) 	1,5 giờ	Phỏng vấn nhóm	Tách riêng với các phỏng vấn hướng dẫn viên CTĐ VN
5	Tổ công tác VCA cấp xã	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đào tạo hướng dẫn viên và tập huấn viên (mức độ thường xuyên; nội dung) 2. Hỗ trợ từ CTĐ VN 3. So sánh với CBDRA (nếu họ biết) 4. Kỹ năng thúc đẩy 5. Lồng ghép các chủ đề đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> - Tính thích ứng BDKH - Giới - Người khuyết tật - Các nhóm đặc thù khác - Vấn đề của đô thị 6. Các báo cáo VCA: <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung - Việc sử dụng kết quả đánh giá - Công việc tiếp theo 7. Các thiếu sót và tiêu chí (các tiêu chuẩn tối thiểu) về kỹ năng thúc đẩy và kiến thức cho các hướng dẫn viên và tập huấn viên VCA và CBDRA 8. Các trở ngại và Kiến nghị 	2 giờ	<p>Thảo luận nhóm được thúc đẩy</p> <p>Có thể sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng kẹp/Giấy A0 - Giấy nốt để viết các ý kiến cá nhân - Xếp hạng 	Bao gồm các tổ chức đoàn thể
6	Hướng dẫn viên CTĐ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đào tạo hướng dẫn viên và tập huấn viên (mức độ thường xuyên, nội dung) 2. Vai trò và trách nhiệm (Nhóm hỗ trợ kỹ thuật) 3. So sánh với CBDRA (nếu họ biết) 4. Các kỹ năng thúc đẩy 5. Lồng ghép các chủ đề đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> - Tính thích ứng BDKH - Giới - NKT - Các nhóm đặc thù khác - Vấn đề của đô thị 6. Các báo cáo VCA: <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung - Việc sử dụng kết quả đánh giá - Công việc tiếp theo 7. Các thiếu sót và tiêu chí (các tiêu chuẩn tối 	2 giờ	<p>Thảo luận nhóm được thúc đẩy</p> <p>Có thể sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng kẹp/Giấy A0 - Giấy nốt để viết các ý kiến cá nhân - Xếp hạng 	

		thiếu) về kiến thức và kỹ năng thúc đẩy cho các hướng dẫn viên và tập huấn viên VCA và CBDRA			
		8. Các trở ngại và kiến nghị			
	Người cung cấp thông tin, bao gồm :				Những người tham gia VCA
7	- Người khuyết tật (2-3)	<ul style="list-style-type: none"> - Có tiềm năng tham gia - Nhận thức và hiểu biết - Công việc tiếp theo 	1 giờ/một buổi đến thăm nhà: 3-4 giờ bao gồm đi lại	Đến thăm nhà của nhiều NKT khác nhau	
8	- Trẻ em (5)	<ul style="list-style-type: none"> - Có tiềm năng tham gia - Sự nhận thức và hiểu biết - Công việc tiếp theo 	0,5-1 giờ	Thảo luận nhóm được thúc đẩy	
9	- Người già (2); phụ nữ (2); người nghèo (2); các dân tộc thiểu số (2)	<ul style="list-style-type: none"> - Có tiềm năng tham gia - Sự nhận thức và hiểu biết - Công việc tiếp theo 	1,5 giờ	Thảo luận nhóm được thúc đẩy	
10	- Các đại diện cộng đồng khác (6-8)	<ul style="list-style-type: none"> - Có tiềm năng tham gia - Sự nhận thức và hiểu biết - Công việc tiếp theo 	1 giờ	Thảo luận nhóm được thúc đẩy	Được lựa chọn từ các địa điểm khác nhau trong xã (mở rộng địa lý)
11	Giới thiệu đến địa phương các tổ chức phi chính phủ và Hội đối tác quốc gia (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tiến hành VCA/CBDRA - Lồng ghép các chủ đề đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> o Tính thích ứng BDKH o Giới o NKT o Các nhóm đặc thù khác o Thành thị - Các báo cáo VCA: <ul style="list-style-type: none"> o Nội dung o Việc sử dụng o Công việc tiếp theo 	1,5 giờ	Thảo luận nhóm được thúc đẩy	
12	Việc chia sẻ và tính hiệu lực của các kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Các kết quả chính - Các kết luận sơ bộ - Điều chỉnh và bổ sung cho phương pháp đánh giá 	1,5 giờ	Thảo luận nhóm được thúc đẩy	Được tham dự bởi các nhóm đánh giá và các bên tham gia bổ sung

Nội dung cụ thể (bảng câu hỏi/phương pháp chi tiết) cho mỗi phiên thảo luận sẽ tiếp tục được phát triển.

Dựa vào các phương pháp đề ra ở trên và việc có hai nhóm làm việc song song tại cùng một xã/phường, đánh giá thực địa sẽ mất 1,5 ngày ở một xã/phường, nếu tính cả thời gian đi lại thì mất khoảng 2 ngày cho mỗi phường, xã. Đánh giá thực địa cũng sẽ bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, nhưng trong những ngày này, nên tránh việc gặp làm việc với các công chức nhà nước.

Lưu ý: Trong thực tế, các phiên thảo luận có thể thay đổi hoặc được điều chỉnh dựa theo điều kiện thực tế ở địa phương cũng như các điều kiện sẵn có.

Nhóm đánh giá thực địa

Hai nhóm đánh giá tại thực địa sẽ làm việc song song với từng nhóm khác ở cùng một phường/xã và mỗi nhóm sẽ tập trung vào làm việc với cán bộ/tổ chức nguồn giống nhau tại phường/xã đó. Điều này nhằm đảm bảo các kết quả thu về có tính so sánh cao, và tăng khả năng chia sẻ cũng như học hỏi các kết quả ghi nhận được của mỗi nhóm tại từng phường xã.

Các nhóm đánh giá sẽ có khoảng 4 người tham gia trong 1 nhóm:

Nhóm 1:

- Hòa (chịu trách nhiệm chính)
- Jerome or Marina (tại một số phiên thảo luận)
- Tổ công tác cấp xã không phải là cán bộ CTĐ (1)
- Cán bộ Trung ương Hội CTĐ hoặc quản lý dự án

Nhóm 2:

- Melanie (chịu trách nhiệm chính)
- Phương hoặc Hòa và Jenny – CTĐ Đức (phụ trách thêm phần phiên dịch)
- Tổ công tác cấp xã không phải là cán bộ CTĐ (1)
- Cán bộ Trung ương Hội CTĐ hoặc quản lý dự án

Để đảm bảo tính khách quan, hướng dẫn viên CTĐ VN và/hoặc các thành viên có liên quan đến VCA chỉ nên tham gia vào các phiên thảo luận chia sẻ kết quả.

Kế hoạch thực địa (Đề xuất)

Dưới đây là kế hoạch thực địa đề xuất, tuy vậy, kế hoạch được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế.

Tỉnh Phú Yên

Tỉnh Phú Yên					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
19/01/2015 13h30 - 15h00	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường	1-1,5 tiếng	19/01/2015 13h30 - 15h00	Hướng dẫn viên	1-1,5 tiếng
19/01/2015 15h30 - 17h00	Cán bộ Hội CTĐ các cấp (tỉnh, huyện, xã/phường)	1,5 tiếng	19/01/2015 15h30 - 17h00	Các tổ chức phi chính phủ có tại địa phương và các hội quốc gia (nếu có)	1,5 tiếng

Tuy Hoà và phường 6					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
20/01/2015 07h30 – 09h00	<u>Đại diện của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã và</u> Nhóm thực hiện VCA tại cộng đồng	2 tiếng	20/01/2015 07h30 – 09h30	Đại diện của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã và <u>Nhóm thực hiện VCA tại cộng đồng</u>	2 tiếng
20/01/2015 09h30 – 11h00	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	1-1,5 tiếng	20/01/2015 10h00 – 11h00	6 – 8 đại diện từ cộng đồng	1 tiếng
20/01/2015 13h30 – 14h00	Trẻ em (5)	0,5 tiếng	20/01/2015 13h30 – 15h00	Người lớn tuổi (2); phụ nữ (2); người nghèo (2); người thiểu số (2)	1,5 tiếng
20/01/2015 14h30 – 17h30	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ	20/01/2015 15h30 – 17h00	Tới thăm 1-2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ
21/01/2015 08h00 – 09h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng	21/01/2015 08h00 – 09h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng

Thị xã Sông Cầu, xã Xuân Hải hoặc huyện Đông Xuân, xã Xuân Quang 2 (tỉnh Phú Yên)					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
21/01/2015 13h30 – 15h30	<u>Đại diện của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã và</u> Nhóm thực hiện VCA tại cộng đồng	2 tiếng	21/01/2015 13h30 – 15h30	Đại diện của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã và <u>Nhóm thực hiện VCA tại cộng đồng</u>	2 tiếng

21/01/2015 16h00 – 17h00	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	1-1,5 tiếng	21/01/2015 16h00 – 17h00	6 – 8 đại diện từ cộng đồng	1 tiếng
22/01/2015 07h30 – 08h00	Trẻ em (5)	0,5 tiếng	22/01/2015 07h30 – 09h00	Người lớn tuổi (2); phụ nữ (2); người nghèo (2); người thiểu số (2)	1,5 tiếng
22/01/2015 08h30 – 11h00	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ	22/01/2015 09h30 – 11h00	Tới thăm 1-2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ
22/01/2015 14h00 – 15h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng	22/01/2015 14h00 – 15h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng

Tỉnh An Giang

Tỉnh An Giang					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
23/01/2015 13h30 - 15h00	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường	1-1,5 tiếng	23/01/2015 13h30 - 15h30	Hướng dẫn viên	2 tiếng
23/01/2015 15h30 - 17h00	Cán bộ Hội CTĐ các cấp (tỉnh, huyện, xã/phường)	1,5 tiếng	23/01/2015 16h00 - 17h30	Các tổ chức phi chính phủ có tại địa phương và các hội quốc gia (nếu có)	1,5 tiếng

Huyện Tri Tôn, xã Tân Tuyến (tỉnh An Giang)					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
24/01/2015 07h30 – 09h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	1,5 tiếng	24/01/2015 07h30 – 08h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	0,5 tiếng
24/01/2015 09h30 – 11h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	1-1,5 tiếng	24/01/2015 08h30 – 10h00	Người lớn tuổi (2); phụ nữ (2); người nghèo (2); người thiểu số (2)	1,5 tiếng
24/01/2015 13h30 – 14h00	Trẻ em (5)	0,5 tiếng	24/01/2015 10h30 – 11h30	6 - 8 đại diện từ cộng đồng	1 tiếng
24/01/2015 14h30 – 17h00	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ	24/01/2015 13h30 – 16h00	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ
25/01/2015 08h00 – 09h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng	25/01/2015 08h00 – 09h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng

Huyện Tịnh Biên và xã Vĩnh Trung					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
25/01/2015 13h30 – 15h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	1,5 tiếng	25/01/2015 13h30 – 14h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	0,5 tiếng
25/01/2015 15h30 – 17h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	1-1,5 tiếng	25/01/2015 14h30 – 16h00	Người lớn tuổi (2); phụ nữ (2); người nghèo (2); người thiểu số (2)	1,5 tiếng
26/01/2015 07h30 – 08h00	Trẻ em (5)	0,5 tiếng	26/01/2015 07h30 – 08h30	6 - 8 đại diện từ cộng đồng	1 tiếng
26/01/2015 08h30 – 11h00	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ	26/01/2015 09h00 – 11h00	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ
26/01/2015 13h30 – 15h00	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng	26/01/2015 13h30 – 15h00	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng

Tỉnh Thái Bình

Tỉnh Thái Bình					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
28/01/2015 08h00 - 09h30	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường	1-1,5 tiếng	28/01/2015 08h00 - 10h00	Hướng dẫn viên của	2 tiếng
28/01/2015 10h00 - 11h30	Cán bộ Hội CTĐ các cấp (tỉnh, huyện, xã/phường)	1,5 tiếng	28/01/2015 10h30 - 12h00	Các tổ chức phi chính phủ có tại địa phương và các hội quốc gia (nếu có)	1,5 tiếng

Huyện Đông Hưng, xã Hoa Nam					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
28/01/2015 13h30 – 15h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	1,5 tiếng	28/01/2015 13h30 – 14h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	0,5 tiếng
28/01/2015 15h30 – 17h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	1-1,5 tiếng	28/01/2015 14h30 – 16h00	Người lớn tuổi (2); phụ nữ (2); người nghèo (2); người thiểu số (2)	1,5 tiếng
29/01/2015 07h30 – 08h00	Trẻ em (5)	0,5 tiếng	29/01/2015 07h30 – 08h00	6 - 8 đại diện từ cộng đồng	1 tiếng
29/01/2015	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ	29/01/2015	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ

08h30 – 11h00	tật	hộ	08h30 – 11h00	tật	hộ
29/01/2015 13h30 – 15h00	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng	29/01/2015 13h30 – 15h00	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng

Huyện Thái Thụy và xã Thụy Xuân					
Nhóm 1			Nhóm 2		
Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian	Ngày	Thành phần tham dự	Thời gian
30/01/2015 07h30 – 09h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	1,5 tiếng	30/01/2015 07h30 – 08h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp xã, Ủy ban nhân dân xã	0,5 tiếng
30/01/2015 09h30 – 11h00	Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão cấp huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện	1-1,5 tiếng	30/01/2015 08h30 – 10h00	Người lớn tuổi (2); phụ nữ (2); người nghèo (2); người thiểu số (2)	1,5 tiếng
30/01/2015 13h30 – 14h00	Trẻ em (5)	0,5 tiếng	30/01/2015 13h30 – 14h30	6 - 8 đại diện từ cộng đồng	1 tiếng
30/01/2015 14h30 – 16h00	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ	30/01/2015 15h00 – 16h30	Tới thăm 1- 2 hộ khuyết tật	1 tiếng mỗi hộ
31/01/2015 08h00 – 09h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng	31/01/2015 08h00 – 09h30	Chia sẻ và thẩm định kết quả	1,5 tiếng

PHỤ LỤC 3: So sánh chi tiết giữa Sổ tay hướng dẫn VCA và tài liệu CBDRA

VCA (CTĐ VN) ¹⁶	CBDRA (DMC) ¹⁷
<p>1) Mục tiêu và những Kết quả mong đợi</p> <p>Tài liệu VCA được biên soạn cho <u>thực hành viên của CTĐ VN</u> hỗ trợ cho cộng đồng xác định và hiểu được <u>tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng và hiểm họa</u> mà cộng đồng đang đối mặt. VCA cũng giúp xác định những tình trạng DBTT mà cộng đồng cần giảm thiểu và nâng cao năng lực của họ. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở cho cộng đồng thực hiện <u>lập kế hoạch quản lý rủi ro có sự tham gia của người dân</u>. Đồng thời <u>nâng cao được nhận thức của cộng đồng</u>.</p> <p>Kết quả VCA sẽ là đầu vào cho kế hoạch phòng ngừa thiên tai, giảm rủi ro thiên tai và cải thiện cách lập kế hoạch phát triển của địa phương.</p> <p>Kết quả mong đợi từ VCA là:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cộng đồng hiểu về Thực trạng của mình liên quan đến những hiểm họa và rủi ro thảm họa; – Cộng đồng nhận biết được <u>khả năng</u> ứng phó thiên tai của mình; – <u>Cộng đồng và chính quyền địa phương thống nhất đưa ra giải pháp cần thiết để phòng ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro và những tác động của thảm họa</u> ; – Thực hiện các giải pháp giảm rủi ro phù hợp và đánh giá việc thực hiện giải pháp giảm thiểu, phòng ngừa và ứng phó; – Cung cấp những <u>thông tin về Đánh giá cơ bản</u> để địa phương tham khảo, sử dụng cho công tác ứng cứu khẩn cấp, nhu cầu ứng phó với thiên tai, khắc phục hậu quả thảm họa; – <u>UBND xã có thể sử dụng báo cáo VCA</u> để kêu gọi nguồn hỗ trợ tài chính từ cấp cao hơn hay của các nhà tài trợ. Kết quả VCA sẽ được sử dụng rộng rãi ở các cấp từ Trung ương hay Quốc tế. Ví dụ, kết quả VCA sẽ tạo cơ hội để tiếng nói người dân được lắng nghe để giúp đưa ra chính sách phù hợp (Chiến lược ứng phó với BĐKH). <p>Theo khái niệm các Hiểm họa trong Sổ tay hướng dẫn VCA được hiểu là cả <u>thiên tai và nhân tại</u>, trong đó có xung đột vũ trang, đe dọa, thù địch... Mỗi hiểm họa cũng có thể là</p>	<p>1) Mục tiêu và những Kết quả mong đợi</p> <p>Tài liệu CBDRA được biên soạn để chính quyền cấp xã/thôn sử dụng, để xác định:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Loại hình <u>thiên tai</u> đã và có thể xảy ra tại địa phương; – <u>Tình trạng dễ bị tổn thương</u> khiến cộng đồng gặp phải những thiệt hại và chịu tác động của thiên tai gây ra; – <u>Năng lực</u> phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai của cộng đồng; – Xác định những giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai phù hợp, trong đó chú ý đến giải pháp cho nhóm dễ bị tổn thương. <p>Người dân địa phương có thể vẽ được sơ đồ hiểm họa và nguồn lực để xác định giải pháp giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng mình.</p> <p>Những kết quả đánh giá được nêu trên sẽ cung cấp những thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch <u>phòng ngừa thiên tai</u> và cũng là thông tin đầu vào cho việc <u>lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển của địa phương</u>, ví dụ như kế hoạch phòng chống thiên tai, Chương trình phát triển Nông thôn mới, kế hoạch PTKTXH. Nâng cao nhận thức và năng lực cho chính quyền và người dân địa phương về giảm thiểu rủi ro thiên tai.</p> <p>CBDRA giải thích hiểm họa tự nhiên là thiên tai, bao gồm có bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, giông sét, mưa to, lũ lụt, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, nước biển dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét đậm rét hại, sóng thần và các loại thiên tai khác.</p> <p><u>Tình trạng dễ bị tổn thương và Khả năng</u> chú trọng đến các khía cạnh về vật chất, Tổ chức xã hội, Ý thức, thái độ/động cơ của các hợp phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – An toàn cộng đồng – Sức khỏe, vệ sinh môi trường – Các hoạt động Sản xuất và Kinh doanh

¹⁶ Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA); Sổ tay hướng dẫn của CTĐ VN (Phần I và II); CTĐ VN và CTĐ Hà Lan; 2010

¹⁷ Tài liệu hướng dẫn đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng; Trung tâm Quản lý Thiên tai (DMC); Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chương trình Phát triển của Liên Hiệp Quốc; Hà Nội tháng 4 năm 2014

VCA (CTĐ VN) ¹⁶	CBDRA (DMC) ¹⁷
<p>thiếu thốn, chẳng hạn như: bất ổn về môi trường, công nghệ, chính trị hay thiếu thốn về kinh tế, mù chữ</p> <p>Tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng được gắn với các hợp phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh kế và khả năng chống chịu - Điều kiện sống cơ bản - Sự tự bảo vệ - Sự bảo vệ của xã hội - Quản trị 	
<p>So sánh:</p> <p>Mục tiêu và kết quả mong đợi của hai tài liệu VCA và CBDRA tương tự như nhau. Tuy vậy có một số khác biệt có thể bổ sung cho nhau, đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công cụ VCA dùng cho chuyên gia VCA của CTĐ VN, trong khi CBDRA là tài liệu dùng cho chính quyền địa phương và cấp xã; ▪ Cả VCA và CBDRA đều nêu mục tiêu chính là nâng cao nhận thức và đề xác định hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng để đưa ra giải pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Cả hai tài liệu đều nói đến sự cần thiết gắn kết quả đánh giá vào chương trình phát triển cộng đồng, lập kế hoạch của các cấp (VCA cũng có thể đưa vào chương trình quốc tế). ▪ Mặc dù hiểm họa, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng được giải thích với các từ ngữ khác nhau, nhưng trên thực tế đều được sử dụng để đánh giá các yếu tố như nhau. Riêng chỉ có giải thích về khái niệm Hiểm họa có khác nhau. Tài liệu VCA nhắc đến hiểm họa tự nhiên và hiểm họa do con người gây ra và CBDRA chỉ nói đến hiểm họa tự nhiên - thiên tai và được giải thích dựa theo Luật PCTT của Việt Nam¹⁸). 	
2) Phương pháp	2) Phương pháp
<p>Thúc đẩy:</p> <p><u>Cộng đồng</u> là trung tâm của quy trình đánh giá VCA, <u>hướng dẫn viên</u> đóng vai trò thúc đẩy chính trong suốt quá trình.</p> <p>VCA đòi hỏi <u>phương pháp có sự tham gia</u> của người cung cấp thông tin là người dân, các ban ngành liên quan và các nhà hoạch định chính sách. Nhóm dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ, trẻ em, người già, NKT và người nghèo, người dân tộc ít người, người mắc bệnh nan y/HIV đều được tham gia VCA.</p> <p>Quy trình gồm:</p> <p>Tổng thể quy trình VCA có <u>8 bước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị - Lên kế hoạch và công tác tiền trạm cho VCA - Vận động chính sách - Thu thập thông tin - Phân tích thông tin dữ liệu - Thẩm định kết quả - Lập kế hoạch chuyển đổi - Viết báo cáo 	<p>Thúc đẩy:</p> <p>CBDRA được phối hợp thực hiện bởi Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, Tổ công tác và người dân địa phương.</p> <p>CBDRA cũng áp dụng <u>phương pháp có sự tham gia</u> của chính quyền cấp xã, đại diện các Tổ chức kinh tế, xã hội và đại diện cộng đồng cho các nhóm nam/nữ, lứa tuổi, có điều kiện sống khác nhau, sinh kế khác nhau, tôn giáo, vị trí địa lý, vai trò địa vị. Đặc điểm địa hình khác nhau của cộng đồng là rất quan trọng. Một điểm quan trọng nữa là đại diện nam, nữ ở các vùng khác nhau, các nhóm dễ bị tổn thương (người già, trẻ em, phụ nữ và người nghèo...).</p> <p><u>Nhóm hỗ trợ kỹ thuật</u> được thành lập theo quyết định của UBND xã và gồm có đại diện từ các Phòng ban liên quan, tổ chức xã hội như: Mặt trận, CTĐ, Hội PN, Hội nông dân, Đoàn thanh niên, doanh nghiệp và Tổ chức NGO....</p> <p>Nhóm hỗ trợ kỹ thuật hoạt động dưới sự quản lý của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp tỉnh: Trưởng/Phó Ban Phòng, Chống Thiên tai; - Cấp xã: Trưởng hoặc Phó Ban nông nghiệp phát triển Nông thôn;

¹⁸ Luật Phòng, Chống Thiên Tai, số 33/2013/QH13, thông qua ngày 19/06/2013, có hiệu lực thực thi từ ngày 01/05/2014.

VCA (CTĐ VN) ¹⁶	CBDRA (DMC) ¹⁷
	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp thôn/Áp: Phó thôn/Áp. <p><u>Tổ công tác</u> của xã được UBND xã thành lập và quản lý. Thành viên của nhóm được cộng đồng lựa chọn tiến cử là những người có kiến thức, kinh nghiệm và quan tâm đến giới, quan hệ xã hội của các nhóm cộng đồng.</p> <p>Quy trình đánh giá: Tổng thể quy trình này gồm có <u>5 bước</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị - Thực hiện đánh giá - Phân tích dữ liệu và tổng hợp kết quả - Thẩm định và kiểm chứng thông tin với người dân - Viết báo cáo
<p>So sánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ VCA do Thúc đẩy viên CTĐ VN thực hiện là chính, nhưng CBDRA do chính quyền địa phương với sự hỗ trợ của CTĐ VN và hỗ trợ ngoài CTĐ thực hiện (Tổ công tác của xã với sự giúp đỡ của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật). ▪ Mặc dù, số lượng các bước khác nhau (8 bước của VCA và 5 bước ở CBDRA, hai cách tiếp cận đều thực hiện theo lộ trình như nhau. Điểm khác biệt là VCA có bước vận động chính sách bao gồm vận động cho VCA và vận động sử dụng kết quả của VCA, trong khi CBDRA không có bước này. 	
3) Tài liệu	3) Tài liệu
<p>Cấu trúc Sổ tay hướng dẫn CVA có khoảng <u>100 trang</u> với <u>2 cuốn</u> gồm <u>3 phần</u>:</p> <p>Phần I:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “<i>VCA là gì</i>”, phần này cung cấp thông tin về các khái niệm, các thành tố chính của VCA và tóm tắt các yếu tố của VCA nhằm hướng dẫn cho hướng dẫn viên thực hiện quy trình đánh giá VCA. 2. “<i>Các nguyên tắc tiến hành VCA</i>” chỉ rõ tầm quan trọng của việc liên hệ giữa VCA với phát triển và quản lý thảm họa. <p>Phần II:</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. “<i>Hướng dẫn thực hành VCA</i>” cho biết ‘cách làm thế nào để’ hướng dẫn VCA dựa vào nội dung của Phần 1 và 2, với những thông tin thực hành các công cụ và cách tổ chức thực hiện VCA có sự tham gia của nhóm để bị tổn thương. Điểm quan trọng trong phần này nữa là hướng dẫn thúc đẩy VCA ở thực địa. <p>Một số yếu tố khác biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm về Tình trạng dễ bị tổn thương, Khả năng và Hiểm họa, Rủi ro được giải thích và sắp xếp theo thứ tự như vậy. 	<p>Cấu trúc Tài liệu hướng dẫn CBDRA chỉ có <u>một cuốn</u> với <u>90 trang</u> bao gồm <u>4 phần</u>:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ‘Phần Giới thiệu về <i>CBDRA</i>’ cung cấp những thông tin về các khái niệm và nguyên tắc của CBDRA 2. ‘<i>Các bước thực hiện CBDRA</i>’ được giải thích theo quy trình thực hiện 3. ‘<i>Cách sử dụng công cụ đánh giá CBDRA</i>’ giải thích cách thực hiện từng công cụ một cách thiết thực cụ thể. 4. Phần phụ lục về: <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ và trách nhiệm của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Tổ công tác của xã - Giải thích về Tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực - Hướng dẫn đánh giá về nhóm dễ bị tổn thương - Mẫu thu thập thông tin chung cho báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai - Danh mục các giải pháp giảm rủi ro thiên tai - Ví dụ về kết quả đánh giá rủi ro thiên tai <p>Một số yếu tố khác biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm được sắp xếp và giải thích theo thứ tự: Hiểm họa, Tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực. - Hướng dẫn cụ thể rõ ràng cách sử dụng từng công cụ có ví dụ minh họa và câu hỏi

VCA (CTĐ VN) ¹⁶	CBDRA (DMC) ¹⁷
<ul style="list-style-type: none"> - Những thông điệp được sắp xếp riêng trong các hộp màu xanh. - Thông tin đầy đủ về lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương (trẻ em, phụ nữ, người già, NKT, Người nghèo nông thôn và đô thị và người dân tộc ít người), biến đổi khí hậu và đô thị hóa (chương 3 và 4). - Toàn bộ chương (5) là về kết nối VCA với các kế hoạch phát triển và kế hoạch của chính phủ, vận động chính sách cho VCA. - Các bước thực hiện được giải thích cặn kẽ rõ ràng về: thời gian; đối tượng tham gia chính, công việc cụ thể, kết quả/đầu ra mong đợi, phương pháp/công cụ và các phương tiện hỗ trợ cần dùng. 	<p>gợi ý, cách tổng hợp thông tin thu được (trình bày theo bảng và chọn thông tin cần đưa vào các cột).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng biểu rõ ràng mô tả cho từng bước: địa điểm; thời gian; người tham gia; đơn vị/người chịu trách nhiệm. - Sử dụng ngôn ngữ đơn giản. - Phần phụ lục chi tiết giải thích từng công việc và trách nhiệm của nhóm hỗ trợ kỹ thuật, Tổ công tác của xã kể cả Giám sát và Đánh giá (M&E). - Ví dụ về mẫu báo cáo.
<p>So sánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xét về mọi phương diện thì Sổ tay hướng dẫn VCA được biên soạn cho người sử dụng chuyên nghiệp, còn CBDRA là tài liệu dùng cho cấp xã. Điều này thấp rõ trong cách sử dụng ngôn ngữ của hai tài liệu và số lượng khái niệm và cách hướng dẫn sử dụng. - Mặc dù cả hai tài liệu đều có số trang xấp xỉ ngang nhau, nhưng trong VCA khái niệm cơ bản và cách tiếp cận (Phần I) chiếm nhiều trang của Sổ tay hướng dẫn, trong khi tài liệu CBDRA lại dành số lượng trang nhiều hơn cho phần hướng dẫn sử dụng công cụ. - Trình bày và giải thích về các khái niệm trong VCA chủ yếu theo cách sử dụng của CTĐ quốc tế, trong khi CBDRA theo cách giải thích sát với Luật PCTT. - Vận động chính sách kết nối kết quả VCA được Sổ tay hướng dẫn VCA nhấn mạnh, nhưng trong tài liệu CBDRA lại không đề cập đến. - Mặc dù trong phần phụ lục của CBDRA có hướng dẫn Giám sát và Đánh giá (M&E), nhưng không có trong tài liệu VCA. 	
<p>4) Thời gian</p>	<p>4) Thời gian</p>
<p>Thời gian thực hiện VCA tại cộng đồng là 5 ngày.</p> <p>VCA có thể thực hiện hàng năm tùy thuộc vào tình hình thực tế của xã.</p> <p>Mặc dù, Sổ tay hướng dẫn có nêu VCA có thể thực hiện vào các thời điểm trong năm, nhưng nên tránh tổ chức vào các dịp có Lễ hội hay thời gian bận rộn sản xuất làm ăn của xã. Thời điểm phù hợp nhất là tổ chức đánh giá VCA trước mùa thiên tai hoặc trước thời gian lập kế hoạch PTKTXH của xã.</p>	<p>Thời gian thực hiện CBDRA tại cộng đồng là 5 ngày</p> <p>Tài liệu kiến nghị nên cập nhật CBDRA hàng năm, đặc biệt là trước mùa thiên tai và trước khi địa phương lập kế hoạch DRR và SEDP.</p>
<p>So sánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả hai tài liệu đều đưa ra thời gian để thực hiện một đánh giá là 5 ngày. - Trong hai tài liệu không nêu là cần rà soát lại hàng năm cần làm những gì. 	
<p>5) Công cụ</p>	<p>5) Công cụ</p>
<p>Sổ tay hướng dẫn VCA có <u>14 công cụ</u>:</p> <p>Công cụ thu thập thông tin:</p>	<p>Tài liệu hướng dẫn CBDRA có <u>9 công cụ</u>:</p> <p>Công cụ thu thập thông tin:</p>

VCA (CTĐ VN) ¹⁶	CBDRA (DMC) ¹⁷
<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiên cứu dữ liệu thứ cấp 2. Quan sát trực tiếp 3. Thảo luận nhóm tập trung 4. Vẽ bản đồ 5. Khảo sát theo lát cắt 6. Thông tin lịch sử 7. Phương pháp hình dung & phác họa về lịch sử bằng hình ảnh 8. Lịch mùa vụ 9. Sơ đồ Venn <p>Công cụ phân tích và phát triển:</p> <ol style="list-style-type: none"> 10. SWOT 11. Phân tích sinh kế 12. Cây vấn đề 13. Xếp hạng 14. Lập kế hoạch bằng khung logic 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thu thập dữ liệu thứ cấp 2. Lịch sử thiên tai 3. Lịch mùa vụ 4. Vẽ sơ đồ hiểm họa <p>Công cụ phân tích và phát triển:</p> <ol style="list-style-type: none"> 5. Điểm mạnh và điểm yếu về công tác phòng, chống thiên tai 6. Tổng hợp kết quả đánh giá rủi ro thiên tai 7. Phân tích nguyên nhân 8. Xếp hạng 9. Tổng hợp đề xuất giải pháp giảm rủi ro thiên tai <p>Phần phụ lục của tài liệu có các ví dụ cụ thể về sử dụng công cụ.</p>
<p>So sánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Số lượng công cụ dùng trong VCA là 14 công cụ, nhiều hơn số lượng công cụ dùng trong CBDRA (9 công cụ). – Hầu hết các công cụ dùng trong tài liệu CBDRA đều giống với các công cụ dùng trong VCA. Trong tài liệu CBDRA không có hướng dẫn thảo luận nhóm đặc thù để bị tổn thương. – Thứ tự sắp xếp các công cụ đánh giá và liên thông giữa các cộng cụ ở tài liệu CBDRA rõ hơn tài liệu VCA – Phân tích vấn đề được trình bày đơn giản theo hình thức bảng biểu trong CBDRA thay vì hình tượng cây vấn đề trong VCA – Tài liệu CBDRA có thêm phần ví dụ cụ thể ở phần phụ lục. – Hướng dẫn sử dụng công cụ trong tài liệu CBDRA cụ thể chi tiết hơn về thông tin cần thu thập. Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> ○ Thông tin lịch sử: yêu cầu thu thập thông tin về thay đổi đặc điểm và xu hướng của thiên tai (liên quan đến BĐKH) ○ Lịch mùa vụ cũng tập trung vào các rủi ro và giải pháp giảm thiểu rủi ro của cộng đồng ○ Bảng tổng hợp thông tin sau mỗi công cụ và cách báo cáo ○ Lập đi lập lại xu hướng của thiên tai ở các bảng tổng hợp giúp lấy thêm nhiều ý kiến và nâng cao nhận thức cho nhiều người tham gia về BĐKH. 	
6) Việc lồng ghép	6) Việc lồng ghép
<p><u>Giới và NKT</u> Sổ tay hướng dẫn VCA nêu tầm quan trọng của việc lồng ghép nhóm dễ bị tổn thương và hướng dẫn cách lồng ghép trong các công cụ về nhóm DBTT (trẻ em, NKT, người già, người nghèo, người dân tộc...).</p> <p><u>Thích ứng với BĐKH</u> Được đề cập là mối quan tâm mới trong VCA và lưu ý ở các cộng cụ đánh giá.</p> <p><u>Khu vực Đô thị</u> Được đề cập là mối quan tâm mới trong VCA và lưu ý ở các cộng cụ đánh giá.</p>	<p><u>Giới và NKT</u> Hướng dẫn về lồng ghép NKT chỉ được nhắc ở phần phụ lục. Trong các bảng tổng hợp các giải pháp giảm thiểu rủi ro được đề xuất cũng có yêu cầu phân biệt giải pháp cho nhóm đặc thù: nữ, nam, người nghèo, trẻ em, người già NKT. Công cụ xếp hạng có cột dành cho nữ.</p> <p><u>Thích ứng với BĐKH</u> Hướng dẫn thiết thực cụ thể chủ yếu ở công cụ Thông tin lịch sử về thiên tai (xu hướng thiên tai).</p>

VCA (CTĐ VN) ¹⁶	CBDRA (DMC) ¹⁷
	Khu vực Đô thị Không đề cập đến trong tài liệu
So sánh: <ul style="list-style-type: none"> - Lồng ghép nhóm đặc thù DBTT, BĐKH và bối cảnh của khu vực đô thị được chú trọng trong mỗi công cụ của Sổ tay hướng dẫn VCA. Ví dụ: gợi ý hướng dẫn cách làm việc với trẻ em, người già, NKT và thảo luận nhóm tập trung từ trang 35-36 ở Phần II. Tuy vậy, những kết quả đầu ra (các bảng biểu, mẫu báo cáo) chỉ mới có rất ít thậm chí không rõ ràng về dữ liệu lồng ghép của nhóm đặc thù. Điều này lại ngược lại đối với tài liệu CBDRA, không có nhiều thông tin hướng dẫn về lồng ghép nhóm DBTT, BĐKH và nhóm DBTT cũng không được xác định một cách nhất quán (hay nhắc đến chủ yếu là nữ, nam và thanh niên). Tuy vậy, một số công cụ nhóm DBTT lại được lồng ghép qua các bảng tổng hợp. - Tài liệu VCA và CBDRA hầu như sử dụng cùng số lượng bảng biểu có hướng dẫn cụ thể về lồng ghép nhóm DBTT: trẻ em, phụ nữ, NKT, người già, người nghèo, người dân tộc và trong phần phụ lục của tài liệu CBDRA. - Tài liệu CBDRA không đề cập đến bối cảnh đô thị. 	
7) Báo cáo VCA (cấu trúc)	7) Báo cáo VCA (cấu trúc)
Báo cáo VCA được trình bày theo cấu trúc sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông tin cơ bản về địa phương <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lý - Hệ thống hạ tầng cơ sở (hệ thống giao thông đi lại, đường sá, nước, điện sinh hoạt...) - Hồ sơ lịch sử địa phương - Sử dụng đất, nguồn nước và rừng - Phân bố dân cư (số thôn, dân số) - Kế hoạch phát triển KTXH trong 5 năm qua - Sơ lược về tổ chức Chính quyền và các tổ chức ở địa phương - Thông tin cơ bản về hiểm họa tự nhiên và thảm họa và cách lập kế hoạch phòng chống thiên tai của địa phương 2. Phân tích thông tin tổng quan của xã <ul style="list-style-type: none"> - SWOT về Sức khỏe, điều kiện sống, thu nhập lương thực, điều kiện an toàn trong thiên tai, chính sách, quản lý - Những vấn đề cộng đồng quan tâm - Mong đợi từ những giải pháp đề xuất giải quyết các vấn đề của cộng đồng - Gắn kết với chính sách và kế hoạch phát triển KTXH của cộng đồng. 3. Phân tích hiểm họa <ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình thiên tai - Thiệt hại chính do thiên tai gây ra - Xu hướng/chiều hướng (thay đổi loại hình thảm họa, cách ứng phó với những thay 	Báo cáo VCA được trình bày theo cấu trúc sau: <ol style="list-style-type: none"> I. Giới thiệu về xã II. Kết quả đánh giá rủi ro <ol style="list-style-type: none"> A. Thông tin cơ bản về xã (theo mẫu ở Phụ lục 5) <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm địa lý - Dân số - Thực trạng sử dụng đất, nguồn nước và rừng (nguồn tài nguyên thiên nhiên) - Các hoạt động sản xuất và kinh doanh - Hạ tầng cơ sở - Nhà ở - Nước sinh hoạt, sức khỏe, vệ sinh môi trường - Chăm sóc sức khỏe (bệnh liên quan đến thiên tai) - Hoạt động phòng ngừa, ứng phó thảm họa B. Đánh giá hiểm họa, Tình trạng dễ bị tổn thương và Năng lực <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá hiểm họa ở cộng đồng <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá chung: - Lịch sử thiên tai (Bảng 2.1) 2. Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá chung: - Tóm lược Tình trạng dễ bị tổn thương (Bảng 6.1, cột 3) 3. Đánh giá Năng lực <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chung:

VCA (CTĐ VN) ¹⁶	CBDRA (DMC) ¹⁷
<p>đối đó)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích thực trạng về tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng phòng ngừa ứng phó với thảm họa Sinh kế, thu nhập, sức khỏe, lương thực, điều kiện an toàn cho trẻ em và những nhóm người DBTT, quản trị và chính sách) - Xác định và phân tích các rủi ro thảm họa - Những giải pháp giảm rủi ro - Kết nối giữa chính sách phát triển KTXH với kế hoạch phòng ngừa thiên tai dựa vào cộng đồng. <p>4. Kế hoạch chuyển đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một bảng chuyển đổi và kế hoạch giảm thiểu rủi ro - Phân tích (tổng quan của các vấn đề tổng thể, rủi ro thảm họa và kế hoạch giảm thiểu rủi ro, nêu bật những vấn đề cần quan tâm nhất, kết quả phân tích, những tác động tiêu cực và tích cực tiềm ẩn, khó khăn cản trở và kế hoạch dự phòng, vai trò trách nhiệm của các bên tham gia và kế hoạch thực hiện...). <p>5. Kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm đánh giá VCA - Ký tên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm lược Năng lực (Bảng 6.1, cột 4) <p>C. Tổng hợp các giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai</p> <p>1. Tổng hợp rủi ro thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình luận: (dựa vào công cụ đánh giá rủi ro thiên tai, nhận xét về rủi ro thiên tai của cộng đồng, theo 3 yếu tố: An toàn cộng đồng, Sản xuất và Kinh doanh, Sức khỏe, vệ sinh môi trường. Từ kết quả xếp hạng, tóm lược những vấn đề cộng đồng quan tâm nhất theo xếp hạng của các nhóm đối tượng khác nhau). - Bảng tổng hợp rủi ro và xếp hạng (Bảng 6.1 – cột 5 và bảng 8.1 – cột 1 và 2). <p>2. Tổng hợp những giải pháp giảm thiểu rủi ro và phòng ngừa thiên tai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng tổng hợp các giải pháp phòng ngừa thiên tai (Bảng 8.1 – cột 5 và Bảng 9.1) <p>D. Kết luận và Đề xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xã: (tóm lược những quan tâm, đề xuất và các giải pháp ưu tiên ở cấp xã) - Cấp huyện: (tóm lược những quan tâm, đề xuất và các giải pháp ưu tiên ở cấp huyện) - Những đề xuất đối với chính quyền và các bên tham gia: (tóm lược những đề xuất đối với chính quyền và các bên tham gia để tìm phương cách hỗ trợ và phối hợp thực hiện) - Đại diện UBND xã
<p>So sánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu CBDRA có mẫu thu thập thông tin cơ bản về xã ở phần phụ lục (Phụ lục 5). - Không có báo cáo nào có thông tin về nhóm đặc thù. - Báo cáo CBDRA có phần (D) là phần đặc biệt dành cho những đề xuất và ưu tiên dành cho chính quyền địa phương các cấp. 	
<p>8) Tài liệu hóa (khả năng tiếp cận kết quả đánh giá)</p>	<p>8) Tài liệu hóa (khả năng tiếp cận kết quả đánh giá)</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo VCA được gửi đến chính quyền địa phương; - Báo cáo VCA VN và của BPCTT nếu được sự đồng thuận của chính quyền xã (trang 23 Phần II). 	<p>Không có thông tin nào liên quan đến chủ đề này.</p>
<p>So sánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu CBDRA không đề cập đến báo cáo cuối cùng sẽ được gửi đến đâu. - Cả hai tài liệu không đề cập đến việc sử dụng các tài liệu lưu kết quả đầu ra sau các công cụ (được viết trên A0). 	

PHỤ LỤC 4: Danh sách những người đã phỏng vấn

Phỏng vấn của giai đoạn nghiên cứu tài liệu

#	Ngày	Địa điểm	Tổ chức	Họ và tên	Chức vụ	Phương pháp
1	31/12/2014	Phú Yên	CTĐ VN – Hội CTD Quy Nhơn	Trần Đình Kỳ	Phó Chủ tịch Hội	Gặp trực tiếp
2	07/01/2015	TT Huế	CTĐ VN - Hội CTD TT Huế	Phan Dai	Phó Chủ tịch	Qua điện thoại
3	11/01/2015	Huế-Quảng Trị	CTĐ VN - Hội CTD Quảng Trị	Đoàn Minh Cường	Tập huấn viên chính của CTĐ VN	Qua điện thoại
4	11/01/2015	Hue-An Giang	CTĐ VN - Hội CTD Nghệ An	Bùi Thị Mai	Tập huấn viên chính của CTĐ VN	Qua điện thoại
5	12/01/2015	Huế -Thanh Hóa	CTĐ VN - Hội CTD Thanh Hóa	Tô Ngọc Chành	Tập huấn viên chính của CTĐ VN	Qua điện thoại
6	14/01/2015	Phú Yên	CTĐ VN - Hội CTD Phu Yen	Nguyễn Hữu Sừu	Cán bộ CTĐ	Qua điện thoại
7	14/01/2015	Cần Thơ	CTĐ VN - Hội CTD Can Tho	Dư Hải Đường	Giám đốc Trung tâm Huấn luyện của CTĐ Cần Thơ	Qua điện thoại
8	06/01/2015	Hà Nội	Năn phòng Trung ương Hội CTD VN	Nguyễn Thị Kiều Trang	Ban Phòng ngừa Thảm họa	Hộp
				Ông Bình	Phó Ban Phòng ngừa Thảm họa	
				Cô Phương	Phòng tổ chức, Giám đốc dự án DRR	
				Ông Vinh	Ngân hàng máu (phụ trách Chương trình Rừng và Đồng bằng)	
				Ông Thắng	Giám đốc Trung tâm của CTĐ VN	
				Ông Tuấn	Dự án Rừng và Đồng bằng	
				Cô Mỹ	Ban Phòng ngừa Thảm họa	
				Ông Kiên	Ban Phòng ngừa Thảm họa	
				Ông Thuần	Ban Phòng ngừa Thảm họa	
9	13/01/15 02/02/15	Hà Nội	CTĐ Mỹ	Ian Wilderspin	Đại diện trưởng chương trình DRR và CCA	Phỏng vấn
10	08/01/15	Hà Nội	SCDMII (DMC/UNDP)	La Quang Trung Đặng Quang Tính	Cán bộ dự án Cố vấn Quốc gia	Phỏng vấn
11	06/01/2015	Hà Nội	IFRC IFRC IFRC CTĐ Tây Ban Nha CTĐ Thụy Sĩ	Rosemary Fenton Nguyen Thai An Đặng Văn Tạo Đỗ Thị Thu Thúy Hồng Ruth Lane	Điều phối viên chương trình Cán bộ dự án Điều phối viên Quốc gia	Phỏng vấn nhóm
12	07/01/2015	Hà Nội	ISET Vietnam	Nguyễn Ngọc Huy	Cabs bộ kỹ thuật	Phỏng vấn
13	08/01/2015	Hà Nội	Live & Learn	Đỗ Văn Nguyệt	Giám đốc	Phỏng vấn
14	05/01/2015	Hà Nội	Malteser International	Mai Thị Dung Nguyễn Nga	Giám đốc Đại diện tại VN	Phỏng vấn qua Skype
15	09/01/2015	Hà Nội	CTĐ Tỉnh Quảng Nam	Ông Bằng	Phó chủ tịch/tập huấn viên/thúc đẩy viên	Phỏng vấn

#	Ngày	Địa điểm	Tổ chức	Họ và tên	Chức vụ	Phương pháp
16	05/01/2015	Hà Nội	Oxfam	Lê Thị Mỹ Dung	Cán bộ chương trình	Phỏng vấn
			CARE	Lê Xuân Hiếu	Quản lý Tổ chức CARE International ở VN	
18	08/01/2015	Hà Nội	SNV	Trần Tú Anh	Cố vấn cao cấp về BDKH/Quản lý chương trình nông nghiệp	Phỏng vấn
19	09/08/2015	Hà Nội	UNDP	Jenty Kirsch-Wood	Cố vấn kỹ thuật Quốc tế	Phỏng vấn
				Bùi Việt Hiền	Cán bộ chương trình	
20	07/01/2015	Hà Nội	Save the Children	Lê Thị Bích Hằng	Cán bộ của Tổ chức	Phỏng vấn
			Tầm nhìn TG	Lê Văn Dương	Điều phối viên chương trình CT khẩn cấp	
21	15/01/2015	Hà Nội	IFRC	Michael Annear	Đại diện chính tại VN	Phỏng vấn
22	16/01/2015	Hà Nội	UNDP	Stacey Sawchuk	Thúc đẩy viên Chương trình giảm nhẹ rủi ro Thiên tai và Thích ứng với BDKH	Phỏng vấn
23	16/01/2015	Hà Nội	IFRC	Đặng Văn Tạo	Giám đốc chương trình Quản lý Thiên tai	Phỏng vấn
24	16/01/2015	Hà Nội	CTĐ Đức	Nguyễn Dũng	Giám đốc dự án	Phỏng vấn
25	02/02/2015	Hà Nội	Trung tâm Quản lý Thiên tai/Bộ NNPTNT	Nguyễn Huỳnh Quang	Trưởng ban CBDRM/Điều phối viên Quốc gia của dự án	Phỏng vấn
				Khánh Chi	Cán bộ Ban CBDRM	
26	02/02/2015	Hà Nội	CTĐ Na uy	Nguyễn Xuân Duy	Điều phối viên Chương trình tại VN	Phỏng vấn

Những người tham gia cung cấp thông tin ở các địa phương (Danh sách cụ thể đã gửi cho CTĐ Đức)

#	Ngày	Tỉnh	Huyện	Xã	Cuộc họp	Đơn vị	Số người	Nam	Nữ
1	19/01/2015	Phú yên			Thúc đẩy viên CTĐ	Hội CTĐ Phú Yên	4	4	0
2	19/01/2015	Phú yên			Cán bộ CTĐ VN	CTĐ VN	9	6	3
3	19/01/2015	Phú yên			Chính quyền	BPCTT	2	1	1
4	19/01/2015	Phú yên			NGOs	Trường PTCS Bạch Đằng; Lớp 5	2	2	0
5	20/01/2015	Phú yên	TP Tuy Hòa	Phường 6	Chính quyền	BPCTT (UBND; Sở TNMT)	6	5	1
6	20/01/2015	Phú yên	TP Tuy Hòa	Phường 6	Trẻ em	Trường PTCS Bạch Đằng; Lớp 5	5	1	4
7	20/01/2015	Phú yên	TP Tuy Hòa	Phường 6	Người già		6	2	4
8	20/01/2015	Phú yên	TP Tuy Hòa	Phường 6	Đại diện CĐ		7	3	4
9	20/01/2015	Phú yên	TP Tuy Hòa	Phường 6	Tổ công tác		5	3	2
10	20/01/2015	Phú yên	TP Tuy Hòa	Phường 6	NKT		5	3	2
11	21/01/2015	Phú yên	TP Tuy Hòa	Phường 6	Họp thẩm định	UBND; Hội PN; Mặt trận	9	7	2

#	Ngày	Tỉnh	Huyện	Xã	Cuộc họp	Đơn vị	Số người	Nam	Nữ
12	21/01/2015	Phú yên	Đông Xuân	Xuân Quang 2	Đại diện CĐ		8	5	3
13	21/01/2015	Phú yên	Đông Xuân	Xuân Quang 2	Tổ công tác		6	5	1
14	21/01/2015	Phú yên	Đông Xuân	Xuân Quang 2	UBND xã, BPCTT		6	5	1
15	21/01/2015	Phú yên	Đông Xuân		BPCTT		2	2	0
16	22/01/2015	Phú yên	Đông Xuân	Xuân Quang 2	Đại diện CĐ		6	3	3
17	22/01/2015	Phú yên	Đông Xuân	Xuân Quang 2	Họp thẩm định	UBND; Đoàn TN; CTĐ VN	5	5	0
18	22/01/2015	Phú yên	Đông Xuân	Xuân Quang 2	NKT		3	1	2
19	22/01/2015	Phú yên	Đông Xuân	Xuân Quang 2	Trẻ em	Trường PTCS Xuân Quang 2; Lớp 5	5	2	3
20	23/01/2015	An Giang			Thúc đẩy viên CTĐ		4	3	1
21	23/01/2015	An Giang			NGOs	CARE	1	0	1
22	23/01/2015	An Giang			BPCTT tỉnh		3	2	1
23	23/01/2015	An Giang			Cán bộ CTĐ VN		6	6	0
24	24/01/2015	An Giang	Tịnh Biên	Vĩnh Trung	Họp thẩm định	UBND; Trường học; CTĐ VN; Hội PN	8	7	1
25	24/01/2015	An Giang	Tịnh Biên	Vĩnh Trung	Trẻ em	Trường PTCS Vĩnh Trung; Lớp 5	6	3	3
26	24/01/2015	An Giang	Tịnh Biên	Vĩnh Trung	NKT		3	0	3
27	24/01/2015	An Giang	Tinh Bien		BPCTT		2	2	0
28	24/01/2015	An Giang	Tinh Bien	Vĩnh Trung	Đại diện CĐ		15	7	8
29	24/01/2015	An Giang	Tinh Bien	Vĩnh Trung	BPCTT		2	2	0
30	25/01/2015	An Giang	Tri Ton	Tân Tuyên	NKT		2	2	0
31	25/01/2015	An Giang	Tri Ton	Tân Tuyên	Họp thẩm định	Mặt trận; UBND, CTĐ VN; Công an; Hội PN	9	8	1
32	25/01/2015	An Giang	Tri Ton	Tân Tuyên	BPCTT		13	10	3
33	25/01/2015	An Giang	Tri Ton	Tân Tuyên	NKT		1	1	
34	25/01/2015	An Giang	Tri Ton	Tân Tuyên	Trẻ em	Trường PHCS Tân Tuyên; Lớp 6	5	3	2
35	25/01/2015	An Giang	Tri Ton	Tân Tuyên	Đại diện CĐ		9	2	7
36	25/01/2015	An Giang	Tri Ton		BPCTT		4	4	0
37	28/01/2015	Thái Bình			BPCTT		5	5	0
38	28/01/2015	Thái Bình			CTĐ		4	2	2
39	28/01/2015	Thái Bình	Đông Hưng	Hoa Nam	Đại diện CĐ		11	7	4
40	28/01/2015	Thái Bình	Đông Hưng	Hoa Nam	Người già		3	2	1
41	29/01/2015	Thái Bình	Đông Hưng	Hoa Nam	NKT		3	3	0

#	Ngày	Tỉnh	Huyện	Xã	Cuộc họp	Đơn vị	Số người	Nam	Nữ
42	29/01/2015	Thái Bình	Đông Hưng	Hoa Nam	Họp thăm định	UBND; CTĐ VN; BPCTT	16	10	6
43	28/01/2015	Thái Bình	Đông Hưng	Hoa Nam	Trẻ em	Họa sinh	6	1	5
44	28/01/2015	Thái Bình	Đông Hưng	Hoa Nam	BPCTT		4	4	0
45	29/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	BPCTT		6	6	0
46	29/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy		BPCTT		2	2	0
47	29/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	Đại diện CĐ		3	2	1
48	29/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	Người già		4	2	2
49	29/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	Chính quyền		10	6	4
50	30/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	Họp thăm định	UBND; Nhóm VCA; CTĐ VN	5	4	1
51	30/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	Trẻ em	Lớp 6-9	5	1	4
52	30/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	NKT		3	1	2
53	30/01/2015	Thái Bình	Thái Thụy	Thụy Xuân	Đại diện CĐ		7	5	2
Total:							291	190	101

Hội thảo đã tham gia

- Hội thảo giữa kỳ của CTĐ Đức tổ chức ở Phú Yên từ ngày 29-30/12/2014
- Hội thảo về Khả năng chống chịu của khu vực đô thị của CTĐ Mỹ tổ chức tại Huế từ ngày 16-17/01/2015

Báo cáo VCA của CTĐ VN đã được rà soát

#	Tài liệu	Địa điểm	Hội CTĐ	Tác giả	Ngày
1	Báo cáo VCA	Xã Triệu Đại, huyện Tiểu Phong – tỉnh Quảng Trị	CTĐ Quảng trị	Bà Nguyễn Thị Hương	18 - 22/12/2012
2	Báo cáo VCA	Xã Phong Hóa,, uyên Hóa- QB	CTĐ Quảng Bình	Ông Cao Quang Cảnh	17 – 21/12/2012
3	Báo cáo VCA	Phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn	CTĐ Bình Định	Ông Trần Đình Ký	28/10/2014 - 01/11/2014
4	Báo cáo VCA	Phường Nhơn Bình, TP Quy nhơn	CTĐ Bình Định	Ông Trần Đình Ký	09 - 13/10/201
5	Báo cáo VCA	Phường Thị Nại, TP Quy Nhơn	CTĐ Bình Định	Ông Trần Đình Ký	20 - 24/10/2014
6	Báo cáo VCA	Phường 1 - Tuy Hòa- Phú Yên	CTĐ Phú yên	Không rõ tác giả	Unidentified date
7	Báo cáo VCA	Phường 6- Tuy Hòa- Phú Yên	CTĐ Phú yên	Không rõ tác giả	24/10/2014
8	Báo cáo VCA	Phường Phù Đổng – TP Tuy Hoa city- tỉnh Phú Yên	CTĐ Phú yên	Không rõ tác giả	03/11/2014
9	Báo cáo VCA	Xã Chiềng - Thuận Châu - Sơn La	CTĐ TT Huế	Ông Phan Dai	24 - 28/05/2011

#	Tài liệu	Địa điểm	Hội CTD	Tác giả	Ngày
10	Báo cáo VCA	Xã Phông Lập - Thuận Châu - Sơn La province	CTD VN	Ông Nguyễn Hữu Thắng	29/5/2011 - 02/6/2011
11	Báo cáo VCA	Xã Ea Trul - Krông Bông - Đắk Lắk	CTD Đắk Lắk	Bà Trần Thị Yến	28/05/2011
12	Báo cáo VCA	Xã Hòa Tân - Krông Bông - Đắk Lắk	CTD Đắk Lắk	Bà Trần Thị Yến	29/5 - 2/6/2011
13	Báo cáo VCA	Thị xã Sông Đốc - Trần Văn Thời- Cà Mau	CTĐ Bến tre	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	08/01/2010 - 11/01/2010
14	Báo cáo VCA	Xã Thanh Hải - Tân Lạc - Hòa Bình	CTĐ Hòa Bình	Bà Nguyễn Thị Thuy	08/8/2011-11/8/2011
15	Báo cáo VCA	Xã Từ Nê - Tân Lạc- Hòa Bình	CTĐ Hòa Bình	Bà Nguyễn Thị Thuy	14/9/2011-17/9/2011
16	Báo cáo VCA	Xã Khởi Nghĩa - Tiên Lãng - Hải Phòng	CTĐ hải phòng	Ông Bùi Mạnh Phúc	23/7/2013-26/7/2013
17	Báo cáo VCA	Xã Việt Tiến - Vĩnh Bảo - .Hải Phòng	CTĐ hải phòng	Ông Bùi Mạnh Phúc	17/7/2013-20/7/2013
18	Báo cáo VCA	Xã Dương Quý - Văn Bàn - Lào Cai	CTĐ Bình Định	Ông Trần Đình Ký	07/12/2012-10/12/2011
19	Báo cáo VCA	Xã Nậm Khánh- Bắc Hà - Lào Cai	VNRC	Ông Võ Đức Kiên	09/4/2013-13/4/2013
20	Báo cáo VCA	Xã An Hòa - Quỳnh Lưu - Nghệ An	Nghe An RC	Ông Nguyễn Lâm Duyên	25-29/09/2012
21	Báo cáo VCA	Xã Nghi Quang- Nghi Lộc - Nghệ An	Nghe An RC	Ông Nguyễn Lâm Duyên	18/09-22/09/2012
22	Báo cáo VCA	Xã Cảnh Hóa -Quảng Trạch - Quảng Bình	Quang Bình RC	Ông Nguyễn Cao Cảnh	16-20/7/2009
23	Báo cáo VCA	Xã Kiên Thành - Trấn Yên - Yên Bái	Nghe An RC	Bà Bùi Thị Mai	30/07/2009-03/08/2009
24	Báo cáo VCA	Phường Trà Nóc- Bình Thủy- Cần Thơ	CTD VN	Không rõ tác giả	9-13/7/2009
25	Báo cáo VCA	Xã Hải Thiện - Hải Lăng - Quảng Trị	Quang Trị RC	Ông. Đoàn Minh Cường	16/5- 20/05/2011
26	Báo cáo VCA	Xã Hải Vĩnh - Hải Lăng - Quảng Trị	CTĐTT Hue	Ông Huỳnh Văn Tiến	23-27/05/2011
27	Báo cáo VCA	Xã Đông Hiệp -Cờ Đỏ - Cần Thơ	CTĐ Cần Thơ	Ông Dư Hải Đường	30/05-03/06/2011
28	Báo cáo VCA	Xã Thạnh Tiến - Vĩnh Thạnh - Cần Thơ	CTĐ Hậu Giang	Ông. Lê Thanh Trí	25/05-29/05/2011
29	Báo cáo VCA	Xã Đồng Kho - Tánh Linh-	CTĐ Ninh Thuận	Bà. Nguyễn Thị Anh Hiếu	30/05/2011-03/06/2011
30	Báo cáo VCA	Xã Đức Thuận -Tánh Linh -Bình Thuận	CTĐ Bình Thuận	Ông Trần Quân	24/05/2011-28/05/2011
31	Báo cáo VCA	Xã An Cư -Tĩnh Biên - An Giang	CTĐ An Giang	Ông Văn Sang	05/06 - 09/06/2013
32	Báo cáo VCA	Xã An Tức - Tri Tôn - An Giang	CTĐ An Giang	Ông Lê Thanh Nhân	24/05- 28/05/2013
33	Báo cáo VCA	Xã Phú Lợi - Giang Thành - Kiên Giang	CTĐ An Giang	Ông Văn Sang	17/06 - 22/06/2013
34	Báo cáo VCA	Xã Tân Tuyên - Tri Tôn - An Giang	CTĐ An Giang	Ông Lê Thanh Nhân	30/5 - 3/6/2013
35	Báo cáo VCA	Xã Thoại Giang - Thoại Sơn - An Giang	CTĐ An Giang	Ông Lê Văn Hoàng	15/06/2013
36	Báo cáo VCA	Xã Thủy Liễu -Gò Quao - Kiên Giang	CTĐ UMinh Thượng	Ông Nguyễn Duy Chính	17-22/6/2013
37	Báo cáo VCA	Xã Văn Giáo -Tĩnh Biên - An Giang	CTĐ An Giang	Ông Nguyễn Văn Sang	30/05-3/06/2013
38	Báo cáo VCA	Xã Vĩnh Phú -Giang Thành -Kiên Giang	Minh Thượng RC	Ông Nguyễn Duy Chính	11-15/06/2013
39	Báo cáo VCA	Xã Vĩnh Phước B - Gò Quao - Kiên Giang	CTĐ An Giang	Ông Huỳnh Thanh Ngọc	11/06-15/06/2013
40	Báo cáo VCA	Xã Tịnh Trung -Tĩnh Biên - An Giang	CTĐ An Giang	Ông. Nguyễn Văn Sang	24/05-28/05/2013
41	Báo cáo VCA	Xã Đông Hưng B - An Minh - Kiên Giang	CTĐ UMinh Thượng	Ông Nguyễn Duy Chính	30-03/06/2013

#	Tài liệu	Địa điểm	Hội CTĐ	Tác giả	Ngày
42	Báo cáo VCA	Xã Vân Khánh Tây - An Minh - Kiên Giang	CTĐ U Minh Thượng	Ông Nguyễn Duy Chính	24-28/05/2013
43	Báo cáo VCA	Xã Định Thành - Thoại Sơn - An Giang	CTĐ An Giang	Ông Lê Thanh Nhân	05/06-09/06/2013
44	Báo cáo VCA	Xã Thới Quản - Gò Quao - Kiên Giang	CTĐ An Giang	Ông Huỳnh Thanh Ngọc	17-21/06/2013
45	Báo cáo VCA	Xã Đông Hưng - An Minh - Kiên Giang	CTĐ U Minh Thượng	Ông Nguyễn Duy Chính	05-09/06/2013
46	Báo cáo VCA	Phường Thủy Biểu, thành phố Huế	CTĐ TT Huế	Ông Huỳnh Văn Tiến	08-12/12/2011
47	Báo cáo VCA	Phường Hương Sơ, thành phố Huế	CTĐ TT Huế	Ông Phan Dai	01-05/12/2011
48	Báo cáo VCA	Xã Phong An, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế	CTĐ TT Huế	Ông Huỳnh Văn Tiến	24-28/11/2011
49	Báo cáo VCA	Xã Phong Thu, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế	CTĐ TT Huế	Ông Phan Dai	17-21/11/2011
50	Báo cáo VCA	Xã Thủy Tân, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	CTĐ TT Huế	Ông Phan Dai	15-19/12/2011
51	Báo cáo VCA	Thủy Thanh commune - Hương Thủy district - Thừa Thiên Huế	CTĐ TT Huế	Ông Huỳnh Văn Tiến	22-26/12/2011
52	Báo cáo VCA	Xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	CTĐ An Giang	Ông Võ Minh Dũng	13/01/2013-17/01/2013
53	Báo cáo VCA	Thị trấn Óc eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	CTĐ An Giang	Ông Võ Minh Dũng	08/01/2013-12/01/2013
54	Báo cáo VCA	Xã Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	CTĐ TT Huế	Ông Phan Dai	13-17/01/2013
55	Báo cáo VCA	Xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	CTĐ TT Huế	Ông Phan Dai	08-12/01/2013
56	Báo cáo VCA	Xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	CTĐ Bình Định	Ông Trần Đình Ký	07-11/01/2013
57	Báo cáo VCA	Xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	CTĐ Bình Định	Ông Trần Đình Ký	12-16/01/2013

Báo cáo VCA của CTĐ Na Uy đã được rà soát

#	Tài liệu	Địa điểm	Hội CTĐ	Tác giả	Ngày
1	Thông tin cơ bản của xã	Xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	CTĐ Phú Yên		
2	Báo cáo VCA	Xã Nam Khanh, Bạc Hả – Lào Cai	CTĐ Lào Cai	Không rõ tác giả	Không xác định thời gian
3	Thông tin cơ bản của xã	Phu Tu commune	UNDN		
4	Báo cáo VCA	Xã An Hảo Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	CTĐ VN	Ông Trần Đình Ký	17-21/2013
5	Báo cáo VCA	Cấm Thanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.	CTĐ VN	Ông Trần Đình Ký	22-26/3/2013
6	Báo cáo VCA	Xã An Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	CTĐ VN	Ông Đặng Hồng Nhung	26/2-02/3/2011
7	Báo cáo VCA	Xã An Hảo Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	CTĐ VN	Ông Trần Đình Ký	5-9/11/2011
8	Báo cáo VCA	Xã cát Hanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	CTĐ VN	Ông Trần Đình Ký	22-26/2/2013
9	Báo cáo VCA	Xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	CTĐ VN	Ông Trần Đình Ký	14-18/5/2012
10	Báo cáo VCA	Xã nam Khánh, huyện Bắc Hà, Lào Cai	CTĐ VN	Ông Vũ Ngọc Kiên	9-13/4/2013
11	VCA report	Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn	CTĐ VN	Mr. Tran Dinh Ky	11-15/3/2014
12	VCA report	Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, POT Quy Nhơn	CTĐ VN	Mr. Tran Dinh Ky	3-7/3/2014

Kế hoạch Phát triển KTXH và Phòng, Chống Thiên tai đã được rà soát:

Xã	Kế hoạch PTKTXH	Kế hoạch PCTT
Phường 6	2014 - 2015	2014
Xuân Quang 2		2014
Tân Tuyên	2012 and 2014 - 2015	2014
Vĩnh Trung	2014 - 2015	2015
Hoa Nam		2014
Thủy Xuân		2014

Tài liệu thứ cấp khác

- **Luật Phòng, Chống Thiên tai**, số 33/2013/QH13, ngày 19/06/2013; có hiệu lực từ ngày 01/05/2014; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UNDP
- **Vulnerability and Capacity Assessment (VCA); Manual for Vietnam Red Cross Practitioners (Part I and II)**; Vietnam Red Cross; The Netherlands red Cross; 2010
- **Guideline Community Based Disaster Risk Assessment**; Disaster Management Center (DMC); Ministry of Agriculture and Rural Development; United Nations Development Program; Hanoi; April 2014
- **Integrating disaster risk reduction and climate change adaptation into development programmes guidelines**; CCWG; DMWG; JANI; Hanoi; March 2011
- **Vietnam Red Cross Facilitators Vulnerability and Capacity Assessments Analysis**; Final consultancy report; Duong Van Hung; Hanoi, 30 November 2014 (Draft)
- **Applying vulnerability and capacity assessment (VCA) tools in the urban contexts**: Challenges, difficulties and new approach; ISET et al.; March 2014
- **Manual on Disability inclusive Community Based Disaster Risk Management**; Malteser et al.; December 2013
- **Integrating climate change and urban risks into the VCA**; Ensure effective participatory analysis and enhanced community action; IFRC; Geneva; 2014.

PHỤ LỤC 5: GỢI Ý TÀI LIỆU BỔ SUNG CHO SỔ TAY HƯỚNG DẪN VCA

Dựa trên những nghiên cứu đánh giá và ba lần thử nghiệm tại tỉnh Quảng Bình, chúng tôi đưa ra những gợi ý cho việc điều chỉnh Sổ tay hướng dẫn VCA như dưới đây với mong muốn Hội CTĐ VN tiếp tục phát triển thêm. Những gợi ý bổ sung này bao gồm bốn phần như sau:

- Phần bổ sung 1: Gợi ý cho việc lồng ghép tốt hơn nhóm đặc thù vào VCA;
- Phần bổ sung 2: Lịch trình chuẩn để tổ chức thực hiện một VCA;
- Phần bổ sung 3: Bảng biểu bổ sung cho các công cụ đánh giá;
- Phần bổ sung 4: Mẫu báo cáo VCA.

Những gợi ý điều chỉnh bổ sung không nhằm mục đích thay thế tài liệu Hướng dẫn VCA của Hội CTĐ VN mà chỉ bổ sung Tài liệu. Phần bổ sung này cũng không lặp lại những hướng dẫn đã có trong Tài liệu của Hội CTĐVN, vì vậy việc đọc tài liệu Hướng dẫn của Hội CTĐ VN vẫn là điều cần thiết trước khi thực hiện đánh giá VCA.

PHẦN BỔ SUNG 1: LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐẢM BẢO TỐT VIỆC LỒNG GHÉP CÁC NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG TRONG VCA

Trong cộng đồng, một số nhóm người dân luôn là đối tượng dễ gặp rủi ro khi có thảm họa xảy ra hoặc do họ sống ở vùng dễ bị tác động, hoặc do thiếu năng lực phòng ngừa, ứng phó. Trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện đánh giá VCA đã nêu rõ những nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương gồm: Trẻ em, Phụ nữ, Người khuyết tật (NKT), Người già, Người nghèo và nhóm dân tộc ít người. Ở trang 30 trở đi trong Phần I và sau mỗi công cụ đánh giá ở Chương 7, Phần II của Tài liệu VCA cũng đã đưa ra gợi ý làm thế nào để nhóm dễ bị tổn thương tham gia vào quá trình đánh giá VCA. Sau đây là những gợi ý thêm cho phần lồng ghép giới và Người khuyết tật (NKT):

1. Gợi ý lồng ghép Người khuyết tật (NKT)

Người khuyết tật là nhóm người dễ bị tổn thương nhất trong cộng đồng, vì vậy tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng ngừa ứng phó thảm họa của họ cần được đánh giá và đưa vào báo cáo đánh giá VCA của cộng đồng. Hơn ai hết, chính Người khuyết tật hiểu rõ cần làm gì để giảm nhẹ rủi ro cho họ. Do trình trạng khuyết tật mà việc tham gia vào VCA của NKT có nhiều hạn chế hơn người không bị khuyết tật trong cộng đồng. Vì vậy, hướng dẫn viên VCA cần ý thức được điều này và tìm cách làm hiệu quả thiết thực nhất tạo điều kiện cho NKT có thể tham gia và cung cấp thông tin có giá trị cho VCA.

LÊN KẾ HOẠCH KỸ LƯỢNG:

- Trước khi đi xuống thực địa để đánh giá cần nắm những thông tin cơ bản liên quan đến NKT: Loại khuyết tật có ở cộng đồng, số NKT, nơi NKT sinh sống...
- Đừng quên dành thời gian để làm rõ mục đích thảo luận với NKT và sử dụng kết quả thảo luận. Cũng cần giành thời gian cần thiết cho việc đặt và trả lời câu hỏi, thảo luận và 'giúp họ học hỏi thêm' (VD: giải thích những khái niệm mới đối với NKT).
- Đảm bảo việc chọn nơi tổ chức thảo luận dễ tiếp cận đối với NKT. Luôn nhớ rằng, hầu hết NKT không thể ngồi lâu như người không khuyết tật, vì vậy thảo luận không nên kéo dài và cần bố trí chỗ ngồi phù hợp với các dạng tật và cần chọn phòng họp, nhà vệ sinh thuận lợi cho NKT. Bố trí cho người khiếm thính, khiếm thị ngồi hàng đầu.
- Trong khi thảo luận, những người có dạng tật khác nhau cần được mời phát biểu. Hãy để chính NKT tham gia thảo luận chọn ra người có khả năng làm đại diện cho họ để tham gia chia sẻ nhu cầu của NKT ở các cuộc họp cộng đồng.
- Nhu cầu và các giải pháp giảm rủi ro do NKT đề xuất phải được đưa vào báo cáo VCA.
- Mời đại diện của Hội NKT hoặc Phòng Lao động, Thương Binh, Xã Hội tham gia và hỗ trợ quá trình thực hiện VCA ở địa phương, đặc biệt vào giai đoạn chuẩn bị cho việc đánh giá và nên mời người đã qua tập huấn Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng và VCA.

CÂN BẰNG SỰ THAM THAM GIA:

- Thống nhất với người tham gia về những 'Nguyên tắc cơ bản nhất trước khi thảo luận. Nguyên tắc cơ bản có thể là mọi người đều có cơ hội như nhau để chia sẻ ý kiến của mình và rằng các thành viên tham gia cần tôn trọng ý kiến của nhau. Trong trường hợp NKT đặc biệt cần có người nhà tham gia thì cần thống nhất với người nhà của NKT là họ chỉ phát biểu ý kiến đại diện cho NKT khi thật sự cần thiết.
- Giải thích quy trình và đảm bảo mọi người đều hiểu rõ.
- Hỗ trợ những người nhút nhát và nhắc nhẹ những người 'cướp diễn đàn'.
- Tìm cách để mọi người tham gia làm chủ quá trình thảo luận (tự vẽ sơ đồ, tự dán biểu tượng vào biểu bảng...).
- Hãy để cho người tham gia có cơ hội đưa ra vấn đề, nhưng phải luôn đảm bảo thảo luận không sai chủ đề (theo đúng mục đích chính). Luôn chú ý đến tiến trình thảo luận đảm bảo thời gian cho các chủ đề cần thảo luận.
- Lấy thêm thông tin, nếu thảo luận đi chệch hướng, nhưng không được lái người tham gia theo ý chủ quan của mình.
- Đảm bảo hướng dẫn viên thông thạo tiếng bản ngữ hoặc cần có người phiên dịch và tránh dùng từ kỹ thuật (từ chuyên môn).

CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ:

- Công cụ đánh giá chính làm với NKT là Vẽ bản đồ và Thảo luận nhóm.
- Bản đồ hiểm họa là công cụ VCA quan trọng được sử dụng khi thảo luận với NKT vì công cụ này huy động được sự tham gia triệt để của NKT. Công cụ này có thể được thực hiện trước khi thực

- hiện vẽ sơ đồ hiểm họa của thôn nhằm đảm bảo được kết quả thảo luận và vẽ sơ đồ hiểm họa của NKT được đưa vào sơ đồ hiểm họa của thôn/xã.
- Tất cả NKT đều được mời tham gia để vẽ sơ đồ hiểm họa. Đối với NKT đặc biệt nghiêm trọng như thiếu năng trí tuệ, thần kinh hoặc trẻ em khuyết tật nặng, thì cần mời người nhà đại diện tham gia. Tuy vậy, trong quá trình thảo luận cần chú ý hỏi trực tiếp NKT càng nhiều càng tốt, tránh để cho người nhà NKT phát biểu quá nhiều, nếu thấy không cần thiết.
 - Hướng dẫn viên cần chuẩn bị trước những biểu tượng loại tật để dùng dán lên sơ đồ hiểm họa.
 - Thảo luận nên chú ý đến các chủ đề sau:
 - o Vùng nguy hiểm đối với NKT mà có thể không nguy hiểm đối với người không khuyết tật;
 - o Điểm mạnh, điểm yếu của NKT;
 - o Hộ gia đình có NKT cần trợ giúp cảnh báo sớm;
 - o Hộ gia đình có NKT cần hỗ trợ sơ tán sớm;
 - o Đường mà NKT đi đến nơi sơ tán.
 - Những bước thực hiện vẽ sơ đồ hiểm họa (được trích từ Tài liệu của Tổ chức Malteser về Lồng ghép hòa nhập NKT vào Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng¹⁹):
 - o Bước 1: Giải thích cho KT và người thân về mục đích vẽ sơ đồ hiểm họa và thông tin cần thu thập.
 - o Bước 2: Dùng bản đồ nền về thôn/xã có được từ bước thu thập thông cơ bản và yêu cầu NKT và đại diện gia đình kiểm tra lại thông tin có sẵn ở sơ đồ và điền thêm thông tin chi tiết theo yêu cầu của các bước tiếp theo.
 - o Bước 3: Hướng dẫn NKT và người thân vẽ nhóm thông tin cơ bản đầu tiên về đất sản xuất, hệ thống đường đi lại, cầu, sông, suối/kênh, loa truyền thanh và các phương tiện cảnh báo sớm khác, nhà của cán bộ quản lý thôn và đội ứng cứu khẩn cấp, nhà của NKT (dùng biểu tượng chỉ những khó khăn khác nhau trong việc đi sơ tán của NKT).
 - o Bước 4: Hướng dẫn NKT và người thân vẽ tiếp nhóm thông tin thứ hai: Vùng nguy hiểm đối với loại hiểm họa nào, vùng không tiếp cận được hệ thống truyền thanh cảnh báo sớm...
 - o Bước 5: Hướng dẫn NKT và người thân vẽ tiếp nhóm thông tin cuối cùng: Nhà của NKT có nhu cầu hỗ trợ cảnh báo sớm và sơ tán sớm, nơi sơ tán đến, đường và phương tiện hỗ trợ.
 - Chuẩn bị bảng kiểm thông tin cần thu thập để thảo luận với NKT. Chuẩn bị câu hỏi liên quan đến các hoạt động sinh kế và an toàn cộng đồng dùng phỏng vấn hộ gia đình có NKT. Câu hỏi ví dụ sau đây được trích từ Tài liệu của Tổ chức Malteser về Lồng ghép hòa nhập NKT vào Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng:
 - o Thôn có con sông nào không? Nếu có, xác định sông nằm vị trí nào trên sơ đồ? Hướng chảy hiện tại của các con sông theo hướng nào?
 - o Có bao nhiêu cái cầu? Vị trí nào? Thực trạng của cầu như thế nào?
 - o Thôn có nhà hai tầng kiên cố có thể làm nơi sơ tán khi có lũ lụt không? Có thể chứa được bao nhiêu người sơ tán đến?
 - o Nhà của trưởng/phó thôn... ở đâu?
 - o Thôn có đội ứng cứu khẩn cấp không? Nhà của thành viên đội ứng cứu nằm ở đâu?
 - o Nhà của Anh/Chị ở đâu? (hỏi từng NKT và giúp họ dán biểu tượng dạng tật chỉ định nhà của họ và những khó khăn cụ thể lên sơ đồ và xác định họ dán đúng vị trí nhà của họ).
 - o Thôn có hệ thống loa truyền thanh không? Nếu có, loa truyền thanh đặt ở đâu? Thực trạng loa truyền thanh như thế nào? Khi nào thì thôn phải sử dụng đến loa cầm tay, trống để cảnh báo?
 - o Vùng nào trong thôn không thể tiếp cận được hệ thống cảnh báo sớm công cộng? Vì sao?
 - o Nơi nào trong thôn là nơi trọng điểm thiên tai? Nơi sạt lở? Vì sao? Nơi ngập lụt (mức độ ngập cạn nhất và sâu nhất)? Vì sao? Nước lũ chảy theo hướng nào?
 - o Mối nguy hiểm đối với NKT khi phải sơ tán là gì ngoài khó khăn do dạng tật (do cầu cống, đường sá lồi lõm, ổ gà ...)
 - o Người khuyết tật cần được thông báo lũ bằng cách nào? (hỏi từng NKT tham gia) vì sao?
 - o Hộ gia đình có NKT nào không tự đưa NKT đi sơ tán được mà cần được hỗ trợ? Vì sao?
 - o Cần sơ tán đến nơi nào? Vì sao chọn nơi đó?
 - o Đường nào đi đến sơ tán tiện nhất? Vì sao?
 - o Phương tiện sơ tán nào thuận lợi nhất? Vì sao?

¹⁹Tài liệu Hòa nhập NKT vào Quản lý Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng; Tổ chức Malteser International et al.; tháng 11 năm 2013

2. Gợi ý về lồng ghép Giới

Thảm họa tác động đến với Phụ nữ và Nam giới khác nhau. Điều quan trọng là tìm ra được sự tác động khác nhau đó để có giải pháp giảm thiểu rủi ro thích hợp đáp ứng nhu cầu của nam và nữ. Vì thế, hướng dẫn viên VCA phải biết làm thế nào để đảm bảo được sự tham gia đầy đủ của cả nam và nữ trong đánh giá VCA:

- Hướng dẫn viên biết và hiểu được tiếng địa phương và tránh dùng các thuật ngữ chuyên môn.
- Một số công cụ đánh giá cần được tổ chức thảo luận nhóm nam riêng, nữ riêng nhằm nắm được nhu cầu và nhìn nhận về mối hiểm họa mà họ quan tâm, tính dễ bị tổn thương và rủi ro đối với nam và nữ.
- Chú ý đến những khác biệt giữa nam và nữ khi phân tích sinh kế:
 - Nam và nữ chịu những rủi ro như nhau trong việc tiếp cận nguồn tài nguyên tự nhiên cho các hoạt động sinh kế không?
 - Những rủi ro về sinh kế mà nam và nữ phải đương đầu là gì? Khối lượng công việc mà nam và nữ phải làm trước, trong và sau thiên tai có giống nhau không?
 - Mức trả công lao động cho nam và nữ khác nhau như thế nào? Nam và nữ có được trả lương như nhau khi họ cùng làm một công việc không?
 - Nếu nam giới đi làm ăn xa, thì việc đó tác động thế nào đến công việc nhà và xã hội mà phụ nữ phải gánh vác?
 - Nếu phụ nữ phải đi kiếm ăn xa, thì việc đó tác động thế nào đến gia đình chồng con của họ?
 - Có chứng cứ nào cho thấy phụ nữ đang phải làm những công việc có nguy cơ rủi ro cao (ví dụ như làm việc trong môi trường không an toàn)?
 - Nam và nữ có thể có lựa chọn hình thức bảo hiểm lao động không?
 - Trong cộng đồng có cơ chế hỗ trợ nào không (ví dụ: tiết kiệm của nhóm phụ nữ, quỹ dự phòng của phụ nữ...)?

PHẦN BỔ SUNG 2: CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ VCA

Chương trình thực hiện đánh giá VCA đưa ra sau đây nhằm đảm bảo:

- Có đủ thời gian và tập trung được việc thu thập thông tin thứ cấp là phần mà được coi là quan trọng giúp có được bức tranh chung về địa phương nơi thực hiện đánh giá VCA.
- Nên tổ chức thảo luận nhóm không quá đông người để đảm bảo việc chia sẻ thông tin được sâu hơn. Tuy nhiên, điều đó có nghĩa là cần chọn người tham gia có khả năng đại diện được cho nhóm người hay cộng đồng (xem hướng dẫn ở những cột cuối cùng ở bảng sau).
- Thảo luận nhóm đặc thù cần đảm bảo các nhóm khác nhau trong cộng đồng đều có cơ hội tham gia và chia sẻ ý kiến và ý kiến của họ đều được cân nhắc như nhau.

Số lượng hướng dẫn viên thực hiện: 6 hướng dẫn viên VCA

Số trợ lý hướng dẫn viên: Ít nhất là 3 cán bộ hỗ trợ địa phương

Thời gian cần cho việc hoàn thiện VCA: 7 ngày

Chương trình:

Ngày	Buổi	Nội dung	Địa điểm	Thành phần
Trước ít nhất 7 ngày		Vận động chính sách và thu thập thông tin thứ cấp	UBND xã	Lãnh đạo UBND xã, các ban ngành đoàn thể
1	Sáng	- Khai mạc - Nghe báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế xã hội - SWOT - Kiểm chứng SWOT	Phòng họp UBND xã	- Nhóm HDV và cán bộ hỗ trợ địa phương, - Đại diện các ban, ngành, đoàn thể cấp xã - Đại diện Hội người khuyết tật (nếu có) - Trưởng thôn - 25 – 30 người
	Chiều	- Bản đồ - Thông tin lịch sử - Phỏng vấn trưởng các ban ngành	Phòng họp UBND xã	- Nhóm HDV và cán bộ hỗ trợ địa phương, - Đại diện các ban, ngành, đoàn thể cấp xã - Đại diện Hội người khuyết tật (nếu có) - Trưởng thôn - 25 – 30 người
2	Sáng	Nhóm khuyết tật: 1. Bản đồ 2. Thảo luận nhóm nhằm xác định rủi ro và các giải pháp (Nhóm HDV chuẩn bị sẵn các câu hỏi định hướng liên quan)	Nhà văn hóa 3 cụm thôn	Tại mỗi cụm thôn: - 15 người khuyết tật, đảm bảo yêu cầu: + Đa dạng khuyết tật + Tối thiểu 40% là nữ + Khuyết tật trí tuệ mời thêm người nhà - Đại diện của hội bảo trợ người khuyết tật/hội người khuyết tật tại địa phương
	Chiều	Nhóm cộng đồng: 1. Thông tin lịch sử 2. Bản đồ	Nhà văn hóa 3 cụm thôn	- 17 người, đảm bảo + Ít nhất 40 % là nữ, + Có 2 đại diện từ nhóm khuyết tật, + Đại diện người dân tham gia các hoạt động sinh kế khác nhau + Độ tuổi từ 20 – 50.
3	Sáng	Nhóm cộng đồng (tiếp): 3. Lịch mùa vụ 4. Phân tích sinh kế 5. Sơ đồ Venn	Nhà văn hóa 3 cụm thôn	- 17 người, đảm bảo + Ít nhất 40 % là nữ, + Có 2 đại diện từ nhóm khuyết tật, + Đại diện người dân tham gia các hoạt động sinh kế khác nhau + Độ tuổi từ 20 – 50.
	Chiều	Nhóm cộng đồng (tiếp): 6. Xếp hạng	Nhà văn hóa 3 cụm thôn	- 17 người, đảm bảo + Ít nhất 40 % là nữ,

		7. Cây vấn đề 8. Lên kế hoạch chuyển đổi		+ Có 2 đại diện từ nhóm khuyết tật, + Đại diện người dân tham gia các hoạt động sinh kế khác nhau + Độ tuổi từ 20 – 50.
4	Sáng	Người lớn tuổi: 1. Thông tin lịch sử 2. Vẽ bản đồ 3. Xếp hạng rủi ro 4. Thảo luận các giải pháp	Nhà văn hóa 3 cụm thôn	- 15 người: ít nhất 40% là nữ, có độ tuổi từ 60 trở lên
	Chiều	Phụ nữ: 1. Lịch mùa vụ 2. Sinh kế 3. Xếp hạng rủi ro 4. Cây vấn đề 5. Lên kế hoạch chuyển đổi	Nhà văn hóa 3 cụm thôn	- 15 phụ nữ: ở các độ tuổi và trình độ khác nhau, có người là phụ nữ đơn thân và phụ nữ có con nhỏ
5	Sáng	Trẻ em: 1. Vẽ bản đồ 2. Xếp hạng rủi ro 3. Giải pháp	Nhà văn hóa 3 cụm thôn	- 15 trẻ em: 8 nam, 7 nữ, có độ tuổi từ 8 – 14 tuổi
	Chiều	- Tổng hợp thông tin - Quan sát + phỏng vấn nhóm DBTT	Phòng họp UBND xã hoặc khách sạn	- Nhóm HDV và cán bộ hỗ trợ địa phương,
6	Sáng	Viết báo cáo (chia nhóm)		- Nhóm HDV và cán bộ hỗ trợ địa phương,
	Chiều	Thu thập thông tin bổ sung	Phòng họp UBND xã	- Nhóm HDV và cán bộ hỗ trợ địa phương, - Lãnh đạo xã, đại diện ban, ngành có liên quan
7	Sáng	Hoàn chỉnh báo cáo	Phòng họp UBND xã hoặc khách sạn	- Nhóm HDV
	Chiều	Báo cáo kết quả VCA	Hội trường UBND xã	- Lãnh đạo UBND xã, các ban ngành đoàn thể - Đại diện UBND huyện - 30 người dân các thôn (có sự tham gia của người khuyết tật, người già, trẻ em, phụ nữ) - Đại diện của Hội bảo trợ người khuyết tật hay Hội người khuyết tật ở địa phương

Lưu ý về: Sự tham gia của chính quyền địa phương

Điều hết sức quan trọng là mời được đại diện của chính quyền địa phương tham gia vào quá trình đánh giá VCA nhằm để đảm bảo địa phương sử dụng kết quả VCA và tiếp nối các hoạt động sau VCA. Quá trình tham gia sẽ giúp hiểu được 'vì sao' cần VCA và VCA được thực hiện như thế nào, kết quả của VCA giúp gì cho địa phương. Việc tham gia đầy đủ xuyên suốt quá trình đánh giá của chính quyền địa phương là điều rất cần thiết và nên:

- Giải thích kỹ lưỡng về khái niệm và quy trình đánh giá VCA
- Mời cán bộ địa phương tham gia vào từng bước thực hiện VCA
- Giải thích rõ tầm quan trọng của việc vì sao chính quyền cần tham gia vào quá trình đánh giá VCA.
- Cần dành thời gian để lắng nghe ý kiến của đại diện chính quyền và trả lời câu hỏi của họ.
- Hãy chọn cách hữu ích nhất để thúc đẩy và lôi cuốn chính quyền vào quá trình đánh giá VCA.
- Sau khi kết thúc VCA, hãy dành thời gian trao đổi với chính quyền địa phương về bước tiếp theo và cam kết của họ đối với việc sử dụng kết quả VCA.

Không chỉ riêng chính quyền cấp xã (thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN) mà kể cả Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện cũng cần được mời tham gia (và kể cả cấp tỉnh) vì:

- Có khi những giải pháp đề xuất vượt quá năng lực thực hiện của cấp xã. Nếu chính quyền cấp huyện tham gia vào quá trình đánh giá VCA thì họ sẽ cân nhắc việc hỗ trợ cho xã thực hiện.
- Nhiều khi một vấn đề (hoặc giải pháp) không chỉ riêng của địa phương đó mà có liên quan đến cả các địa phương khác thì huyện, tỉnh giúp chỉ rõ những điểm tương đồng và cơ hội của các địa phương lân cận. Ví dụ: 1) vấn đề về lũ lụt cần có sự phối hợp với xã vùng đầu nguồn mới giải quyết được, 2) một vài vấn đề đã được xã lân cận có biện pháp giải quyết tốt mà địa phương này cần học hỏi kinh nghiệm để áp dụng, 3) có thể một vấn đề liên quan đến nhiều xã mà khi giải quyết cần có sự phối hợp và huy động nguồn lực của nhau.

Trong trường hợp đại diện huyện, tỉnh không thể tham gia ngay từ đầu, thì tối thiểu cũng tham gia được vào ngày thứ 7, ngày cuối của đợt đánh giá VCA.

PHẦN BỔ SUNG 3: BIỂU MẪU BỔ SUNG CHO CÔNG CỤ VCA

Dựa vào kết quả đánh giá, các biểu mẫu của công cụ VCA đưa ra trong tài liệu Hướng dẫn VCA được điều chỉnh, với mục đích góp phần cải thiện những vấn đề sau:

- 1) Ít công cụ hơn;
- 2) Biểu mẫu phân tích thông tin tốt hơn.

1) ÍT CÔNG CỤ HƠN

Bảng việc sử dụng ít công cụ VCA hơn, mỗi công cụ sẽ có nhiều thời gian để thực hiện hơn. Điều này sẽ giúp cho việc thảo luận sâu hơn và có sự tham gia tốt hơn của mọi người. Đồng thời, thời gian để phân tích thông tin cũng nhiều hơn (xin xem bên dưới). Do đó, trong bảng dưới đây, một số công cụ hiện nay đang được sử dụng trong đánh giá VCA có thể ít được ưu tiên hơn. Những công cụ ít được ưu tiên chỉ nên được sử dụng nếu như nó không gây ảnh hưởng đến chất lượng của việc tiến hành những công cụ (ưu tiên hơn) khác và nếu như thật sự cần thiết phải bổ sung những thông tin đã thu thập. Tuy nhiên, chúng tôi khuyên chỉ nên sử dụng những công cụ ưu tiên và vì thế tài liệu này không đi sâu giải quyết những công cụ ít được ưu tiên.

TT	Công cụ	Ưu tiên	Ít ưu tiên
1	Nghiên cứu tài liệu thứ cấp	X	
2	Quan sát trực tiếp	X (Quan sát trực tiếp kết hợp khi thực hiện công cụ Vẽ bản đồ)	
3	Thảo luận nhóm trọng tâm	(Công cụ này không phải là công cụ độc lập mà tất cả các công cụ khác khi thực hiện đều áp dụng thảo luận nhóm)	
4	Vẽ bản đồ	X (tiến hành công cụ Thông tin lịch sử trước)	
5	Điều tra cát ngang		X
6	Thông tin lịch sử	X (Tiến hành trước khi Vẽ bản đồ)	
7	Hình dung và phác họa lịch sử bằng hình ảnh		X
8	Lịch mùa vụ	X	
9	Sơ đồ Venn	X	
10	SWOT	X	
11	Phân tích sinh kế	X	-
12	Cây vấn đề	X (tiến hành công cụ Xếp hạng trước)	
13	Xếp hạng	X (tiến hành trước khi thực hiện Cây vấn đề)	
14	Lên kế hoạch Logframe	X	

2) CÁC BIỂU MẪU TỐT HƠN CHO VIỆC THU THẬP VÀ TỔNG HỢP THÔNG TIN

Với mỗi công cụ thu thập thông tin, hai biểu mẫu sẽ được đưa ra: một dùng cho việc thu thập thông tin, một dùng cho việc tổng hợp thông tin. Một số Bảng biểu được lấy từ tài liệu Đánh giá Rủi ro Thiên tai dựa vào Cộng đồng (CBDRA) của Chính phủ Việt Nam (ví dụ: Bảng biểu thu thập Thông tin chung). Những biểu mẫu này sẽ giúp cho các hướng dẫn viên trong việc báo cáo các thông tin thu thập được một cách súc tích, và đưa ra hướng dẫn cho việc phân tích những thông tin này. Trong nhiều Bảng

biểu đã ghi rõ tham khảo về BDKH và nhóm DBTT. Cả hai loại biểu mẫu này đều cần được điền trong quá trình tiến hành VCA, cùng với những người tham gia.

Trong một số trường hợp, chúng tôi đưa ra thêm một biểu mẫu để giúp có cái nhìn tổng quan về những kết quả thu được từ các nhóm. Những biểu này cần được điền bởi các hướng dẫn viên sau khi đã thu thập xong tất cả các kết quả từ các công cụ VCA.

Các bảng biểu do hướng dẫn viên hay những người tham gia thảo luận điền thông tin đầy đủ (với sự hỗ trợ của hướng dẫn viên) được phân biệt bằng 2 màu: Bảng biểu màu xanh da trời giành cho thảo luận với người tham gia còn Bảng biểu màu xanh lá cây giành cho hướng dẫn viên tổng hợp thông tin từ kết quả thảo luận với những người tham gia.

Những lưu ý quan trọng:

- Tất cả các thông tin (tóm tắt) thu thập trong các biểu mẫu dưới đây cần được lồng ghép vào phần phụ lục của báo cáo VCA cuối cùng. Chi tiết xin xem trong biểu mẫu Báo cáo VCA (Phần bổ sung 4).
- Các biểu mẫu phân tích thông tin cần được điền trực tiếp vào những phần giống như trong biểu thu thập thông tin. Điều này có nghĩa là việc phân tích thông tin được thực hiện với sự tham gia của những người tham dự mà không chỉ bởi hướng dẫn viên.
- Thứ tự của các công cụ dưới đây hơi khác với thứ tự trình bày trong tài liệu hướng dẫn VCA. Chúng tôi khuyên nên theo thứ tự trình bày ở tài liệu này:
 1. Nghiên cứu tài liệu thứ cấp
 2. SWOT
 3. Thông tin lịch sử
 4. Vẽ bản đồ
 5. Lịch mùa vụ
 6. Phân tích sinh kế
 7. Xếp hạng
 8. Cây vấn đề
 9. Sơ đồ Venn
 10. Lên kế hoạch theo khung Logic

Tính dễ bị tổn thương và khả năng nên được phân tích theo 5 lĩnh vực: Sinh kế, Điều kiện sống, Sự tự bảo vệ, Bảo vệ của xã hội và Tổ chức xã hội. Trong từng lĩnh vực, cần xét đến 3 yếu tố: vật chất, tổ chức/xã hội, thái độ/kinh nghiệm/động cơ. Xin xem thêm trong phụ lục ở phần bổ sung 3 này.

1) Công cụ thu thập thông tin: Nghiên cứu tài liệu thứ cấp

Lưu ý

Trình bày tài liệu thứ cấp theo dạng tường thuật dẫn đến việc các tài liệu dài dòng, khó cho việc tìm kiếm các thông tin liên quan. Vì vậy, biểu này chỉ sử dụng các bảng. Các bảng dưới đây được lấy từ Hướng dẫn Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRA) của Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, với một số thay đổi/bổ sung nhỏ.

Các thông tin thứ cấp này nên được thu thập trước để hướng dẫn viên có thời gian nghiên cứu. Đồng thời, trong quá trình nghiên cứu tài liệu thứ cấp, nếu bất kỳ thông tin nào bị thiếu hoặc không rõ ràng, các hướng dẫn viên nên xác minh lại với chính quyền địa phương ngay trong buổi họp đầu tiên với họ.

1.1 Mẫu thu thập thông tin

Xã:	
Huyện:	
Tỉnh:	

1.1.1 Thông tin địa lý

Chủ đề	Mô tả cụ thể, ngắn gọn
Ranh giới và vị trí địa lý	
Địa hình	
Đường giao thông và sông suối	
Những thông tin liên quan khác	

1.1.2 Dân số

#	Thôn ²⁰	Số hộ	Số khẩu	Số phụ nữ	Số nam giới	Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương				
								Người cao tuổi (>60 tuổi)	Trẻ em	Phụ nữ có thai /phụ nữ có con nhỏ <12 tháng tuổi	Người khuyết tật ²¹	Người bị bệnh hiểm nghèo

²⁰Tùy thuộc vào từng khu vực có thể dùng các từ tương đương như ấp, bản

²¹ Nên thu thập thêm một danh sách người khuyết tật kèm theo độ tuổi, giới tính và dạng khuyết tật để lựa chọn đối tượng tham gia vào buổi họp

1.													
2.													
3.													
4.													
5.													
6.													
7.													
8.													
9.													
10.													
11.													
12.													
13.													
14.													
15.													
	Tổng số												

1.1.3 Sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên)²²

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Mô tả thực trạng sử dụng đất ²³
1	Diện tích phi nông nghiệp		
2	Diện tích đất nông nghiệp		
	Đất trồng lúa		
	Đất trồng hoa màu		
	Đất trồng cây lâu năm		
	Đất rừng đặc dụng		
	Đất rừng phòng hộ		
	Đất rừng sản xuất		
	Đất làm muối		
	Đất nuôi trồng thủy sản		
	Đất hoang hóa ²⁴		

²² Hiện trạng sử dụng đất có thể thu thập từ phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện

²³ Mô tả chi tiết các loại đất như diện tích đất lúa 2 vụ, đất lúa 1 vụ, đất trồng các loại cây khác nhau.

²⁴ Trong phần mô tả chỉ ra lý do đất bị hoang hóa

3	Đất dự phòng cho kế hoạch cụ thể		
	Khác:...		
	Tổng diện tích toàn xã		

1.1.4 Các hoạt động sản xuất kinh tế

STT	Các hoạt động sản xuất kinh tế	Diện tích/Quy mô ²⁵	Số hộ (% Hộ) tham gia	Thu nhập trung bình (người/năm)
1	Trồng trọt a. Cây hàng năm - Cây lương thực (lúa, ngô, khoai...) - Cây công nghiệp hàng năm (mía, cói, đay...) - Cây thực phẩm và rau đậu (hoa màu) - Cây dược liệu hàng năm b. Cây lâu năm - Cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê...) - Cây ăn quả - Cây dược liệu (quế...)			
2	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm - Thủy hải sản			
3	Lâm nghiệp			
4	Đánh bắt thủy hải sản			
5	Tiểu thủ công nghiệp			
6	Buôn bán nhỏ/ dịch vụ			
7	Khác			

1.1.5 Cơ sở hạ tầng

TT	Hạ tầng cơ sở	Thực trạng	Chú giải ²⁶
----	---------------	------------	------------------------

²⁵ Quy mô: cá thể/hộ gia đình hay hợp tác xã

²⁶ Cơ sở hạ tầng nào có thể sử dụng làm nơi tránh trú

1.	Điện		
2.	Đường giao thông		
3.	Trường học: - Mẫu giáo - Tiểu học - Trung học cơ sở		
4.	Trạm y tế		
5.	Trụ sở Ủy ban nhân dân		
6.	Nhà văn hóa/ Nhà họp cộng đồng		
7.	Cơ sở tôn giáo (chùa, nhà thờ)		
8.	Chợ		
9.	Hệ thống truyền thanh		
10.	Nhà máy nước/ Hệ thống nước sạch		
11.	...		

1.1.6 Nhà ở²⁷

No	Thôn	Số hộ	Số lượng nhà kiên cố ²⁸	Số lượng nhà bán kiên cố (cấp 4)	Số lượng nhà tạm (nhà ở đơn sơ và nhà thiếu kiên cố)
1					
2					
3					
	Tổng số				

1.1.7 Nước sạch, sức khỏe, vệ sinh và môi trường

Thôn	Tổng số hộ	Nguồn nước sinh hoạt* (Số hộ)			Nhà vệ sinh (Số hộ)		
		Nước giếng	Nước máy	Khác ²⁹ ...	Tự hoại	Tạm	Không có
	Tổng số						

²⁷ Theo định nghĩa của Tổng cục thống kê

²⁹ Nước mưa, nước tự chảy, ao hồ, sông suối

1.1.8 Y tế (Những dịch bệnh liên quan đến thiên tai/thảm họa)

Loại bệnh ³⁰	Số người bị ảnh hưởng ³¹						Khu vực bị ảnh hưởng nhiều nhất và lý do/ghi chú
	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Người già	Người khuyết tật	Người bị bệnh hiểm nghèo	

1.1.9 Công tác phòng chống thiên tai/thảm họa tại địa phương

Chủ đề	Mô tả
Ban Chỉ huy PCTT và TKCN (cấu trúc/thành phần và nhiệm vụ)	
Sự phối hợp giữa các tổ chức ban ngành đoàn thể trong phòng tránh thiên tai thảm họa	
Các kế hoạch/phương án đã có liên quan đến quản lý thiên tai/thảm họa	
Các công trình, phương tiện sẵn có liên quan đến phòng tránh thiên tai/thảm họa:	
- Trang thiết bị dùng trong quản lý thiên tai/thảm họa (áo phao, phương tiện vận chuyển...)	
- Trang thiết bị truyền thông (loa, điện thoại, hệ thống truyền thanh, ti vi, biển báo, hiệu lệnh (kểng, trống)...).	
- Các công trình phòng chống thiên tai/thảm họa (hồ, đập, cầu cống, kè đường, nơi tránh trú...).	

³⁰ Các bệnh liên quan đến tiêu hóa (tiêu chảy), mắt (đau mắt đỏ), đường hô hấp (viêm đường hô hấp), da liễu, phụ khoa, sốt rét, sốt xuất huyết...

³¹ Dựa vào số liệu gần nhất

1.1.10 Dự báo những thay đổi tại địa phương

Lĩnh vực	Xu hướng ³² (quan sát được hoặc dự đoán)
Thiên tai	
Nông nghiệp	
Lâm nghiệp	
Thủy sản	
Tiểu thủ công nghiệp	
Dịch vụ / Buôn bán nhỏ	
Sức khỏe	
Tài nguyên - Đất - Nước - Rừng	
Nước biển dâng	
Khác:	

2) Công cụ phân tích thông tin VCA: SWOT

Lưu ý

Công cụ SWOT được sử dụng với chính quyền địa phương. Không cần thiết phải sử dụng công cụ này trong các phần làm việc với cộng đồng ở địa phương. Biểu mẫu dưới đây được lấy từ tài liệu Hướng dẫn VCA và thêm một phần nhắc nhở để đảm bảo trong phần “Cơ hội” và “Thách thức” các xu hướng và những thay đổi liên quan đến BĐKH được tính đến. Trong khi Hội CTĐ VN sử dụng các khái niệm ‘Sinh kế’, ‘Điều kiện sống’, ‘Sự tự bảo vệ’, ‘Sự bảo vệ của xã hội’, ‘Tổ chức xã hội/chính quyền’, trong tài liệu CBDRA Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai lại sử dụng bộ khái niệm khác, cụ thể là ‘An toàn cộng đồng’, ‘Sức khỏe, vệ sinh, môi trường’, ‘Các hoạt động sản xuất kinh tế’. Biểu mẫu dưới đây sử dụng hệ thống của Hội CTĐ VN, tuy nhiên vẫn có thể sử dụng theo các khái niệm của CBDRA miễn là áp dụng nhất quán trong quá trình đánh giá VCA.

2.1 Biểu mẫu

ĐIỂM MẠNH / NĂNG LỰC của cộng đồng về:	ĐIỂM YẾU / TÍNH DBTT của cộng đồng về:

³² Xu hướng: tính chất, mức độ đã thay đổi ra sao (tốt lên hoặc xấu đi)...

<ul style="list-style-type: none"> - Sinh kế: - Điều kiện sống: - Sự tự bảo vệ/gia đình: - Sự bảo vệ của cộng đồng: - Tổ chức xã hội/chính quyền: 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh kế: - Điều kiện sống: - Sự tự bảo vệ/gia đình: - Sự bảo vệ của cộng đồng: - Tổ chức xã hội/chính quyền:
CƠ HỘI của cộng đồng để cải thiện/tận dụng:	THÁCH THỨC / TÁC ĐỘNG của hiểm họa đối với:
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh kế: - Điều kiện sống: - Sự tự bảo vệ/gia đình: - Sự bảo vệ của cộng đồng: - Tổ chức xã hội/chính quyền: <p><i>(Kèm theo xu hướng, dự đoán, tiềm năng và các yếu tố mới thúc đẩy phát triển KT-XH, cũng như những thay đổi chẳng hạn như liên quan đến BĐKH)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh kế: - Điều kiện sống: - Sự tự bảo vệ/gia đình: - Sự bảo vệ của cộng đồng: - Tổ chức xã hội/chính quyền: <p><i>(Kèm theo xu hướng, dự đoán, các yếu tố mới bất lợi cho phát triển KT-XH, cũng như những thay đổi chẳng hạn như liên quan đến BĐKH)</i></p>

3) Công cụ thu thập thông tin VCA: Thông tin lịch sử thiên tai/thảm họa

Lưu ý

Biểu mẫu Thông tin lịch sử trong Tài liệu Hướng dẫn VCA được điều chỉnh thu thập các thông tin chi tiết (bản cũ chỉ có năm, thảm họa/thiên tai, tác động, cơ chế ứng phó).

Hướng dẫn viên nên đảm bảo hoàn thành việc thu thập thông tin thứ cấp trước, để khi có những thông tin trên giấy có sự khác biệt với thông tin do người dân cung cấp, hướng dẫn viên có thể làm rõ ngay (với mục đích hiểu biết hơn về tình hình địa phương chứ không phải để sửa người tham gia).

Thông tin lịch sử có thể được sử dụng để hỗ trợ việc thảo luận về xu hướng của sinh kế, sức khỏe... và thảo luận về nguyên nhân. Biểu mẫu do đó nên được điều chỉnh tương ứng. Thông tin lịch sử nên lấy từ 5 – 10 năm trở lại đây.

3.1 Biểu mẫu thu thập thông tin

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật							
Thôn/cụm thôn:.....							
Năm (tháng) (1)	Loại thảm họa và đặc điểm (thiên tai và loại khác ³³) (2)	Tần suất và Thời gian xuất hiện, kéo dài (3)	Nơi bị ảnh hưởng nhất (4)	Loại thiệt hại, mức độ (5)	Nơi và người bị ảnh hưởng nhất ³⁴ (6)	Nguyên nhân (7)	Cộng đồng đã làm gì Trước, Trong và Sau thảm họa? (8)

3.2 Mẫu tổng hợp thông tin

Bảng dưới đây giúp cho các hướng dẫn viên tóm tắt và kết luận trong Biểu mẫu thu thập thông tin của công cụ Thông tin lịch sử. Bảng tổng hợp nên được hoàn thành cùng với những người tham gia trong công cụ này. Các con số trong đầu mục của Bảng tổng hợp này là từ các cột trong bảng thu thập thông tin trên.

Thảo luận về xu hướng quan sát được nên làm với tất cả các cột. Theo cách này, các phần thảo luận sẽ khơi gợi được những việc người dân có thể làm để thích ứng, điều chỉnh với những xu hướng đó.

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật						
Thôn:						
Thảm họa (từ cột 1, 2)	Tần suất và Thời gian xuất hiện, kéo dài (từ cột 3)	Nơi bị ảnh hưởng nhất (từ cột 4)	Thiệt hại chính (vấn đề cần quan tâm) (từ cột 5)	Người bị ảnh hưởng nhiều nhất (từ cột 6)	Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại (tình trạng DBTT) (từ cột 7)	Những việc làm hiệu quả (năng lực ứng phó của địa phương) (từ cột 8)

³³Thời gian xuất hiện, kéo dài, mức độ và các đặc điểm khác...

³⁴ Xác định số hộ bị thiệt hại và nhóm DBTT.

Xu hướng quan sát được: (Loại thảm họa)	Xu hướng quan sát được: (Tần suất và thời gian kéo dài)	Xu hướng quan sát được: (Khu vực bị ảnh hưởng)	Xu hướng quan sát được: (Thiệt hại chính)	Xu hướng quan sát được: (Người bị ảnh hưởng)	Xu hướng quan sát được: (Tình trạng DBTT)	Xu hướng quan sát được: (Năng lực)

Ngoài ra, hướng dẫn viên có thể đã hỏi người tham gia thực hiện xếp hạng loại thiên tai/hiểm họa mà cộng đồng quan tâm nhất, nếu thời gian cho phép.

3.3 Biểu mẫu tóm tắt thông tin – chỉ được điền bởi các hướng dẫn viên

Để tóm tắt thông tin, các kết quả từ các nhóm khác nhau có thể gộp lại một cách đơn giản vào bảng dưới đây và loại bỏ đi những thông tin lặp lại. Các cột 'Khu vực bị ảnh hưởng nhất' và 'Người bị ảnh hưởng nhất' sẽ giúp chỉ ra sự khác biệt giữa các thôn và các nhóm.

Xã:						
Thảm họa (1)	Tần suất và Thời gian xuất hiện, kéo dài (2)	Nơi bị ảnh hưởng nhất (3)	Thiệt hại chính (vấn đề cần quan tâm) (4)	Người bị ảnh hưởng nhiều nhất (5)	Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại (tình trạng DBTT) (6)	Những việc làm hiệu quả (năng lực ứng phó của địa phương) (7)
Xu hướng quan sát được: (Loại thảm họa)	Xu hướng quan sát được: (Tần suất và thời gian kéo dài)	Xu hướng quan sát được: (Khu vực bị ảnh hưởng)	Xu hướng quan sát được: (Thiệt hại chính)	Xu hướng quan sát được: (Người bị ảnh hưởng)	Xu hướng quan sát được: (Tình trạng DBTT)	Xu hướng quan sát được: (Năng lực)

4) Công cụ thu thập thông tin VCA: Vẽ bản đồ

Lưu ý

Vẽ bản đồ là một công cụ rất hữu hiệu và có thể sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau. Công cụ này nên được sử dụng ở cấp thôn và với nhiều nhóm tập trung khác nhau:

- Phụ nữ
- Trẻ em
- Người lớn tuổi
- Người khuyết tật
- Nhóm hỗn hợp (những người đại diện cho các hoạt động sinh kế khác nhau)

Nếu như thời gian cho phép, hoạt động vẽ bản đồ có thể kết hợp với quan sát trực tiếp (công cụ VCA ít ưu tiên). Giữa công cụ vẽ bản đồ và phân tích bản đồ, hướng dẫn viên có thể hỏi 2- 3 người trong nhóm dẫn đi xung quanh và chỉ những vấn đề đưa ra trong quá trình vẽ. Điều này giúp cho các hướng dẫn viên hiểu rõ hơn vấn đề người dân đưa ra.

Sau khi hoàn thiện, hướng dẫn viên chụp lại bản đồ để đưa vào báo cáo. Bản đồ có thể dùng tham khảo khi thực hiện các công cụ VCA khác. Khi đã thực hiện xong các công cụ VCA, bản đồ nên được để lại thôn/xã và nên được treo tại những khu vực công cộng. Việc này giúp người dân nhớ về hoạt động VCA và nhắc nhở họ tiếp nối các kết quả VCA.

4.1 Biểu mẫu thu thập thông tin

Bản đồ nền không nhất thiết phải đúng tọa độ địa lý, miễn là sử dụng được và dễ hiểu để thảo luận. Tuy nhiên, nên sử dụng bản đồ hành chính (nếu có) để làm bản đồ nền để không cần phải hiệu chỉnh sau này và tập trung thời gian vào thảo luận sơ đồ hiểm họa.

Thông tin trên bản đồ nên tránh những thông tin chung chung. Ví dụ, thay vì chỉ ra khu vực nguy hiểm khi ngập lụt xảy ra thì chỉ ra khoảng thời gian (những khu vực bị ngập trong vòng 2 ngày, 3-4 ngày, v.v...) và/hoặc các mức độ ngập khác nhau (1m, 1.5m, v.v...).

Ngoài ra, bản đồ cũng nên chỉ ra những hiểm họa do con người gây ra chẳng hạn như an toàn giao thông (ví dụ như những khu vực dễ xảy ra tai nạn giao thông – đặc biệt đối với học sinh đến trường), dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, và những thay đổi môi trường lớn (chẳng hạn như khu vực chặt phá rừng, vùng ngập, xói mòn, v.v...).

Sau khi bản đồ được hoàn thành, (nếu có thời gian) hướng dẫn viên có thể hỏi 2 – 3 người trong nhóm làm việc dẫn đi xung quanh và chỉ ra những khu vực có vấn đề mà người dân đưa ra trong quá trình vẽ. Điều này giúp cho hướng dẫn viên hiểu rõ hơn vấn đề được đưa ra và có thể phân tích thông tin tốt hơn.

4.2 Mẫu tổng hợp thông tin

Khi bản đồ được hoàn thành, hướng dẫn viên nên tóm tắt thông tin vào bảng sau (cùng với cả nhóm). Một người có thể điền thông tin vào bản trong quá trình vẽ bản đồ, để thúc đẩy việc thảo luận đưa ra những ý tưởng mới đưa vào bản đồ.

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật				
Thôn:				
Hiểm họa (1)	Vùng hiểm họa ³⁵ (2)	Năng lực (3)	Tính DBTT (4)	Rủi ro thảm họa (5)
Hiểm họa tự nhiên (Thiên tai):				
Hiểm họa khác (Ví dụ: tai nạn giao thông, dịch bệnh...)				

4.3 Biểu mẫu tóm tắt thông tin – chỉ được điền bởi hướng dẫn viên

Tóm tắt các thông tin của các nhóm bằng việc kết hợp các thông tin từ các bảng tổng hợp thông tin vào bảng dưới đây, loại bỏ những ý trùng lặp.

Xã:				
Hiểm họa (1)	Vùng hiểm họa (2)	Năng lực (3)	Tính DBTT (4)	Rủi ro thảm họa (5)
Thiên tai:				
Hiểm họa khác (Ví dụ: tai nạn giao thông, dịch bệnh...)				

³⁵Xác định các khu vực bị ảnh hưởng với các mức độ khác nhau theo từng loại thiên tai

5) Công cụ thu thập thông tin VCA: Lịch mùa vụ

Lưu ý

Biểu mẫu cho lịch mùa vụ được điều chỉnh để thu thập những thông tin chi tiết hơn về rủi ro và xu hướng (Biểu mẫu cũ bao gồm các thông tin về các loại cây trồng, các hoạt động xã hội, thiên tai/thảm họa và các tháng trong năm). Bằng việc tập trung vào các hoạt động sản xuất kinh tế thay vì các loại cây trồng, biểu mẫu phù hợp với việc phân tích các loại hình sinh kế khác nhau. Các nhóm tiến hành công cụ này nên mời những người đại diện cho các hoạt động kinh tế khác nhau.

Biểu mẫu đề xuất cũng chú trọng vào những xu hướng. Điều này tạo điều kiện cho các hướng dẫn viên VCA thảo luận liệu các hiểm họa thay đổi như thế nào (VD: như các giai đoạn dịch bệnh, thiếu/đói hay những vấn đề khác). Đầu tiên, các hướng dẫn viên nên tập trung vào lịch mùa vụ ở thời điểm hiện tại, sau đó, hỏi mọi người nếu như những mùa vụ này thay đổi như thế nào so với khoảng 30 năm trước. Đối với việc thảo luận những thay đổi dài hạn nên có sự tham gia của người lớn tuổi trong nhóm. Lưu ý, thông tin thu thập không phải là một **sự kiện** đã xảy ra mà là **chiều hướng** trong quá khứ.

Công cụ này giúp hiểu rõ hơn các hoạt động sinh kế và các biện pháp đối phó. Các hướng dẫn viên có thể kiểm tra sâu hơn liệu các chiến lược đối phó hiện tại có hiệu quả trong điều kiện môi trường thay đổi không, và/hoặc xác định các chiến lược mới để thích ứng với những thay đổi này. Xem xét loại hình sinh kế nào dễ bị rủi ro do hiểm họa liên quan đến BĐKH tại khu vực thành thị và nông thôn. Hướng dẫn viên có thể kiểm tra chéo thông tin về sinh kế với những thay đổi và rủi ro khí hậu lớn – ví dụ nếu như người dân phụ thuộc lớn vào nông nghiệp và lượng mưa ngày càng giảm đi, nhiệt độ trung bình tăng, các hiện tượng thời tiết cực đoan và mùa thay đổi, điều này sẽ trở thành vấn đề lớn đối với người dân.

5.1 Biểu mẫu thu thập thông tin

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật																	
Thôn:.....																	
Các hoạt động sinh kế (Bước 1)	Tháng												Rủi ro (Bước 4)	Nguyên nhân (Bước 5)	Kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro thảm họa (Bước 6)		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12					
Hiểm họa (Bước 2)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Xu hướng (Bước 3)				

5.2 Mẫu tổng hợp thông tin

Sau khi thu thập thông tin, các thông tin được tóm tắt vào bảng dưới đây (với sự giúp đỡ của các thành viên trong nhóm thảo luận). Những con số trên tiêu đề chỉ những cột trong bảng thu thập thông tin mà từ đó thông tin được lấy để tổng hợp. Bằng việc thảo luận xu hướng quan sát được, các hướng dẫn viên có thể kiểm tra liệu các chiến lược đối phó hiện tại có hiệu quả trong điều kiện môi trường thay đổi không. Điều này cũng giúp cho việc xác định các chiến lược mới. Nếu như các xu hướng quan sát được khác với xu hướng tìm ra trong tài liệu thứ cấp, thông tin này cần phải được xác nhận lại (ví dụ với chính quyền địa phương).

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật			
Thôn:			
Hiểm họa (Từ bước 2)	Năng lực (Từ bước 6)	Tính DBTT (cụ thể cho từng hoạt động kinh tế) (Từ bước 5)	Rủi ro thảm họa (Từ bước 4)
Xu hướng quan sát được: (loại và tần suất)	Xu hướng quan sát được: (năng lực)	Xu hướng quan sát được: (tính DBTT)	Xu hướng quan sát được: (rủi ro)

5.3 Biểu mẫu tóm tắt thông tin – chỉ được điền bởi các hướng dẫn viên

Tổng hợp các kết quả từ các nhóm bằng việc kết hợp các thông tin từ bảng tổng hợp của mỗi nhóm phía trên, loại bỏ những phần bị trùng lặp. Trong mỗi cột hướng dẫn viên có thể tìm ra những điểm khác biệt chính cần được lưu ý giữa các nhóm/thôn (ví dụ như hiểm họa X chỉ được phụ nữ ở thôn Y nhắc tới).

Xã:			
Hiểm họa (1)	Năng lực (2)	Tính DBTT (cụ thể cho từng hoạt động kinh tế) (3)	Rủi ro thảm họa (4)
Xu hướng quan sát được: (loại và tần suất)	Xu hướng quan sát được: (Năng lực)	Xu hướng quan sát được: (tính DBTT)	Xu hướng quan sát được: (Rủi ro)

Những khác biệt chính giữa các thôn và nhóm (nếu có):	Những khác biệt chính giữa các thôn và nhóm (nếu có):	Những khác biệt chính giữa các thôn và nhóm (nếu có):	Những khác biệt chính giữa các thôn và nhóm (nếu có):

6) Công cụ phân tích thông tin VCA: Phân tích sinh kế

Lưu ý

Thông tin về sinh kế đã được thu thập từ một số công cụ khác (Nghiên cứu tài liệu thứ cấp; Thông tin lịch sử; Lịch mùa vụ). Tuy nhiên vẫn nên có thảo luận riêng về sinh kế. Những thông tin này có thể điền vào biểu mẫu như trong tài liệu hướng dẫn VCA.

6.1 Biểu mẫu

Dùng nguyên mẫu ở Tài liệu hướng dẫn VCA (không chỉnh sửa):

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật									
Thôn:									
Sinh kế	Ai làm chính (phụ nữ, đàn ông, trẻ em...)	Số lượng người làm trong thôn	Ước tính thu nhập mỗi ngày hoặc tháng	Có bảo hiểm hoặc cơ chế hỗ trợ gì từ chính phủ hoặc xã hội?	Những rủi ro, nguy hiểm từ hoạt động sinh kế/công việc này	Thiệt hại, tổn thất xảy ra	Những biện pháp giảm thiểu?	Giải pháp thay thế (nếu có)	Lưu ý

6.2 Biểu mẫu tóm tắt thông tin – chỉ được điền bởi các hướng dẫn viên

Tóm tắt các kết quả từ các nhóm bằng việc kết hợp các thông tin từ bảng phân tích của từng nhóm vào bảng dưới đây, bỏ đi những phần trùng lặp.

Xã:									
Sinh kế (1)	Ai làm chính (phụ nữ, đàn ông, trẻ em...) (2)	Số lượng người làm trong xã (3)	Ước tính thu nhập mỗi ngày hoặc tháng (4)	Có bảo hiểm hoặc cơ chế hỗ trợ gì từ chính phủ hoặc xã hội? (5)	Những rủi ro, nguy hiểm từ hoạt động sinh kế/công việc này (6)	Thiệt hại, tổn thất xảy ra (7)	Những biện pháp giảm thiểu? (8)	Giải pháp thay thế (nếu có) (9)	Lưu ý (10)
Đánh bắt thủy sản									
Sản xuất nông nghiệp									
Nuôi bò									
Buôn bán nhỏ									
Làm thuê tự do trả công thấp									
Kiểm củi đun nấu									
Lượm ve chai để bán									
Thợ xây									
Thợ mộc									
...									

7) Công cụ phân tích thông tin VCA: Xếp hạng

Lưu ý

Công cụ xếp hạng có thể được sử dụng bất cứ lúc nào hướng dẫn viên cảm thấy cần phải ưu tiên để giảm số lượng các ý tưởng hay ý kiến đưa ra. Ở đây, chúng tôi sử dụng để lọc lại những vấn đề chính (rủi ro thảm họa) mà người dân nhận thức được, qua đó chúng ta có thể sử dụng những vấn đề này để tiến hành phân tích công cụ cây vấn đề.

Xếp hạng có thể được tiến hành theo nhiều cách khác nhau. Trong một nhóm nhỏ, xếp hạng có thể thảo luận chung. Trong nhóm lớn hoặc nhóm hỗn hợp, nên để từng người xếp hạng trước, sau đó kết hợp kết quả của từng người.

Nếu như số lượng vấn đề để xếp hạng quá lớn (hơn 5), hướng dẫn viên có thể hỏi mọi người xếp hạng ba vấn đề mà họ ưu tiên nhất.

7.1 Biểu mẫu

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật		
Thôn:		
Rủi ro thâm họa (lấy từ công cụ vẽ bản đồ - cột 5 bảng 4.2, phân tích sinh kế - cột 6 bảng 6.1 và/hoặc lịch mùa vụ - cột 4 bảng 5.2)	Xếp hạng (1 là quan trọng nhất)	Lý do xếp hạng (chỉ ưu tiên từ 1 đến 3)

7.2 Biểu mẫu tóm tắt thông tin – chỉ được điền bởi các hướng dẫn viên

Tóm tắt các kết quả xếp hạng của mỗi thôn/nhóm trọng tâm vào bảng dưới đây. Có thể chỉ điền ưu tiên đầu tiên của mỗi nhóm. Bảng này thể hiện sự đa dạng ý kiến của các nhóm, các thôn trong xã. Bảng không đưa ra kết luận chung cho toàn xã. Bởi lẽ không thể nói rằng vấn đề/rủi ro ở thôn A thì quan trọng hơn thôn B hay vấn đề của nhóm X ít liên quan hơn vấn đề của nhóm Y.

Xã:					
Thôn	Ưu tiên				
	Nhóm nam&nữ	Nhóm nữ	Trẻ em	Người già	Người khuyết tật

8) Công cụ phân tích thông tin VCA: Cây vấn đề

Lưu ý

Cây vấn đề tốt nhất chỉ nên áp dụng với những vấn đề được ưu tiên. Do đó, nên tiến hành công cụ này sau khi thực hiện công cụ xếp hạng.

8.1 Biểu mẫu

Mỗi cây vấn đề được sử dụng để phân tích một rủi ro thảm họa. Sau khi phân tích một số rủi ro thảm họa được ưu tiên, hướng dẫn viên sử dụng bảng bên dưới để tổng hợp lại thông tin.

8.2 Biểu mẫu tổng hợp thông tin

Các giải pháp sẽ đưa vào bảng kế hoạch dùng khung logic.

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật				
Thôn:.....				
Thứ tự ưu tiên (1)	Rủi ro thảm họa (2)	Tính DBTT (3)	Nguyên nhân cốt lõi (4)	Giải pháp (5)
1.				
2.				
3.				

9) Công cụ thu thập hoặc phân tích thông tin VCA: Sơ đồ Venn

Lưu ý

Sơ đồ Venn có thể được sử dụng như là công cụ thu thập thông tin và cũng có thể là công cụ phân tích thông tin.

Công cụ thu thập thông tin

Nếu sử dụng như công cụ thu thập thông tin (như mục đích ban đầu trong tài liệu hướng dẫn VCA của hội CTĐ VN/Hiệp hội), sơ đồ Venn nên được tiến hành sau công cụ Lịch mùa vụ tại cấp thôn và với các nhóm trọng tâm khác nhau:

- Phụ nữ
- Trẻ em
- Người lớn tuổi
- Người khuyết tật
- Nhóm hỗn hợp (Vd: những người đại diện cho các hoạt động sinh kế khác nhau)

Công cụ không chỉ nên tập trung vào các tổ chức/nhóm/cá nhân đang tồn tại mà cũng nên chỉ ra những **hạn chế tồn tại** (Ví dụ: không có tổ chức đặc thù chú trọng vào người khuyết tật).

Công cụ phân tích thông tin

Trên thực tế, Hội CTĐ Việt Nam đôi khi sử dụng công cụ này để phân tích thông tin, để có cái nhìn cụ thể vào các bên liên quan trong từng vấn đề được xác định. Với cách tiếp cận này, sơ đồ Venn sẽ tập trung hơn và do đó phù hợp hơn. Vì vậy, công cụ này nên được tiến hành sau khi xếp hạng hoặc/và cây vấn đề. Kết quả của công cụ này sẽ hỗ trợ cho việc xây dựng kế hoạch theo khung logic.

9.1 Biểu mẫu thu thập thông tin

Dùng đúng theo tài liệu hướng dẫn VCA (không chỉnh sửa).

9.2 Mẫu tổng hợp thông tin

Tóm tắt các thông tin thu được vào bảng dưới đây (với sự hỗ trợ của cả nhóm).

Nếu sơ đồ Venn được sử dụng để thu thập thông tin (xem phần lưu ý trên), cột vai trò liên quan đến vấn đề được xác định nên thay đổi thành vai trò liên quan đến quản lý thiên tai/thảm họa.

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật		
Thôn:.....		
Tổ chức / Cá nhân	Vai trò liên quan đến vấn đề quản lý thiên tai/thảm họa đã được xác định	Những điểm hạn chế về năng lực (nếu có) ¹⁾
Hạn chế²⁾:		

1) Lưu ý: ví dụ như một tổ chức thiếu nhân lực, thiếu năng lực hoặc ở nơi quá xa ...

2) Tổ chức, vai trò hoặc nhiệm vụ nào đó chưa được quan tâm.

9.3 Biểu mẫu tóm tắt thông tin – chỉ được điền bởi các hướng dẫn viên

Tóm tắt các thông tin từ các nhóm khác nhau bằng cách kết hợp các thông tin từ bảng phân tích của từng nhóm vào bảng dưới đây, loại bỏ những phần trùng lặp. Ở cột cuối, hướng dẫn viên có thể lưu ý nếu kết quả quá khác biệt giữa các nhóm trọng tâm hoặc các thôn (ví dụ: “đặc biệt quan trọng với nhóm người khuyết tật”).

Nếu sơ đồ Venn được sử dụng để thu thập thông tin (xem phần lưu ý trên), cột “vai trò liên quan đến vấn đề xác định” nên được chuyển thành “vai trò liên quan đến quản lý thiên tai/thảm họa”.

Xã:			
Tổ chức/Cá nhân (1)	Vai trò liên quan đến vấn đề quản lý thiên tai/thảm họa (2)	Vấn đề liên quan đến khả năng (Nếu có) (3)	Đặc biệt quan trọng đối với: (Nhóm trọng tâm/Thôn) (4)
Hạn chế:			Đặc biệt quan trọng đối với: (Nhóm trọng tâm/Thôn)

10) Công cụ phân tích thông tin VCA: Xây dựng kế hoạch theo khung logic

Lưu ý

Tài liệu hướng dẫn VCA đưa ra một “Kế hoạch chuyển đổi tình trạng dễ bị tổn thương thành khả năng và giảm thiểu rủi ro thảm họa”. Biểu mẫu này giúp liên kết các biện pháp cho những rủi ro đã xác định được, nhưng chưa tập trung vào việc chi tiết hóa các giải pháp đề xuất. Chính vì vậy các hướng dẫn viên có thể lựa chọn sử dụng biểu mẫu dưới đây (để thay thế hoặc để bổ sung vào biểu mẫu trong tài liệu hướng dẫn VCA). Cột thứ 2 của bảng (các giải pháp) liên kết với cột cuối cùng trong mẫu tổng hợp thông tin của công cụ cây vấn đề.

Công cụ này nên được sử dụng cho tất cả các nhóm trọng tâm, vì đây là cơ hội để họ suy nghĩ về các giải pháp mà bản thân họ mong muốn nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng. Đối với các nhóm mà trong đó biểu mẫu quá phức tạp (ví dụ như trẻ em, người lớn tuổi, nhóm khuyết tật), bảng này nên được đơn giản hóa bằng cách chỉ sử dụng cột 1 (vấn đề, sao chép lại từ cây vấn đề hoặc bản đồ hiểm họa) và cột 2 (diễn giải là: theo bạn, cần làm gì để giải quyết vấn đề này?). Các cột khác có thể để trống.

Quan trọng: với mỗi nhóm trọng tâm, không chỉ tập trung vào các giải pháp do bên ngoài hỗ trợ mà cố gắng thúc đẩy mọi người cũng nghĩ về những việc họ có thể tự làm.

10.1 Biểu mẫu

Nhóm trọng tâm: nhóm cộng đồng / nữ / trẻ em / người lớn tuổi / người khuyết tật
Thôn:.....

Rủi ro thảm họa ¹⁾	Giải pháp / hoạt động đề xuất ¹⁾	Số lượng	Địa điểm và người hưởng lợi <i>Số lượng, nhóm²⁾</i>	Khung thời gian đề xuất	Cấp nào chỉ đạo/thực hiện?	Hỗ trợ kỹ thuật nếu cần thiết <i>Cái gì / Bởi ai</i>	Hỗ trợ tài chính nếu cần thiết <i>Bởi ai</i>

1) Lấy từ công cụ Cây vấn đề

2) Nhóm đặc biệt như trẻ em, phụ nữ....

10.2 Biểu mẫu tóm tắt thông tin – chỉ được điền bởi hướng dẫn viên

Tất cả các thông tin thu thập được từ các nhóm có thể được tóm tắt vào bảng sau. Loại bỏ đi những phần trùng lặp. Cột “Địa điểm và người hưởng lợi” giúp cho các hướng dẫn viên có cơ hội lưu ý nếu có vấn đề hoặc giải pháp cụ thể chỉ tương ứng với một thôn hoặc một nhóm người.

Xã:

Rủi ro thảm họa ¹⁾	Giải pháp / hoạt động đề xuất ¹⁾	Số lượng	Địa điểm và người hưởng lợi <i>Số lượng, nhóm²⁾</i>	Khung thời gian đề xuất	Cấp nào chỉ đạo/thực hiện?	Hỗ trợ kỹ thuật nếu cần thiết <i>Cái gì / Bởi ai</i>	Hỗ trợ tài chính nếu cần thiết <i>Bởi ai</i>

PHỤ LỤC của Phần bổ sung 3: Gợi ý cho việc thu thập thông tin

I. Sinh kế

Với từng hoạt động sinh kế chính, có thể xác định các thông tin theo các lĩnh vực sau:

a. Vật chất:

- Tài nguyên đất, nước, sinh vật sử dụng trong hoạt động sinh kế và điều kiện của chúng (vị trí, diện tích, chất lượng)
- Cơ sở hạ tầng liên quan đến hoạt động sinh kế (kênh mương, chợ)
- Trang thiết bị, khoa học kỹ thuật

b. Tổ chức xã hội:

- Lượng người tham gia, nhóm đối tượng tham gia (nam/nữ, khu vực, đặc biệt nhóm DBTT: NKT, phụ nữ đơn thân, hộ nghèo, người già)
- Các dịch vụ, trung tâm dạy nghề, các hoạt động tập huấn
- Hợp tác xã, các tổ hội nhóm
- Chính sách hỗ trợ

c. Thái độ/động cơ:

- Kinh nghiệm sản xuất
- Kinh nghiệm chuyển đổi ngành nghề, giống cây trồng vật nuôi phù hợp với những thay đổi về kinh tế, xã hội, môi trường

II. Điều kiện sống cơ bản

1. Giao thông

a. Vật chất:

- Các loại đường (chiều dài, chất lượng, vị trí)
- Các biển báo giao thông, và các công trình giao thông dành cho các nhóm đặc thù (NKT, người già, trẻ em)
- Các chức năng đính kèm liên quan đến phòng chống thiên tai, sản xuất nông nghiệp, giao thương

b. Tổ chức, xã hội:

- Các chương trình hỗ trợ
- Các tổ, hội nhóm thực hiện/tham gia công tác bảo vệ, sửa chữa

c. Thái độ/động cơ:

- Ý thức của người dân chấp hành luật giao thông
- Hiểu biết của người dân về luật giao thông

2. Y tế

a. Vật chất

- Cơ sở hạ tầng các cơ sở y tế
- Phương tiện, trang thiết bị khám chữa bệnh

b. Tổ chức, xã hội:

- Đội ngũ cán bộ: số lượng, chất lượng chuyên môn
- Y tế thôn bản
- Các chương trình chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh
- Bảo hiểm y tế
- Số lượng người tham gia khám chữa bệnh

c. Thái độ/động cơ

- Ý thức / Nhận thức của người dân về bảo vệ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh
- Kinh nghiệm trong chăm sóc sức khỏe

3. Giáo dục

a. Vật chất:

- Cơ sở hạ tầng: trường học, phòng học
- b. *Tổ chức, xã hội:*
 - Đội ngũ giáo viên, chất lượng giáo viên
 - Hoạt động của hội khuyến học
- c. *Thái độ / động cơ:*
 - Nhận thức của người dân đưa trẻ đến trường: số lượng học sinh đi học (tỷ lệ trong độ tuổi được đến trường, số lượng trẻ phải nghỉ học vì lý do gia đình)

4. Điện sinh hoạt và sản xuất:

- a. *Vật chất*
 - Hệ thống đường điện và trạm biến áp
 - Tỷ lệ hộ đã được kéo đường dây điện
 - An toàn điện lưới
- b. *Tổ chức, xã hội*
 - Các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng hệ thống điện trên địa bàn
 - Các chương trình/chính sách hỗ trợ
- c. *Thái độ/ động cơ*
 - Nhận thức / kinh nghiệm của người dân trong việc sử dụng điện và đảm bảo an toàn lưới điện

5. Nước sạch vệ sinh môi trường

- a. *Vật chất:*
 - Các công trình cung cấp nước sạch
 - Chất lượng nước
 - Nhà vệ sinh, chuồng trại
 - Các công trình/khu vực thu gom, xử lý rác thải/nước thải
- b. *Tổ chức, xã hội:*
 - Các tổ, hội, nhóm cung cấp các dịch vụ nước sạch, thu gom rác thải
 - Các chính sách/chương trình
- c. *Thái độ, động cơ:*
 - Ý thức người dân về vệ sinh, môi trường
 - * Chú ý các thông tin với các nhóm DBTT

III. Sự tự bảo vệ

- a. *Vật chất:*
 - Công trình và các trang thiết bị (nhà cửa và trong việc dự trữ lương thực, tiếp cận thông tin, hỗ trợ nhóm DBTT)
- b. *Tổ chức, xã hội:*
 - Sự hỗ trợ lẫn nhau trong thôn xóm
 - Hoạt động tập huấn nhằm tăng cường kỹ năng PCTT
- c. *Thái độ/ động cơ:*
 - Kiến thức, kỹ năng bảo vệ nhà cửa,
 - Kỹ năng phòng chống thiên tai, sơ tán, kỹ năng bơi
 - Ý thức dự trữ lương thực
 - Thái độ đối với nhóm DBTT
 - Sự tham gia bảo hiểm về tính mạng và tài sản

IV. Sự bảo vệ của cộng đồng

- a. *Vật chất*
 - Phương tiện trang bị cho các đội cứu hộ cứu nạn, đường xá
 - Điểm sơ tán tập trung/ trú ẩn an toàn
 - Hệ thống thông tin liên lạc, cảnh báo
- b. *Tổ chức, xã hội:*

- Kế hoạch PCTT
- Đội cứu hộ, cứu nạn (mạnh, yếu, số lượng)
- Tập huấn các kỹ năng và nâng cao nhận thức cho người dân
- Hoạt động của các ban ngành đoàn thể trợ giúp người dân trong thiên tai
- Sự liên kết phối hợp của các địa phương
- Các chương trình, dự án, hỗ trợ liên quan đến nhà cửa, cơ sở vật chất

c. Thái độ/động cơ

- An toàn, an ninh tài sản
- Sự quan tâm đến các nhóm DBTT

V. Tổ chức xã hội, chính quyền (nhấn mạnh công tác phòng chống thiên tai)

a. Cơ cấu tổ chức (chính quyền cấp xã, thôn)

- Số lượng, chất lượng (trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm)
- Mức độ đáp ứng công việc của các thành viên trong ban PCTT
- Cơ hội được đào tạo, huấn luyện nâng cao
- Kỹ năng và kiến thức vận động quần chúng

b. Cơ chế hoạt động:

- Sự chỉ đạo của Đảng
- Kế hoạch hoạt động của năm (có sự tham gia của các nhóm đặc thù)
- Có quy chế hoạt động
- Phân công trách nhiệm cụ thể từng thành viên trước, trong và sau thiên tai
- Mức độ triển khai kế hoạch hoạt động PCTT
- Chú ý đến khiếu kiện đảm bảo cho ban hoạt động
- Công tác thực hiện Luật phòng chống thiên tai

c. Sự phối hợp giữa các ban ngành

- Phối hợp giữa các ban ngành
- Phối hợp giữ cấp xã và thôn và các đơn vị trên địa bàn

(Có sự chồng chéo trong hoạt động hay không, lý do, Tính trách nhiệm trong công tác).

PHẦN BỔ SUNG 4: MẪU BÁO CÁO VCA

Mẫu báo cáo VCA dưới đây nhằm cung cấp cách tổng hợp thông tin đánh giá VCA đưa vào báo cáo. Khi tổng hợp thông tin cần ghi nhớ những điểm quan trọng sau:

- Báo cáo cần ngắn gọn, súc tích: tránh viết báo cáo quá dài lặp lại những thông tin mà cộng đồng đã biết, mà chỉ tập trung vào những thông tin cần thiết phù hợp cho việc lập kế hoạch và quản lý rủi ro thiên tai;
- Báo cáo cần liệt kê được những điểm khác nhau liên quan đến rủi ro, tình trạng dễ bị tổn thương và giải pháp giảm rủi ro của cộng đồng trong địa phương. Không chỉ dừng lại ở điểm khác nhau về vị trí địa lý (như một số thôn nhất định nằm ở vùng dễ bị rủi ro đối với một số hiểm họa so với các thôn khác) mà phải nêu được điểm khác nhau về các nhóm xã hội trong cộng đồng (các nhóm đặc thù như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật...).

BÁO CÁO VCA

Xã / Phường:

Quận/Huyện:

Tỉnh:

Thời gian đánh giá VCA: từ..... đến.....

Được thực hiện và báo cáo bởi nhóm VCA:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ, đơn vị công tác</i>	<i>Vai trò</i>

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA XÃ

Mô tả ngắn gọn về vị trí địa lý, diện tích, địa hình, dân số và sinh kế chính của địa phương. Cố gắng hạn định chỉ trong một trang viết và thảo luận chọn những thông tin liên quan đến quản lý thảm họa.

Có thể tìm thấy thông tin trong 'Các biểu mẫu cho công cụ VCA':

- *Bảng 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3, 1.1.4 (Nghiên cứu tài liệu thứ cấp).*

PHẦN A – ĐÁNH GIÁ VỀ HIỂM HỌA, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC

1. Đánh giá về hiểm họa tại địa phương

Phần này nêu những hiểm họa mà cộng đồng quan tâm nhất, bao gồm cả các loại hình thiên tai lẫn các hiểm họa do con người gây. Có thể viết phần này theo từng loại hình thiên tai, nêu thực trạng và xu hướng của từng loại và tác động đến các nhóm dễ bị tổn thương.

- a) Thực trạng (Cường độ, quy mô, tần suất, thời gian, dấu hiệu cảnh báo và mức độ tác động)

Có thể tìm thấy thông tin trong 'Các biểu mẫu cho công cụ VCA':

- *Bảng 1.1 (Nghiên cứu tài liệu thứ cấp), Bảng 1.1.8 (Chăm sóc sức khỏe)*
- *Bảng 2.1 (SWOT), hiểm họa và tác động của hiểm họa*
- *Bảng 3.3 (Thông tin lịch sử), cột 1-5;*
- *Bảng 4.3 (Vẽ bản đồ), cột 1, 2 và 5;*
- *Bảng 5.3 (Lịch mùa vụ), cột 1 và 4;*
- *Bảng 6.2 (Phân tích sinh kế), cột 6 và 7;*
- *Bảng 7.2 (Xếp hạng);*
- *Bảng 8.2 (Cây vấn đề), cột 2.*

Đảm bảo các thông tin không chung chung cho toàn xã mà cụ thể các biện pháp với từng nhóm dễ bị tổn thương (DBTT) hoặc/và từng thôn.

- b) Những xu hướng quan sát/dự đoán được?

Có thể tìm thấy thông tin trong "Các biểu mẫu cho công cụ VCA":

- *Bảng 1.1 (Nghiên cứu tài liệu thứ cấp), Bảng 1.1.10 (Dự đoán Biến đổi khí hậu ở xã)*
- *Bảng 3.3 (Thông tin lịch sử), xu hướng quan sát được trong cột 1-5;*
- *Bảng 5.3 (Lịch mùa vụ), xu hướng quan sát được trong cột 1 và 4.*

2. Đánh giá Khả năng

Có thể cấu trúc theo năm hợp phần: Sinh kế, Điều kiện sống cơ bản, Sự tự bảo vệ, Sự bảo vệ của cộng đồng và Tổ chức xã hội.

- a) Thực trạng

Có thể tìm thấy thông tin trong 'Các biểu mẫu cho công cụ VCA':

- *Bảng 1.1 (Nghiên cứu tài liệu thứ cấp), những điều kiện địa lý thích hợp từ Bảng 1.1.1 (thông tin địa lý); các nhóm DBTT của Bảng 1.1.2 (dân số); Bảng 1.1.3 (tài nguyên thiên nhiên); Bảng 1.1.4 (sản xuất và các hoạt động kinh tế); hiện trạng trong Bảng 1.1.5 (cơ sở hạ tầng); nhà kiên cố từ Bảng 1.1.6 (nhà ở); Bảng 1.1.7 (Nước sạch, sức khỏe, vệ sinh và môi trường); Bảng 1.1.9 (Công tác phòng chống thiên tai tại địa phương)*
- *Bảng 2.1 (SWOT), điểm mạnh/năng lực của cộng đồng*
- *Bảng 3.3 (Thông tin lịch sử), cột 7;*
- *Bảng 4.3 (Vẽ bản đồ), cột 3;*
- *Bảng 5.3 (Lịch mùa vụ), cột 2;*
- *Bảng 6.2 (Phân tích sinh kế) cột 4 và 5;*
- *Bảng 9.3 (Sơ đồ Venn).*

Đảm bảo các thông tin không chung chung cho toàn xã mà cụ thể các biện pháp với từng nhóm dễ bị tổn thương (DBTT) hoặc/và từng thôn.

- b) Những xu hướng quan sát/dự đoán được?

Có thể tìm thấy thông tin trong 'Các biểu mẫu cho công cụ VCA':

- *Bảng 2.1 (SWOT), điều kiện thuận lợi của cộng đồng*
- *Bảng 3.3 (Thông tin lịch sử), xu hướng quan sát được trong cột 7;*
- *Bảng 5.3 (Lịch mùa vụ), xu hướng quan sát được trong cột 2;*

3. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Có thể cấu trúc theo năm hợp phần: Sinh kế, Điều kiện sống cơ bản, Sự tự bảo vệ, Sự bảo vệ của cộng đồng và Tổ chức xã hội.

a) Thực trạng

Có thể tìm thấy thông tin trong 'Các biểu mẫu cho công cụ VCA':

- Bảng 1.1 (Nghiên cứu tài liệu thứ cấp), điều kiện địa lý từ Bảng 1.1.1 (Thông tin địa lý); các nhóm DBTT của Bảng 1.1.2 (dân số); Bảng 1.1.3 (tài nguyên thiên nhiên); Bảng 1.14 (sản phẩm và các hoạt động kinh tế); hiện trạng của Bảng 1.1.5 (cơ sở hạ tầng); nhà tạm và bán kiên cố từ Bảng 1.1.6 (Nhà ở); Bảng 1.1.7 (Nước sạch, sức khỏe, vệ sinh và môi trường)
- Bảng 2.1 (SWOT), điểm yếu/tính DBTT của cộng đồng;
- Bảng 3.3 (Thông tin lịch sử), cột 6;
- Bảng 4.3 (Vẽ bản đồ), cột 4;
- Bảng 5.3 (Lịch mùa vụ), cột 3;
- Bảng 6.2 (Phân tích sinh kế), cột 4 và 5;
- Bảng 8.2 (Cây vấn đề), cột 3, 4;
- Bảng 9.3 (Sơ đồ Venn), hạn chế.

Đảm bảo các thông tin không chung chung cho toàn xã mà cụ thể các biện pháp với từng nhóm dễ bị tổn thương (DBTT) hoặc/và từng thôn.

b) Những xu hướng quan sát/dự đoán được?

Có thể tìm thấy thông tin trong 'Các biểu mẫu cho công cụ VCA':

- Bảng 1.1 (Nghiên cứu tài liệu thứ cấp), Bảng 10 (Dự báo những thay đổi tại địa phương)
- Bảng 2.1 (SWOT), hiểm họa
- Bảng 3.3 (Thông tin lịch sử), xu hướng quan sát được trong cột 6;
- Bảng 5.3 (Lịch mùa vụ), xu hướng quan sát được trong cột 3;

PHẦN B – TỔNG HỢP GIẢI PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO

4. Tổng hợp các giải pháp phòng ngừa, ứng phó thảm họa và nhu cầu

Dùng bảng tổng hợp các rủi ro, nhu cầu và giải pháp đề xuất. Ghi nhớ, không nên đồng nhất rủi ro, nhu cầu và giải pháp cho toàn xã, mà cần cụ thể các giải pháp của các nhóm đặc thù và thôn. Không chỉ nêu những giải pháp giải quyết những vấn đề lớn không thôi, mà cần có giải pháp giải quyết những vấn đề nhỏ hoặc đặc thù hiểm họa và cần lưu tâm đối với cộng đồng.

Thường, một vấn đề có nhiều cách giải quyết hoặc các nhóm người khác nhau trong cộng đồng có thể đưa ra sáng kiến khác nhau (ví dụ: đối với lũ lụt, cộng đồng lo việc vệ sinh thu gom rác thải từ các kênh rạch thoát lũ, chính quyền địa phương có thể tập trung vào việc nâng cấp củng cố hệ thống bờ kè ven sông và trẻ em học được kiến thức từ nhà trường để tránh nơi ngập lụt nguy hiểm).

Những giải pháp có thể cụ thể theo:

- Những việc cần làm là gì?
- Ai làm được (ai chịu trách nhiệm chính)?
- Làm lúc nào?

Có thể tìm thấy thông tin trong "Các biểu mẫu cho công cụ VCA":

- Bảng 6.2 (Phân tích sinh kế), cột 8 và 9;
- Bảng 8.2 (Cây vấn đề), cột 5;
- Bảng 10.2 (Kế hoạch Logframe).

PHẦN C – KIẾN NGHỊ

Dựa vào Phần B cần mô tả công việc của mỗi tổ chức/nhóm về việc giám sát đánh giá việc thực hiện công việc tiếp sau VCA.

5. **Kiến nghị những hoạt động tiếp nối kết quả VCA thực hiện bởi cộng đồng địa phương**
 - a. Bởi người dân
 - b. Với sự hỗ trợ của chính quyền/các tổ chức trong xã
6. **Kiến nghị những hoạt động tiếp nối kết quả VCA tại cấp trên**
7. **Kiến nghị những hoạt động tiếp nối kết quả VCA tiến hành bởi Hội Chữ thập đỏ**
8. **Kiến nghị những hoạt động tiếp nối kết quả VCA tiến hành bởi các tổ chức khác (phi chính phủ, v.v...)**

(Chữ ký và đóng dấu của xã)

(Chữ ký của trưởng nhóm đánh giá)

Phụ lục:

Những thông tin và bảng biểu cần đưa vào Phần Phụ lục của Báo cáo VCA:

Phụ lục 1: Danh sách đối tượng tham dự (tên, tuổi, giới tính, thôn)

Phụ lục 2: Chương trình đánh giá tại cộng đồng

Phụ lục 3: Các đầu ra:

- Các bảng từ phần 1.1 (Thông tin thứ cấp)
- Bảng 2.1 SWOT
- Bảng 3.3 Thông tin lịch sử
- Bảng 4.3 Vẽ bản đồ và bản đồ
- Bảng 5.3 Lịch mùa vụ
- Bảng 6.2 Phân tích sinh kế
- Bảng 7.2 Xếp hạng
- Bảng 8.2 Cây vấn đề
- Bảng 9.3 Sơ đồ Venn
- Bảng 10.2 Kế hoạch Logframe